

## MÔ-ĐUN IU01 –HIỂU BIẾT VỀ CNTT CƠ BẢN

**Câu hỏi 1:** Tùy chọn nào sau đây là thiết bị máy tính ? (Chọn 3)

- 1 - Unix.
- 2 - Server.
- 3 - Ubuntu.
- 4 - Linux.
- 5 - Desktop.
- 6 - Laptop.

Đáp án: 2,5,6

**Câu hỏi 2:** Hai thiết bị nào sau đây được thay thế khi dùng màn hình cảm ứng ? (Chọn 2)

- 1 - Máy in.
- 2 - Bàn phím.
- 3 - Chuột.
- 4 - Máy quét ảnh (scanner).
- 5 - Microphone.

Đáp án: 2,3

**Câu hỏi 3:** Những thiết bị nào sau đây được xếp vào nhóm thiết bị bên trong của máy tính ? (Chọn 3)

- 1 - Bo mạch chủ (mainboard).
- 2 - Bộ vi xử lý trung tâm (CPU).
- 3 - Chuột.
- 4 - Bàn phím.
- 5 - Máy quét ảnh.
- 6 - Bộ nhớ.

Đáp án: 1,2,6

**Câu hỏi 4:** Những thiết bị nào sau đây được xếp vào nhóm thiết bị ngoại vi của máy tính ? (Chọn 3)

- 1 - Các thiết bị lưu trữ.
- 2 - Các thiết bị xuất / nhập.
- 3 - Các thiết bị mạng và truyền thông.
- 4 - Bộ vi xử lý trung tâm.

Đáp án: 1,2,3

**Câu hỏi 5:** Phát biểu nào sau đây là đúng khi nói đến bộ vi xử lý trung tâm (CPU) ?

- 1 - CPU được tạo bởi bộ nhớ RAM và ROM.
- 2 - CPU thường được tích hợp với một Chip gọi là vi xử lý.
- 3 - CPU là viết tắt của Processing Unit.
- 4 - CPU nhắm đến phần mềm người sử dụng.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 6:** –“Phần cứng này chứa dữ liệu có thể đọc và sử dụng nhưng không thay đổi được. Các lệnh để điều khiển các chức năng cơ bản của máy tính vẫn tồn tại cho dù nguồn điện bật hay tắt”. Đây là phát biểu về thành phần nào của máy tính?

- 1 - Bộ nhớ ROM.

- 2 - Bộ nhớ RAM.
- 3 - Ổ đĩa thể rắn (SSD).
- 4 - Ổ đĩa cứng (HDD).

Đáp án: 1

**Câu hỏi 7:** – “*Đây là vùng bộ nhớ điện tử nơi máy tính cá nhân lưu giữ các bản sao đang làm việc của các chương trình và dữ liệu; các thông tin và dữ liệu này bị biến mất khi máy tính tắt nguồn*”. Đây là phát biểu về thành phần nào của máy tính ?

- 1 - Bộ nhớ ROM.
- 2 - Bộ nhớ RAM.
- 3 - CD-Rom.
- 4 - Ổ đĩa cứng (HDD).

Đáp án: 2

**Câu hỏi 8:** Hãy chỉ ra hai thiết bị lưu trữ dữ liệu ? (Chọn 2)

- 1 - Ổ cứng ngoài.
- 2 - Máy in.
- 3 - Cần điều khiển.
- 4 - Bộ nhớ USB.
- 5 - Webcam.
- 6 - Thiết bị số hóa.

Đáp án: 1,4

**Câu hỏi 9:** Hãy chỉ ra ba thiết bị nhập thông dụng ? (Chọn 3)

- 1 - Bàn phím.
- 2 - Microphone.
- 3 - Máy ảnh kỹ thuật số.
- 4 - Máy in.
- 5 - Loa.
- 6 - Màn hình.

Đáp án: 1,2,3

**Câu hỏi 10:** - Chuột không dây sử dụng công nghệ nào để kết nối tín hiệu với máy tính ?

- 1 - Wifi.
- 2 - Hồng ngoại.
- 3 - Wimax.
- 4 - Bluetooth.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 11:** - Những thiết bị nào sau đây được xếp vào nhóm thiết bị xuất của máy tính ? (Chọn 3)

- 1 - Màn hình.
- 2 - Máy quét ảnh.
- 3 - Máy in.
- 4 - Microphone.
- 5 - Loa
- 6 - Bàn phím.

Đáp án: 1,3,5

**Câu hỏi 12:** - Thiết bị nào sau đây thực hiện cả hai chức năng nhập và xuất dữ liệu ?

- 1 - Màn hình.
- 2 - Màn hình cảm ứng.
- 3 - Webcam.
- 4 - Bút chạm (stylus).
- 5 - Bảng chạm (Touchpad).

Đáp án: 2

**Câu hỏi 13:** - Màn hình được kết nối với máy tính thông qua cổng nào sau đây ?

- 1 - USB.
- 2 - COM.
- 3 - VGA.
- 4 - LPT.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 14:** - Máy quét ảnh (scanner) được kết nối với máy tính thông qua cổng nào sau đây ?

- 1 - RJ 45.
- 2 - USB.
- 3 - LPT.
- 4 - RJ 11.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 15:** - Thuật ngữ "phần mềm máy tính" dùng để chỉ tất cả những gì giúp cho một máy tính vận hành. Nó bao gồm những gì ? (Chọn 3)

- 1 - Mã nguồn.
- 2 - Hệ điều hành.
- 3 - Phần mềm lập trình.
- 4 - Các chương trình ứng dụng.
- 5 - Ngôn ngữ lập trình.

Đáp án: 2,3,4

**Câu hỏi 16:** - Hãy chỉ ra các phần mềm ứng dụng ? (Chọn 3)

- 1 - Internet Explorer.
- 2 - Adobe Photoshop.
- 3 - Microsoft Word.
- 4 - Microsoft Windows 7.
- 5 - Unix.

Đáp án: 1,2,3

**Câu hỏi 17:** - Hãy chỉ ra các hệ điều hành thông dụng ? (Chọn 3)

- 1 - Windows.
- 2 - Linux.
- 3 - Mac OS.
- 4 - Windows Notepad.
- 5 - Adobe Photoshop.

Đáp án: 1,2,3

**Câu hỏi 18:** - Nên dùng phần mềm nào để tạo bài thuyết trình?

- 1 - MS Word.

- 2 - MS PowerPoint.
- 3 - MS Excel.
- 4 - MS Access.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 19:** - Nên sử dụng MS Excel để thực hiện hai nhiệm vụ nào sau đây ? (Chọn 2)

- 1 - Thêm các hiệu ứng định dạng cho văn bản.
- 2 - Thiết kế và cài đặt một ứng dụng cơ sở dữ liệu.
- 3 - Tổ chức và soạn thảo văn bản hiệu quả.
- 4 - Tạo các kiểu lịch (calendar) khác nhau.
- 5 - Quản lý bán hàng và dữ liệu hóa đơn.

Đáp án: 4, 5

**Câu hỏi 20:** - Hệ điều hành mã nguồn mở thông dụng nhất hiện nay là gì ?

- 1 - Windows.
- 2 - Mac OS.
- 3 - Linux.
- 4 - Fedora.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 21:** - Hãy sắp xếp các tiền tố trong hệ đo lường quốc tế (SI) theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.

- 1 - Tera - Giga - Mega - Kilo
- 2 - Kilo - Mega - Giga - Tera
- 3 - Kilo - Mega - Tera - Giga
- 4 - Giga - Mega - Kilo - Tera

Đáp án: 2

**Câu hỏi 22:** - Tốc độ của một bộ vi xử lý được đo bằng đơn vị nào ?

- 1 - Bit.
- 2 - Hertz (Hz)
- 3 - Bytes
- 4 - Bit trên giây (bps)

Đáp án: 2

**Câu hỏi 23:** - Tốc độ truyền tải dữ liệu trong mạng được đo bằng đơn vị nào ?

- 1 - Bit.
- 2 - Hertz (Hz)
- 3 - Bytes
- 4 - Bit trên giây (bps)

Đáp án: 4

**Câu hỏi 24:** - Khả năng truyền tải dữ liệu trên mạng được gọi là gì ?

- 1 - Băng tần.
- 2 - Băng thông.
- 3 - Tần số.
- 4 - Xung nhịp.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 25:** - Các mạng LAN không dây (WLANs) được kết nối với nhau bằng phương tiện gì ?

- 1 - Sóng vô tuyến.
- 2 - Cáp đồng trục.
- 3 - Cáp quang.
- 4 - Cáp điện thoại.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 26:** - Hãy chỉ ra các "*dịch vụ kết nối Internet*" ? (Chọn 3)

- 1 - Kết nối quay số (Dial-up).
- 2 - Kết nối trực tiếp bằng thông rộng (ADSL).
- 3 - Kết nối qua đường truyền cáp quang (FTTH).
- 4 - Kết nối không dây (Wifi, Wimax).
- 5 - Kết nối qua đường dây thoại.

Đáp án: 1,2,3

**Câu hỏi 27:** - Hãy chỉ ra các "*phương thức kết nối Internet*" ? (Chọn 3)

- 1 - Kết nối qua đường dây thoại.
- 2 - Kết nối không dây (Wifi, Wimax).
- 3 - Kết nối qua vệ tinh.
- 4 - Kết nối trực tiếp bằng thông rộng (ADSL).
- 5 - Kết nối quay số (Dial-up).

Đáp án: 1,2,3

**Câu hỏi 28:** - Thuật ngữ nào sau đây dùng để mô tả phương thức học tập có sử dụng kết nối mạng để phục vụ học tập, lấy tài liệu học, trao đổi giao tiếp giữa người học với nhau và với giảng viên ?

- 1 - Teleworking.
- 2 - E-learning.
- 3 - Teleconference.
- 4 - E-banking.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 29:** - *Học tập mọi lúc, mọi nơi; Tiết kiệm chi phí đi lại; Uyển chuyển và linh hoạt* là một số ưu điểm của ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông nào ?

- 1 - Teleworking.
- 2 - E-learning.
- 3 - Teleconference.
- 4 - E-banking.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 30:** - Hãy chỉ ra một số chương trình "*tin nhắn tức thời*" ? (Chọn 3)

- 1 - Windows Live Messenger.
- 2 - Zalo.
- 3 - Hotmail.
- 4 - Gmail Chat.
- 5 - Chat rooms.

Đáp án: 1,2,4

**Câu hỏi 31:** - Hãy chỉ ra một số trang mạng xã hội được sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới ? (Chọn 2)

- 1 - Zalo.
- 2 - Facebook.
- 3 - Twitter.
- 4 - Viber.
- 5 - Blogger.

Đáp án: 2,3

**Câu hỏi 32:** - Những phát biểu nào là đúng với tư thế nhìn thấy được và thuận tiện khi sử dụng một máy tính? (Chọn 2)

- 1 - Đặt màn hình qua các bên của bàn làm việc.
- 2 - Hãy nghỉ ngơi 5 phút sau mỗi giờ làm việc liên tục.
- 3 - Khi làm việc với một tài liệu vật lý, sử dụng giá đỡ sách hoặc giá đỡ tài liệu.
- 4 - Nguồn ánh sáng nên ở vị trí ít nhất 20 độ so với đường ngắm / trực thị giác.
- 5 - Nâng cao mức độ dễ đọc của một tài liệu bằng cách sử dụng các ký tự trắng trên nền đen.

Đáp án: 2,3

**Câu hỏi 33:** - Hãy chỉ ra các biện pháp phòng ngừa một số loại bệnh tật liên quan đến việc sử dụng máy tính lâu dài ? (Chọn 3)

- 1 - Chỉnh độ phân giải màn hình lên cao nhất, để màn hình có thể hiển thị nhiều thông tin hơn.
- 2 - Thường xuyên rời khỏi ghế ngồi.
- 3 - Chọn tư thế ngồi phù hợp.
- 4 - Nhìn chăm chăm vào màn hình máy tính một thời gian dài không chớp mắt.
- 5 - Buộc cơ thể nghỉ ngơi, vận động trong chốc lát.

Đáp án: 2,3,5

**Câu hỏi 34:** - Khi làm việc với máy tính, hoạt động nào tăng nguy cơ chấn thương tay và bàn tay ? (Chọn 2)

- 1 - Làm việc ở tư thế không điểm tựa, bất tiện hoặc vị trí không cố định.
- 2 - Thường xuyên duỗi hoặc uốn tay chân sau khi sử dụng máy vi tính.
- 3 - Theo dõi các điểm sáng nhấp nháy hoặc chuyển động nhanh trên màn hình.
- 4 - Liên tục thực hiện các chuyển động giống nhau trong cùng một thời điểm.

Đáp án: 1,4

**Câu hỏi 35:** - Khi sử dụng máy vi tính, cổ tay bị mỏi và đau đớn là do những nguyên nhân nào ? (Chọn 2)

- 1 - Do làm 1 động tác lặp đi lặp lại.
- 2 - Do nhìn vào ánh sáng là hình ảnh quá lâu.
- 3 - Do thường xuyên vẫy và duỗi tay mỗi khi làm việc với máy vi tính.
- 4 - Do ngồi một chỗ quá lâu và không đúng cách.

Đáp án: 1,4

**Câu hỏi 36:** - Hai lựa chọn nào là đúng liên quan đến việc sửa tư thế khi sử dụng một máy tính? (Chọn 2)

1 - Đầu và cằm của bạn nên nghiêng về phía sàn nhà, ngăn ngừa sự chệch lệch trọng lượng trên lưng và các vấn đề về cột sống.

2 - Đầu gối nên ở một góc vuông nhưng ở một vị trí thấp hơn so với khung xương chậu.

3 - Một thanh hoặc bệ nghỉ chân nên luôn luôn được sử dụng.

4 - Bàn chân nên được đặt trên sàn và hợp với đầu gối tạo thành một góc vuông.

5 - Các cánh tay, cổ tay, cẳng tay thẳng với bàn làm việc.

Đáp án: 4,5

**Câu hỏi 37:** - "*Đây là trạng thái tiết kiệm điện năng nhất trong Windows, trong đó máy tính đưa tất cả tài liệu và chương trình đang mở vào ổ cứng và sau đó tắt máy tính.*" Máy tính đang ở chế độ nào ?

1 - Chế độ ngủ đông (Hibernate).

2 - Chế độ tạm nghỉ (Sleep/Standby).

3 - Chế độ tắt máy (Shutting Down).

4 - Chế độ khởi động lại (Restart).

Đáp án: 1

**Câu hỏi 38:** - Để sử dụng được chương trình tin nhắn tức thời trên Facebook, bạn cần có gì ?

1 - Một số điện thoại.

2 - Một tài khoản với tên người dùng và mật khẩu.

3 - Một danh sách liên lạc.

4 - Một trang web.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 39:** - Các dịch vụ Internet nào yêu cầu người dùng phải đăng nhập bằng tài khoản cá nhân ? (Chọn 3)

1 - Thư điện tử (E-mail).

2 - Trang thông tin điện tử.

3 - Ngân hàng điện tử (E-banking).

4 - Nhật ký cá nhân trực tuyến (Weblog).

5 - Dịch vụ nhắn tin ngắn (SMS).

Đáp án: 1,3,4

**Câu hỏi 40:** - Những lưu ý nào để sử dụng tốt mật khẩu đăng nhập trên Internet ? (Chọn 3)

1 - Thay đổi mật khẩu thường xuyên.

2 - Chọn mật khẩu có độ dài thích hợp.

3 - Xen lẫn các chữ cái, số hoặc ký hiệu trong mật khẩu.

4 - Sử dụng một mật khẩu cho mọi tài khoản.

5 - Sử dụng những mật khẩu dễ đoán.

Đáp án: 1,2,3

**Câu hỏi 41:** - Để chọn một mật khẩu bảo mật mạnh, những hướng dẫn nào bạn nên xem xét ? (Chọn 3)

1 - Sử dụng tất cả ký tự số.

- 2 - Sử dụng ít nhất một ký hiệu.
- 3 - Kết hợp các ký tự in hoa và in thường.
- 4 - Có tối thiểu 8 ký tự.
- 5 - Có tối đa 8 ký tự.

Đáp án: 2,3,4

**Câu hỏi 42:** - Khi giao dịch trực tuyến, hành động nào nên làm để bảo vệ thông tin cá nhân ? (Chọn 3)

- 1 - Không chia sẻ thông tin thẻ tín dụng trên mạng trực tuyến.
- 2 - Hạn chế chia sẻ thông tin cá nhân đối với những giao dịch mà bạn chưa kiểm tra độ tin cậy.
- 3 - Đưa thông tin thẻ tín dụng qua điện thoại cho người lạ.
- 4 - Không bao giờ nhấp chuột vào một liên kết trong một thư điện tử có yêu cầu nhấp chuột để cập nhật thông tin cá nhân.
- 5 - Chia sẻ thông tin cá nhân khi sử dụng một chương trình mạng xã hội hoặc trò chuyện trực tuyến.

Đáp án: 1,2,4

**Câu hỏi 43:** - "*Đây là hàng rào bảo mật điều khiển dòng thông tin giữa Internet và mạng riêng, nó bảo vệ mạng LAN khỏi những truy cập trái phép từ bên ngoài.*". Phát biểu này liên quan đến khái niệm nào ?

- 1 - Chương trình chống virus.
- 2 - Tên đăng nhập và mật khẩu bảo mật.
- 3 - Tường lửa (Firewall).
- 4 - Modem.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 44:** - Người dùng nên làm gì để ngăn chặn trộm cắp thông tin trên máy tính ? (Chọn 3)

- 1 - Mua các hệ thống để khóa máy tính trong các tủ đặc biệt.
- 2 - Sử dụng mật khẩu có tính bảo mật cao.
- 3 - Lắp đặt camera quan sát ở những khu vực làm việc có nhiều máy tính và các phòng mạng.
- 4 - Sử dụng các chương trình chống virus.
- 5 - Hạn chế truy cập các trang Web và thư điện tử không rõ nguồn gốc.

Đáp án: 2,4,5

**Câu hỏi 45:** - "*Luật này cho phép bạn sở hữu tài sản trí tuệ của mình; chỉ duy nhất một mình bạn có quyền để tạo và phân phối các bản sao kết quả công việc của mình, thực hiện hoặc hiển thị sản phẩm của bạn ở nơi công cộng.*" Phát biểu này liên quan đến khái niệm nào ?

- 1 - Quyền tác giả.
- 2 - Sở hữu trí tuệ.
- 3 - Đăng ký bản quyền.
- 4 - Luật sở hữu trí tuệ.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 46:** Luật nào quy định về hoạt động ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, các biện pháp bảo đảm ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ứng dụng



và phát triển công nghệ thông tin?

1. Luật Viễn thông.
2. Luật Báo chí.
3. Luật Công nghệ thông tin.
4. Luật Giáo dục

Đáp án: 3

**Câu hỏi 47:** - Khi bạn mua một phần mềm có bản quyền, nhà phân phối sẽ cung cấp cho bạn những gì ? (Chọn 3)

- 1 - Mã sản phẩm (Product code) hoặc mã khóa (Key code).
- 2 - Giấy phép (license) cài đặt và sử dụng phần mềm.
- 3 - Bản cập nhật phần mềm miễn phí.
- 4 - Giấy phép chỉnh sửa chương trình phần mềm.
- 5 - Giấy phép sử dụng phiên bản thử nghiệm của phần mềm.

Đáp án: 1,2,3

**Câu hỏi 48:** - Thiết bị nào sau đây là máy tính dễ dàng di chuyển gồm một phần cứng duy nhất có màn hình cảm ứng hoặc đa cảm ứng; người dùng có thể gõ;trên một bàn phím ảo trên màn hình thay vì sử dụng một bàn phím riêng biệt ?

- 1 - Máy tính bảng.
- 2 - Netbook.
- 3 - Máy tính xách tay.
- 4 - Điện thoại thông minh.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 49:** - Hãy chỉ ra ba đặc trưng của điện thoại thông minh (Smartphone) ? (Chọn 3)

- 1 - Cho phép cài đặt các chương trình của bên thứ ba.
- 2 - Có GPS.
- 3 - Có thời lượng pin lâu hơn.
- 4 - Hỗ trợ thư điện tử.
- 5 - Hỗ trợ tất cả các kiểu hệ điều hành.
- 6 - Bền hơn so với điện thoại di động khác.

Đáp án: 1,2,4

**Câu hỏi 50:** - Thiết bị nào nên được sử dụng để lưu tệp tin có dung lượng 25.165.824 Kilobytes ?

- 1 - CD có dung lượng 700 Megabytes.
- 2 - USB còn trống 10.24 Gigabytes.
- 3 - Ổ cứng máy tính xách tay còn trống 12.288 Megabytes.
- 4 - Ổ cứng máy tính để bàn còn trống 0.028 Terabytes.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 51:** - Hệ điều hành có những chức năng nào ? (Chọn 3)

- 1 - Điều khiển phần cứng.
- 2 - Quản lý các chương trình.
- 3 - Quản lý các tệp tin.
- 4 - Quản lý nhân sự của công ty.
- 5 - Tìm kiếm trên Internet.

Đáp án: 1,2,3

**Câu hỏi 52:** - Để một chương trình được thực thi trên máy tính, trước hết mã nguồn chương trình phải được .....

- 1 - biên dịch thành mã máy (machine code)
- 2 - kiểm tra hệ thống
- 3 - vá lỗi
- 4 - biên tập

Đáp án: 1

**Câu hỏi 53:** - Trong danh sách các bản cập nhật hệ điều hành được liệt kê dưới đây, bản cập nhật nào là quan trọng và cần cài đặt ?

- 1 - Một bản cập nhật để nhận biết các thiết bị Bluetooth mới.
- 2 - Một bản cập nhật sửa chữa một lỗ hổng bảo mật.
- 3 - Một bản cập nhật thử nghiệm (beta) phần mềm.
- 4 - Một bản cập nhật firmware cho một thiết bị.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 54:** - "*Đây là một phần mềm ứng dụng miễn phí mà người dùng có thể truy cập, tùy biến, thay đổi mã nguồn; tùy chỉnh hoặc mở rộng phần mềm theo nhu cầu và chia sẻ phiên bản đó với người khác.*" Khái niệm này đề cập đến loại phần mềm nào ?

- 1 - Phần mềm cao cấp (Premium).
- 2 - Phần mềm chia sẻ (Shareware).
- 3 - Phần mềm mã nguồn mở (Open source).
- 4 - Phần mềm miễn phí (freeware).

Đáp án: 3

**Câu hỏi 55:** - "*Những phần mềm này được đóng gói bán kèm theo máy tính mới, giá mua đã bao gồm giấy phép sử dụng hệ điều hành và một số chương trình khác.*" Khái niệm này đề cập đến loại phần mềm nào ?

- 1 - Phần mềm đi kèm (Bundling).
- 2 - Phần mềm chia sẻ (Shareware).
- 3 - Phần mềm mã nguồn mở (Open source).
- 4 - Phần mềm miễn phí (freeware).

Đáp án: 1

**Câu hỏi 56:** - Ba hành động nào nên thực hiện để tăng hiệu năng của máy tính? (Chọn 3)

- 1 - Giới hạn số chương trình được chạy khi khởi động.
- 2 - Chạy hai hoặc hơn các chương trình quét virus để tăng độ bảo vệ.
- 3 - Luôn giữ các chương trình của nhà sản xuất trên máy tính.
- 4 - Chạy ít chương trình hơn tại cùng một thời điểm.
- 5 - Loại bỏ các chương trình không bao giờ dùng.
- 6 - Thường xuyên khôi phục các tệp tin từ thùng rác.

Đáp án: 1,4,5

**Câu hỏi 57:** - Tùy chọn nào sau đây cho phép cải thiện hiệu năng của máy tính ?

- 1 - Thêm các thiết bị không dây.
- 2 - Tăng số cổng kết nối.

3 - Thay thế card đồ họa tích hợp trên bo mạch chủ bằng card đồ họa chuyên dụng.

4 - Thêm card mạng không dây.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 58:** - Hãy chỉ ra các ưu điểm của việc sử dụng mạng máy tính ? (Chọn 3)

1 - Tăng tốc độ xử lý cho mỗi máy tính trong mạng.

2 - Một nhóm người làm việc cùng nhau trong một dự án có thể chia sẻ tài liệu.

3 - Chi phí phần mềm thấp hơn nhờ các tùy chọn tiết kiệm trong giấy phép sử dụng phần mềm mạng.

4 - Nhiều người dùng có thể làm việc đồng thời với cùng các tệp tin cơ sở dữ liệu.

5 - Chi phí phần cứng thấp hơn nhờ khả năng chia sẻ thiết bị ngoại vi như máy in.

Đáp án: 2,4,5

**Câu hỏi 59:** – “Nhóm hai hay nhiều máy tính được kết nối với nhau tại gia đình, văn phòng hoặc nhóm tòa nhà nhỏ để truyền tải thông tin, chia sẻ dữ liệu và tài nguyên.” Đây là đặc trưng của loại mạng máy tính nào ?

1 - Mạng cục bộ LAN.

2 - Mạng diện rộng WAN.

3 - Mạng chuyên mạch công cộng.

4 - Mạng cục bộ kết nối không dây (WLAN).

Đáp án: 1

**Câu hỏi 60:** - Tốc độ truyền tải dữ liệu nào sau đây là nhanh nhất ?

1 - 300 Kbps.

2 - 300 Mbps.

3 - 3.000.000 bps.

4 - 3 Gbps.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 61:** – “Đây là mạng diện rộng (WAN) bao gồm các phần cứng kết nối với nhau để chúng có thể truyền thông và chia sẻ thông tin.” Phát biểu này đề cập đến loại mạng nào ?

1 - Intranet.

2 - Extranet.

3 - Internet.

4 - Mạng chuyên mạch công cộng.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 62:** – “Đây là một mạng nội bộ để các nhân viên trong một công ty hay một tổ chức xây dựng và chia sẻ thông tin chứa trên các cơ sở dữ liệu riêng theo phương pháp của World Wide Web của Internet.” Phát biểu này đề cập đến loại mạng nào ?

1 - Intranet.

2 - Extranet.

3 - Internet.

4 - Mạng cục bộ kết nối không dây (WLAN).

Đáp án: 1

**Câu hỏi 3:** –“*Đây là quá trình sao chép tệp tin từ máy chủ trên Internet về máy tính của người dùng trong đó các dòng thông tin thường được tải một cách tự động và riêng rẽ khi người dùng truy cập một trang Web*”. Phát biểu này đề cập đến khái niệm nào ?

- 1 - Tải các nội dung từ máy tính lên (upload).
- 2 - Tải các nội dung từ mạng xuống (download)
- 3 - Nhập thông tin người dùng và mật khẩu để đăng nhập vào hộp thư điện tử Gmail.
- 4 - Điền một biểu mẫu trên một trang Web.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 64:** - Hãy chỉ ra hoạt động tải nội dung lên mạng (upload) ?

- 1 - Nhập một URL vào thanh địa chỉ của trình duyệt Web và bấm Enter.
- 2 - Ghé thăm một trang Web.
- 3 - Sao chép một tệp tin ứng dụng từ một trang Web tới máy tính.
- 4 - Điền một biểu mẫu trên một trang Web.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 65:** –“*Đây là một ứng dụng trong hoạt động kinh doanh ngân hàng; thông qua một hệ thống phần mềm tin học, khách hàng có thể tìm hiểu thông tin hay thực hiện một số giao dịch ngân hàng thông qua phương tiện điện tử.*” Đây là đặc trưng của loại dịch vụ nào ?

- 1 - Ngân hàng điện tử (Electronic Banking, viết tắt là E-Banking)
- 2 - Thương mại điện tử (electronic commerce hay e-commerce).
- 3 - Chính phủ điện tử (E-government).
- 4 - Học tập điện tử (E-learning).

Đáp án: 1

**Câu hỏi 66:** - Hãy chỉ ra các đặc trưng của Chính phủ điện tử (E-government) ? (Chọn 3)

- 1 - Đưa chính phủ tới gần dân và đưa dân tới gần chính phủ.
- 2 - Làm minh bạch hóa hoạt động của chính phủ, chống tham nhũng, quan liêu, độc quyền.
- 3 - Nâng cao chất lượng cuộc sống cho các cộng đồng vùng sâu vùng xa.
- 4 - Giúp chính phủ hoạt động có hiệu quả trong quản lý và phục vụ dân (cải cách hành chính và nâng cao chất lượng dịch vụ công).
- 5 - Cải thiện sự tác động lẫn nhau giữa thông tin dịch vụ và khách hàng.

Đáp án: 1,2,4

**Câu hỏi 67:** - Trong địa chỉ thư điện tử "p.f.92fallon@yahoo.com", phần nào biểu diễn tên hộp thư ?

- 1 - yahoo
- 2 - @
- 3 - p.f.92fallon
- 4 - com

Đáp án: 3

**Câu hỏi 68:** - Hãy chỉ ra các thành phần cấu trúc của một địa chỉ thư điện tử ? (Chọn 3)

- 1 - Tên hộp thư.
- 2 - Mật khẩu đăng nhập.
- 3 - Tên tổ chức.
- 4 - Loại tên miền.
- 5 - Chương trình quản lý thư điện tử.

Đáp án: 1,3,4

**Câu hỏi 69:** - Một tin nhắn văn bản được tạo và gửi từ điện thoại di động (hoặc các thiết bị di động tương tự) sử dụng giao thức gì ?

- 1 - Chương trình tin nhắn tức thời (IM).
- 2 - SMS (Dịch vụ tin nhắn ngắn).
- 3 - MMS (Dịch vụ tin nhắn đa phương tiện).
- 4 - VoIP (Thoại qua giao thức Internet).

Đáp án: 2

**Câu hỏi 70:** - Các cách gọi khác của thuật ngữ "*Thoại qua giao thức Internet - VoIP*" ? (Chọn 2)

- 1 - Phòng trò chuyện trực tuyến (Chat rooms).
- 2 - Điện thoại Internet (Internet telephony).
- 3 - Hội nghị truyền hình (Teleconference).
- 4 - Thoại trên nền băng thông rộng (VoBB).

Đáp án: 2,4

**Câu hỏi 71:** - "*Giao thức truyền thông này cho phép thực hiện các cuộc gọi thoại sử dụng kết nối Internet băng thông rộng.*" Đây là loại giao thức nào ?

- 1 - VoIP (Thoại qua giao thức Internet).
- 2 - Chương trình tin nhắn tức thời (IM).
- 3 - SMS (Dịch vụ tin nhắn ngắn).
- 4 - MMS (Dịch vụ tin nhắn đa phương tiện).

Đáp án: 1

**Câu hỏi 72:** - Một cộng đồng ảo, nơi người dùng có thể tương tác với những người khác được gọi là gì ?

- 1 - Nhóm tin (Newsgroups).
- 2 - Nhật ký cá nhân trực tuyến (Weblogs).
- 3 - Các mạng xã hội (Social networks).
- 4 - Phòng trò chuyện trực tuyến (Chat rooms).

Đáp án: 3

**Câu hỏi 73:** - "*Một nhóm trang web tích hợp các kênh thông tin, dịch vụ, ứng dụng của một tổ chức như thư điện tử, chia sẻ tài liệu, lịch công tác thông qua giao diện Web.*" Đây là đặc trưng của loại hình nào ?

- 1 - Cổng thông tin điện tử - Web Portal.
- 2 - Trang thông tin điện tử tổng hợp.
- 3 - Trang thông tin điện tử nội bộ.
- 4 - Trang thông tin điện tử cá nhân.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 7 :** - "*Một trang web chia sẻ thông tin mà người dùng có thể thay đổi bất cứ lúc nào và bài được đăng thường xuyên và xuất hiện theo thứ tự thời gian đảo ngược.*" Đây là đặc trưng của loại hình nào ?

- 1 - Trang thông tin điện tử cá nhân.
- 2 - Nhật ký cá nhân trực tuyến (Weblogs).
- 3 - Trang thông tin điện tử tổng hợp.
- 4 - Trang thông tin điện tử nội bộ.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 75:** –“Một trang cá nhân mà người dùng có thể đăng hình ảnh, video, văn bản hoặc cùng chơi trò chơi điện tử cùng với những người khác.” Đây là đặc trưng của loại hình nào ?

- 1 - Nhật ký cá nhân trực tuyến (Weblogs).
- 2 - Trang cá nhân trong một mạng xã hội.
- 3 - Phòng trò chuyện trực tuyến (Chat rooms).
- 4 - Trang thông tin điện tử cá nhân.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 76:** - Khi nào bạn có thể muốn thiết lập nguồn để ở chế độ Standby ?

- 1 - Khi bạn cần phải mang máy tính xách tay đến vị trí khác.
- 2 - Khi bạn đang chờ đợi để kết nối với mạng.
- 3 - Khi bạn đi tham dự một cuộc họp mà sau đó bạn muốn tiếp tục làm việc với những gì bạn đang làm trước đó.
- 4 - Khi bạn muốn bảo tồn năng lượng và hệ thống máy tính của bạn không được cắm vào nguồn.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 77:** - Khi truy cập vào một trang để mua sản phẩm hoặc dịch vụ, bạn nên làm gì ? (Chọn 2)

- 1 - Lựa chọn những đơn hàng có tính hấp dẫn cao.
- 2 - Kiểm tra địa chỉ của trang web có được viết một cách chính xác không.
- 3 - Nghiên cứu độ tin cậy của công ty bằng cách liên lạc các số được liệt kê trên trang Web.
- 4 - Lựa chọn thanh toán trực tuyến hoàn toàn bằng thẻ tín dụng.
- 5 - Nhấp liên tục vào nút mua hàng với thẻ tín dụng khi chưa thấy xuất hiện thông báo đã mua hàng thành công.

Đáp án: 2,3

**Câu hỏi 78:** - Phát biểu nào sau đây mô tả chính xác về tường lửa (Firewall) ?

- 1 - Tường lửa có thể sử dụng kỹ thuật lọc gói dữ liệu cũng như các kỹ thuật nâng cao khác để điều khiển dòng truyền tải dữ liệu.
- 2 - Tường lửa sử dụng lọc gói dữ liệu để bảo vệ mạng.
- 3 - Tường lửa bảo vệ các tài nguyên mạng.
- 4 - Tường lửa bảo vệ các thông tin nhạy cảm.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 79:** - Hãy chỉ ra các lý do nên sao lưu dữ liệu dự phòng (Chọn 3)

- 1 - Phòng trường hợp bị mất cắp.
- 2 - Phòng trường hợp bị mất mát hệ thống do thiên tai, hỏa hoạn.
- 3 - Phòng trường hợp bị tấn công bởi hacker hoặc virus.
- 4 - Phòng trường hợp làm việc từ xa do đi công tác.
- 5 - Phòng trường hợp làm việc từ điện thoại di động.

Đáp án: 1,2,3

**Câu hỏi 80:** - Virus máy tính, sâu máy tính (Worms), chương trình ngựa Trojan ... được gọi chung là gì ?

- 1 - Phần mềm gián điệp (Spyware).
- 2 - Phần mềm độc hại (Malware).
- 3 - Phần mềm quảng cáo (Adware).
- 4 - Phần mềm miễn phí (Freeware).

Đáp án: 2

**Câu hỏi 81:** - Sâu máy tính khác với virus máy tính ở điểm nào ?

- 1 - Sâu máy tính không gây hại cho máy tính hoặc mạng.
- 2 - Sâu máy tính không thể nhận diện.
- 3 - Sâu máy tính là virus tự nhân bản để lây nhiễm vào các tài nguyên hệ thống và mạng.
- 4 - Không thể diệt sâu máy tính.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 82:** - Loại phần mềm nào là nguyên nhân gây ra hiệu suất máy tính không mong muốn ?

- 1 - Phần mềm chia sẻ (Shareware).
- 2 - Phần mềm độc hại (Malware).
- 3 - Phần mềm quảng cáo (Adware).
- 4 - Phần mềm miễn phí (Freeware).

Đáp án: 2

**Câu hỏi 83:** - Những hành động nào bạn có thể làm để tránh các nhiễm phần mềm độc hại trên máy tính của bạn ? (Chọn 2)

- 1 - Sử dụng cửa sổ pop-up.
- 2 - Sử dụng tường lửa (firewall).
- 3 - Mở các tập tin đính kèm trong thư rác.
- 4 - Sử dụng phần mềm chống virus đã được cập nhật.

Đáp án: 2,4

**Câu hỏi 84:** - Loại phần mềm độc hại nào phải tự gắn vào một chương trình hiện hành ?

- 1 - Virus máy tính.
- 2 - Sâu máy tính (Worms).
- 3 - Chương trình ngựa Trojan.
- 4 - Phần mềm gián điệp (spyware).

Đáp án: 1

**Câu hỏi 5:** - Hãy chỉ ra các lý do được xem là sử dụng hợp pháp các tài liệu có bản quyền ? (Chọn 2)

- 1 - Sao chép lại tác phẩm với những cải tiến và sửa đổi.
- 2 - Sử dụng tác phẩm cho mục đích nghiên cứu.
- 3 - Sử dụng tác phẩm cho các mục đích giáo dục và giảng dạy.
- 4 - Khai thác tác phẩm với mục đích thu lợi nhuận.
- 5 - Công khai sao chép tác phẩm sử dụng Internet.

Đáp án: 2,3

**Câu hỏi 86:** - Bạn chấp thuận các điều khoản trong "*thỏa thuận giấy phép cho người dùng cuối*" (End User Licence Agreement - EULA) tại thời điểm cài đặt,



tức là bạn đã đồng ý những gì ? (Chọn 2)

- 1 - Tuân thủ các nguyên tắc sử dụng phần mềm trên máy tính.
- 2 - Đồng ý không làm bản sao bất hợp pháp của phần mềm để phân phối cho người khác.
- 3 - Đồng ý yêu cầu các nhà cung cấp phần mềm chịu trách nhiệm bất kỳ thiệt hại nào có thể xảy ra khi cài đặt phần mềm.
- 4 - Đồng ý trả chi phí cho các bản cập nhật chương trình.

Đáp án: 1,2

**Câu hỏi 87:** - "*Đây là giấy phép phân phối phần mềm cho phép người sử dụng dùng thử, đánh giá sản phẩm miễn phí trong một khoảng thời gian xác định, và có những giới hạn về chức năng của sản phẩm.*" Phát biểu này liên quan đến loại phần mềm nào ?

- 1 - Phần mềm miễn phí (Freeware).
- 2 - Phần mềm chia sẻ (Shareware).
- 3 - Phần mềm quảng cáo (Adware).
- 4 - Phần mềm mã nguồn mở (Open source).

Đáp án: 2

**Câu hỏi 88:** - Hành động nào là nên làm để bảo vệ sự riêng tư và bảo mật trực tuyến các dữ liệu cá nhân?

- 1 - Để lại thông tin cá nhân ở một nơi công cộng như một máy tính tại một quán cà phê công cộng.
- 2 - Luôn luôn sử dụng địa chỉ email chính của bạn khi giao tiếp trong các diễn đàn công cộng.
- 3 - Luôn luôn sử dụng địa chỉ e-mail của bạn khi giao tiếp chi tiết thẻ tín dụng.
- 4 - Sử dụng một địa chỉ e-mail riêng cho các truy cập trực tuyến nhưng không đòi hỏi chính xác danh tính cá nhân, và sử dụng một bí danh thay vì tên của bạn.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 89:** - Một trong những hình thức vi phạm bảo vệ dữ liệu cá nhân phổ biến nhất trong thời gian qua là thu thập địa chỉ thư điện tử cá nhân trái phép để phục vụ cho nhiều mục đích khác nhau. Đó là những mục đích gì ? (Chọn 2)

- 1 - Quảng cáo trực tuyến.
- 2 - Bảo mật thông tin cá nhân của khách hàng.
- 3 - Kinh doanh các hồ sơ thông tin về người tiêu dùng.
- 4 - Sử dụng thông tin cá nhân phải phù hợp với mục đích đã thông báo trước.

Đáp án: 1,3

**Câu hỏi 90:** - Văn bản luật nào của Việt Nam đã đưa "*Hành vi sử dụng trái phép thông tin cá nhân vào nhóm tội phạm "sử dụng trái phép thông tin trên mạng máy tính, mạng viễn thông, mạng Internet", với mức xử lý hình sự cao nhất lên đến 7 năm tù.*" ?

- 1 - Bộ luật Hình sự.
- 2 - Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.
- 3 - Luật Giao dịch điện tử.
- 4 - Nghị định về thương mại điện tử.



Đáp án: 1

**Câu hỏi 91:** Các hành vi nào sau đây bị cấm khi tham gia ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin? (Chọn 3)

1. Chống Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại khối đoàn kết toàn dân.
2. Kích động bạo lực, tuyên truyền chiến tranh xâm lược, gây hận thù giữa các dân tộc và nhân dân các nước, kích động dân ô, đòi truy, tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong mỹ tục của dân tộc.
3. Xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự, nhân phẩm, uy tín của công dân.
4. Phục vụ quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, phòng, chống tội phạm.

Đáp án: 1,2,3

**Câu hỏi 92:** Luật nào quy định về hoạt động an toàn thông tin mạng, quyền, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc bảo đảm an toàn thông tin mạng?

1. Luật Sở hữu trí tuệ.
2. Luật Giao dịch điện tử.
3. Luật Công nghệ thông tin.
4. Luật an toàn thông tin mạng.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 93:** Các hành động nào là đúng khi tham gia ứng dụng công nghệ thông tin? (Chọn 3)

1. Không ngăn chặn việc truyền tải thông tin trên mạng, can thiệp, truy nhập, gây nguy hại, xóa, thay đổi, sao chép và làm sai lệch thông tin trên mạng trái pháp luật.
2. Gây ảnh hưởng, cản trở trái pháp luật tới hoạt động bình thường của hệ thống thông tin hoặc tới khả năng truy nhập hệ thống thông tin của người sử dụng.
3. Không tấn công, vô hiệu hóa trái pháp luật làm mất tác dụng của biện pháp bảo vệ an toàn thông tin mạng của hệ thống thông tin; tấn công, chiếm quyền điều khiển, phá hoại hệ thống thông tin.
4. Không phát tán thư rác, phần mềm độc hại, thiết lập hệ thống thông tin giả mạo, lừa đảo.
5. Thu thập, sử dụng, phát tán, kinh doanh trái pháp luật thông tin cá nhân của người khác; lợi dụng sơ hở, điểm yếu của hệ thống thông tin để thu thập, khai thác thông tin cá nhân.
6. Xâm nhập trái pháp luật bí mật mật mã và thông tin đã mã hóa hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Đáp án: 1, 3, 4

**Câu hỏi 94:** Hành động nào của bạn là sai khi sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng? (Chọn 4)

1. Chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; gây hận thù, mâu thuẫn giữa các dân tộc, sắc tộc, tôn giáo.
2. Tuyên truyền, kích động bạo lực, dân ô, đòi truy, tội ác, tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, phá hoại thuần phong, mỹ tục của dân tộc.
3. Không đưa thông tin xuyên tạc, vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân.
4. Quảng cáo, tuyên truyền, mua bán hàng hóa, dịch vụ bị cấm; truyền bá tác phẩm báo chí, văn học, nghệ thuật, xuất bản phẩm bị cấm.
5. Không giả mạo tổ chức, cá nhân và phát tán thông tin giả mạo, thông tin sai sự thật xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.
6. Sử dụng trái phép mật khẩu, khóa mật mã của tổ chức, cá nhân; thông tin riêng, thông tin cá nhân và tài nguyên Internet.

Đáp án: 1, 2, 4, 6



# MÔ-ĐUN IU02 –SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN

**Câu hỏi 1:** (- Để mở Start Menu, bạn thực hiện những thao tác nào ? (Chọn 3)

- 1 - Nháy chuột vào nút Start.
- 2 - Nhấn tổ hợp phím Ctrl - Esc.
- 3 - Nhấn tổ hợp phím Window - E.
- 4 - Nhấn vào phím Window trên bàn phím.
- 5 - Nhấp phải chuột lên nút Start.

Đáp án: 1,2,4

**Câu hỏi 2:** ( Khi tắt một chương trình ứng dụng mà bị treo (non-responding), bạn sẽ làm gì để chương trình đó được tắt một cách nhanh chóng nhưng không tắt máy tính ?

- 1 - Nhấn vào nút nguồn.
- 2 - Nhấn vào nút Reset.
- 3 - Vào Task Manager, chọn chương trình bị treo, nhấn vào nút End Task.
- 4 - Đợi cho tới khi nào chương trình đó tắt.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 3:** ( Đặt vị trí màn hình máy tính như thế nào là tốt nhất cho mắt bạn ? (Chọn 3)

- 1 - Ánh sáng không chiếu trực tiếp vào màn hình.
- 2 - Màn hình không đặt đối diện với cửa sổ, cửa ra vào, bóng đèn.
- 3 - Màn hình đặt đối diện với cửa sổ, cửa ra vào, bóng đèn.
- 4 - Đặt màn hình máy tính trên bàn vừa tầm với bạn.

Đáp án: 1,2,4

**Câu hỏi 4:** ( Nút Reset có công dụng gì ?

- 1 - Khởi động máy tính.
- 2 - Khởi động lại máy tính.
- 3 - Nạp hệ điều hành vào máy tính.
- 4 - Tắt máy tính.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 5:** ( Thao tác thoát khỏi máy tính nào sau đây là đúng ?

- 1 – Nhấn vào nút nguồn.
- 2 – Vào Start, chọn Shutdown.
- 3 – Tắt tất cả các ứng dụng, vào Start, chọn Shutdown.
- 4 - Tắt tất cả các ứng dụng, nhấn vào nút nguồn.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 6:** (- Để khởi động lại máy tính, thao tác nào sau đây là **SAI** ?

- 1 - Nhấn nút reset trên thân máy.
- 2 - Nhấn tổ hợp phím Ctrl - Alt - Del, chọn Restart.
- 3 - Nhấn vào nút nguồn trên thân máy tính.
- 4 - Vào Start -> Shutdown, sau đó chọn Restart.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 7:** ( Bạn đang làm việc và muốn khóa máy tính tạm thời để không ai dùng được máy tính khi bạn rời khỏi, bạn chọn lệnh gì ?

- 1 - Log off.
- 2 - Lock.
- 3 - Restart.
- 4 - Shut down.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 8:** ( Muốn khởi động lại hệ điều hành Windows, bạn thực hiện những thao tác nào sau đây ?

- 1 - Nhấn nút Start - chọn lệnh Restart.
- 2 - Nhấn nút Start - chọn lệnh Shutdown .
- 3 - Nhấn nút Start - chọn lệnh Log off.
- 4 - Nhấn nút Start - chọn lệnh Cancel.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 9:** (- Chế độ nào sau đây không thuộc chế độ tắt máy thông thường ?

- 1 - Shut down.
- 2 - Restart.
- 3 - Hibernate.
- 4 - Sleep.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 10:** - Cách tốt nhất để tắt máy tính là gì ?

- 1 - Chọn nút Shut down từ Start.
- 2 - Nhấn công tắt nguồn trên thùng máy.
- 3 - Chọn tổ hợp phím Ctrl + Alt + Del.
- 4 - Nhấn phím Esc.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 11:** - Màn hình làm việc của máy tính bao gồm những thành phần đầu tiên nào ?

- 1 - Biểu tượng (icon), thanh nhiệm vụ (taskbar), thanh công cụ (toolbar).
- 2 - Biểu tượng (icon), thanh nhiệm vụ (taskbar), màn hình làm việc (desktop).
- 3 - Biểu tượng (icon), công cụ hỗ trợ (gadget), thanh công cụ (toolbar).
- 4 - Biểu tượng (icon), thanh nhiệm vụ (taskbar), my computer..

Đáp án: 1

**Câu hỏi 12:** - Độ phân giải màn hình (Resolution) trên màn hình thể hiện điều gì ?

- 1 - Mức sáng mà hình có thể hiển thị.
- 2 - Số điểm ảnh mà màn hình có thể hiển thị.
- 3 - Màu sắc mà màn hình hiển thị.
- 4 - Màn hình nền của màn hình hiển thị.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 13:** - Control Panel dùng để làm gì ?

- 1 - Thiết lập một số chức năng khác cho hệ thống.
- 2 - Thiết lập một số chức năng khác cho phần mềm.
- 3 - Thiết lập một số chức năng khác cho phần cứng.
- 4 - Thiết lập một số chức năng khác cho hệ điều hành.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 14:** - Trong Windows 7, để chỉnh độ phân giải màn hình, bạn thực hiện những thao tác nào sau đây ? (Chọn 2)

- 1 - Nhấp phải chuột trên desktop, chọn Screen Resolution.
- 2 - Nhấp phải chuột trên thanh Taskbar, chọn Screen Resolution.
- 3 - Vào Start -> Control panel -> Appearance and Personalization -> Adjust screen resolution.

4 - Nhấp phải chuột trên desktop, chọn Personalize -> Resolution.

Đáp án: 1,3

**Câu hỏi 15:** - Kí hiệu đầu tiên của các ổ cứng trong máy tính là gì ? (chọn 2)

- 1 - A:
- 2 - B:
- 3 - C:
- 4 - D:

Đáp án: 3,4

**Câu hỏi 16:** - Bạn hãy chỉ ra cách nhận biết một tệp / thư mục là shortcut ?

- 1 - Chúng được hiển thị với một mũi tên phía dưới góc trái thư mục hay tệp.
- 2 - Chúng có biểu tượng là một tập tài liệu
- 3 - Chúng được hiển thị là chữ W trên màn hình.
- 4 - Chúng có biểu tượng là quy ước của phần mềm ứng dụng.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 17:** - Trong máy vi tính, lối tắt dẫn đến một chương trình ứng dụng hay một tệp / thư mục được gọi là gì ?

- 1 - Folder.
- 2 - Shortcut.
- 3 - File.
- 4 - Cây thư mục.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 18:** - Những tên nào sau đây là tên gọi các ổ đĩa trong máy tính ? (Chọn 2)

- 1 - Data
- 2 - Data (D:)
- 3 - Win ©
- 4 - D:

Đáp án: 2,4

**Câu hỏi 19:** - Trong Windows 7, để nhìn thấy được các máy tính trong mạng nội bộ thì nhấp đúp chuột vào biểu tượng có tên là gì ?

- 1 - My Document.
- 2 - My Computer.
- 3 - Network.
- 4 - Nhấn tổ hợp phím Ctrl - Alt - Tab.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 20:** - Trên màn hình desktop, khi bạn xóa một shortcut chương trình (ví dụ shortcut của MS Word) thì sẽ có kết quả như thế nào ?

- 1 - Chương trình đó sẽ bị xóa hoàn toàn.
- 2 - Không ảnh hưởng gì đến chương trình đó.
- 3 - Không thể chạy chương trình đó được nữa.
- 4 - Chương trình đó sẽ bị lỗi.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 21:** - Để mở rộng một cửa sổ chương trình, phóng to hết màn hình, bạn thực hiện những thao tác nào sau đây ? (Chọn 2)

- 1 - Nhấn vào biểu tượng Restore Down.
- 2 - Nhấn vào biểu tượng Maximize.
- 3 - Nháy đúp chuột vào thanh tiêu đề (Title Bar) khi cửa sổ đang thu vừa.
- 4 - Nháy chuột vào cửa sổ dưới thanh taskbar.

Đáp án: 2,3

**Câu hỏi 22:** - Để chuyển sang một cửa sổ đang mở khác, bạn thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Nhấn vào phím Enter.
- 2 - Nhấn tổ hợp phím Ctrl - Tab.
- 3 - Nhấn tổ hợp phím Alt - Tab.
- 4 - Nhấn tổ hợp phím Ctrl - Alt - Tab.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 23:** - Tệp chứa phần mở rộng .DOC do phần mềm nào tạo ra ?

- 1 - Tệp dữ liệu ảnh do phần mềm Photoshop tạo ra.
- 2 - Tệp văn bản do phần mềm MS Word tạo ra.
- 3 - Tệp tranh vẽ do phần mềm Paint tạo ra.
- 4 - Tệp do phần mềm hệ thống tạo ra.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 24:** - Để xem các thông tin của một tệp, bạn thực hiện lần lượt các thao tác nào sau đây ?

- 1 - Chọn tệp - nhấp phải chuột - chọn Properties.
- 2 - Chọn tệp - nhấp trái chuột - chọn Properties.
- 3 - Chọn tệp - nhấp phải chuột - chọn Details.
- 4 - Chọn tệp - nhấp trái chuột - chọn Details.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 25:** - Phát biểu nào sau đây là **KHÔNG** đúng ?

- 1 - Tệp (File) là đơn vị lưu trữ thông tin.
- 2 - Thư mục (folder) chứa các tệp (file) và thư mục con.
- 3 - Hệ điều hành quản lý tệp và thư mục.
- 4 - Tệp là thành phần của thiết bị ngoại vi.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 26:** - Thư mục gốc của một ổ đĩa cứng trong máy tính được tạo ra từ đâu ?

- 1 - Do hệ điều hành tạo ra.
- 2 - Do người dùng tạo ra.
- 3 - Do lập trình tạo nên.
- 4 - Tự nhiên có.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 27:** - Lựa chọn quản lý tệp nào sau đây là cần thiết để bảo vệ dữ liệu của bạn trong trường hợp bị tai nạn đĩa cứng máy tính ?

- 1 - Xóa các tệp không cần thiết.
- 2 - Thường xuyên sao lưu các tệp dữ liệu quan trọng.

- 3 - Giữ có sẵn ít nhất hai ổ đĩa cứng.
- 4 - Sao chép tệp hệ thống vào một đĩa DVD.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 28:** - Những thiết bị lưu trữ nào sau đây là thích hợp nhất để lưu và khôi phục thông tin ? (Chọn 2)

- 1 - Ổ cứng máy tính.
- 2 - CD-ROM
- 3 - Ổ cứng di động USB.
- 4 - DCD-ROM.

Đáp án: 1,3

**Câu hỏi 29:** - Những thiết bị lưu trữ nào sau đây thường xuyên được sử dụng để sao lưu dữ liệu ? (Chọn 2)

- 1 - CD-RW.
- 2 - CD-ROM
- 3 - DVD-RW.
- 4 - DCD-ROM.

Đáp án: 1,3

**Câu hỏi 30:** - Trong Windows 7, những cách nào sau đây dùng để mở My Computer ? (Chọn 2)

- 1 - Nháy chuột vào My Computer.
- 2 - Nhấn tổ hợp phím Windows - E.
- 3 - Nhấn tổ hợp phím Windows - F.
- 4 - Nhấp phải chuột vào My Computer -> Open.

Đáp án: 2,4

**Câu hỏi 31:** - Những phát biểu nào sau đây là đúng về tên thư mục ? (Chọn 2)

- 1 - Tên thư mục không được chứa khoảng trắng.
- 2 - Tên thư mục dài trên 225 kí tự.
- 3 - Tên thư mục có thể chứa kí tự #.
- 4 - Tên thư mục có thể là chữ hoa hoặc chữ thường.

Đáp án: 3,4

**Câu hỏi 32:** - Trong các tên thư mục sau, những tên nào là đúng ? (Chọn 2)

- 1 - Lop 11/1
- 2 - Lop 11.1
- 3 - Lop tin hoc
- 4 - Lop:Tinhoc

Đáp án: 2,3

**Câu hỏi 33:** - Trong cùng một thư mục, tên tệp được đặt như thế nào là đúng ?

- 1 - Không được đặt 2 tệp cùng một tên.
- 2 - Có thể có 2 tệp cùng tên.
- 3 - Không thể đặt tên tệp là chữ in hoa.
- 4 - Không được có khoảng trắng trong tên tệp.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 34:** - Để đổi tên tệp / thư mục, sau khi nhấp phải chuột lên đối tượng muốn đổi tên, bạn chọn lệnh nào sau đây ?

- 1 - Rename.
- 2 - Delete.
- 3 - Create Shortcut.
- 4 - Properties.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 35:** - Thuộc tính chỉ đọc của tệp (file) có ý nghĩa gì ?

- 1 - Cho phép xem nội dung tệp đó.
- 2 - Không cho phép sao chép tệp đó.
- 3 - Xem được nội dung tệp, không cho phép chỉnh sửa.
- 4 - Cho phép xem, sửa, xóa nội dung tệp đó.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 36:** - Muốn sao chép một tệp hoặc một thư mục, bạn thực hiện lệnh nào sau đây ?

- 1 - Copy.
- 2 - Save.
- 3 - Cut.
- 4 - Open.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 37:** - Muốn di chuyển tệp hoặc thư mục đến một thư mục khác, bạn thực hiện lệnh nào sau đây ?

- 1 - Copy.
- 2 - Save.
- 3 - Cut.
- 4 - Open.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 38:** - Trong Windows 7, làm thế nào để chia sẻ thư mục trên mạng LAN ?

- 1 - Nhấp phải chuột trên desktop, chọn Share with.
- 2 - Nhấp phải chuột lên thư mục muốn chia sẻ, chọn Share with.
- 3 - Nháy chuột vào thư mục muốn chia sẻ, chọn Share with.
- 4 - Vào My Computer, chọn Share with.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 39:** - Khi xóa một tệp trên ổ đĩa cứng, tệp bị xóa đi đâu ?

- 1 - Tệp bị xóa được chứa trong Recycle Bin.
- 2 - Tệp bị xóa sẽ mất hẳn.
- 3 - Tệp bị xóa sẽ nằm trong My Computer.
- 4 - Tệp bị xóa được chứa trong thư mục Temps.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 40:** - Muốn tìm kiếm tệp / thư mục trong máy tính, bạn thường sử dụng chức năng nào sau đây của hệ điều hành ?

- 1 - Search.
- 2 - Find.
- 3 - Settings.
- 4 - Help and Support.

Đáp án: 1



**Câu hỏi 41:** - Chuỗi ký hiệu "tk\*.jpg" có nghĩa là gì ?

- 1 - Tất cả thư mục có tên là "tk" và phần đuôi là "jpg".
- 2 - Tất cả tệp có 3 ký tự, trong đó phần đầu tên là "tk" và phần mở rộng là "jpg".
- 3 - Tất cả tệp có tên là "tk" và phần mở rộng là "jpg".
- 4 - Tất cả thư mục có 3 ký tự, trong đó phần đầu tên là "tk" và phần đuôi là "jpg".

Đáp án: 2

**Câu hỏi 42:** - Trong các phần mềm sau đây, những phần mềm nào hỗ trợ nén các thư mục nhằm làm giảm kích thước của các thư mục đó ? (Chọn 2)

- 1 - WinZip.
- 2 - Winrar.
- 3 - Unikey.
- 4 - Vietkey.
- 5 - Paint.

Đáp án: 1,2

**Câu hỏi 43:** - Sử dụng phần mềm hỗ trợ nén và giải nén có những tiện ích gì sau đây ?

- 1 - Phân tích dung lượng đĩa đang sử dụng.
- 2 - Phân chia một tệp thành nhiều tệp có dung lượng nhỏ hơn.
- 3 - Tạo tệp có dung lượng nhỏ hơn.
- 4 - Phát hiện các tệp bị nhiễm virus.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 44:** - Muốn giải nén một tệp hay một thư mục, bạn thực hiện những thao tác nào sau đây ?

- 1 - Nhấp phải chuột vào tệp / thư mục muốn giải nén, chọn Extract file.
- 2 - Nhấp trái chuột vào tệp / thư mục muốn giải nén, chọn Extract file.
- 3 - Nhấp đúp vào tệp / thư mục muốn giải nén, chọn Extract file.
- 4 - rê chuột đến tệp / thư mục cần giải nén, chọn Extract file.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 45:** - Phần mềm nào sau đây là phần mềm diệt virus ?

- 1 - BKAV home.
- 2 - Windows Media Player.
- 3 - Microsoft Word.
- 4 - FastStone.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 46:** - Bạn hãy chỉ ra các dạng âm thanh phổ biến trong các tùy chọn sau đây ? (Chọn 3)

- 1 - .mp3
- 2 - .mp4
- 3 - .wma
- 4 - .wav
- 5 - .flv

Đáp án: 1,3,4

**Câu hỏi 47:** - Để sử dụng các chữ cái s, f, r, x, j khi gõ dấu tiếng Việt, bạn sử dụng kiểu gõ nào sau đây ?

- 1 - TELEX.
- 2 - VNI.
- 3 - Microsoft.
- 4 - VIQR.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 48:** - Trong các phần mềm sau đây, những phần mềm nào hỗ trợ gõ tiếng Việt thông dụng ? (Chọn 2)

- 1 - Paint.
- 2 - Internet Explorer.
- 3 - Unikey.
- 4 - Vietkey.
- 5 - Winrar.

Đáp án: 3,4

**Câu hỏi 49:** - Khi thiết lập in, bạn thấy có những dòng thuộc hàng đợi in (queue). Đó là gì ?

- 1 - Máy in nằm trong danh sách máy in sẵn.
- 2 - Danh sách tài liệu được nhận lệnh in, nhưng vẫn chưa được in.
- 3 - Tài liệu đang được in.
- 4 - Lịch sử các tài liệu đã được in.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 50:** - Làm sao bạn nhận biết một máy in đang được chọn là máy in mặc định của máy tính ?

- 1 - Máy in nào có dấu tích (✓)
- 2 - Máy in nằm trong danh sách máy in cài sẵn.
- 3 - Máy in đang hiển thị.
- 4 - Máy in có danh sách hàng đợi (queue).

Đáp án: 1

**Câu hỏi 51:** - Bạn hãy kết hợp mỗi khái niệm sao cho đúng với chức năng của nó ?

- |               |   |
|---------------|---|
| 1 - Log off   | a – Tắt hết các ứng dụng, thoát khỏi tài khoản hiện tại.                            |
| 2 - Switch    | b – Chuyển đổi giữa các tài khoản người dùng  |
| 3 - Sleep     | c – Tắt màn hình, tiêu thụ rất ít điện năng   |
| 4 - Hibernate | d – Ghi tất cả chương trình đang mở vào đĩa cứng, tắt máy, không tiêu thụ điện năng |
| 5 - Restart   | e – Khởi động lại máy mà không nhấn nút nguồn                                       |
| 6 - Lock      | f - Ấn Desktop sau màn hình đăng nhập   |

Đáp án: 1-a, 2-b, 3-c, 4-d, 5-e, 6-f

**Câu hỏi 52:** - Trong windows 7, làm thế nào để bật bàn phím ảo để sử dụng trên màn hình ?

- 1 - Vào Start -> All programs -> Accessories -> Start on Screen Keyboard.
- 2 - Vào Start-> All programs -> Accessories -> Ease of Access Center -> Start on Screen Keyboard.
- 3 - Vào Start -> All programs -> Ease of Access Center -> Start on Screen Keyboard.
- 4 - Vào Start-> All programs -> Start on Screen Keyboard.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 53:** - Trong Windows 7, muốn gỡ bỏ một phần mềm đã cài đặt vào máy tính, bạn thực hiện những thao tác nào sau đây ?

1 - Vào Control Panel -> chọn Uninstall a program -> chọn phần mềm -> chọn Uninstall.

2 - Vào Control Panel -> Program -> Uninstall a program -> chọn phần mềm -> chọn Uninstall.

3 - Vào Control Panel -> Hardware and sound -> Uninstall a program -> chọn phần mềm -> chọn Uninstall.

4 - Nhấp phải chuột lên phần mềm, chọn Uninstall.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 54:** - Trong Windows 7, để xem các chương trình được cài đặt trên hệ thống, sau khi chọn nút Start, bạn sẽ chọn phần nào tiếp theo ?

1 - All Programs.

2 - Document.

3 - Search.

4 - Quick Start.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 55:** - Thao tác ấn giữ phím Ctrl đồng thời kéo thả một shortcut trên màn hình làm việc (Desktop) có ý nghĩa như thế nào ?

1 - Di chuyển Shortcut.

2 - Kéo Shortcut đi.

3 - Sao chép Shortcut.

4 - Xóa Shortcut.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 56:** - Để thu nhỏ hết tất cả các cửa sổ một cách nhanh nhất, ta thực hiện những thao tác nào ? (Chọn 2)

1 - Nhấp phải chuột lên thanh Taskbar, chọn "Show the desktop".

2 - Nháy chuột vào hình chữ nhật nhỏ bên cạnh góc đồng hồ bên phải màn hình.

3 - Nhấp phải chuột lên Desktop, chọn Show the desktop.

4 - Nhấp phải chuột lên thanh Toolbar, chọn Show the desktop.

Đáp án: 1,2

**Câu hỏi 57:** - Để mở 2 cửa sổ chia đôi dọc màn hình, bạn thực hiện thao tác nào ?

1 - Nhấp phải chuột lên Taskbar, chọn Cascade windows

2 - Nhấp phải chuột lên Taskbar, chọn Show the desktop.

3 - Nhấp phải chuột lên Taskbar, chọn Show windows side by side.

4 - Nhấp phải chuột lên Taskbar, chọn Show windows stacked.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 58:** - Để mở 2 cửa sổ chia màn hình thành 2 nửa trên dưới, bạn thực hiện thao tác nào ?

1 - Nhấp phải chuột lên Taskbar, chọn Cascade windows

2 - Nhấp phải chuột lên Taskbar, chọn Show the desktop.

3 - Nhấp phải chuột lên Taskbar, chọn Show windows side by side.

4 - Nhấp phải chuột lên Taskbar, chọn Show windows stacked.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 59:** - Để không di chuyển được thanh Taskbar, bạn nhấp phải chuột lên Taskbar và chọn tùy chọn nào sau đây ?

- 1 - Show the desktop.
- 2 - Lock the taskbar.
- 3 - Unlock the taskbar.
- 4 - Auto hide the taskbar.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 60:** - Bạn hãy chọn phát biểu đúng về cấu trúc phân cấp khi lưu ổ đĩa, thư mục, tệp ?

- 1 - Ổ đĩa chứa thư mục, tệp. Thư mục chứa thư mục con, tệp.
- 2 - Ổ đĩa chứa tệp. Tệp chứa thư mục.
- 3 - Thư mục chứa ổ đĩa. Ổ đĩa chứa tệp.
- 4 - Ổ đĩa chứa thư mục. Thư mục chứa tệp.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 61:** - Bạn hãy chỉ ra sự khác nhau khi lưu trữ dữ liệu trên USB và trên đĩa quang (CD, DVD) ? (Chọn 2)

- 1 - USB có dung lượng lớn hơn CD-R, DVD-R.
- 2 - Khi lưu trữ dữ liệu trên CD-R, DVD-R sẽ không bị virus, trên USB dễ bị nhiễm virus.
- 3 - Dữ liệu trên USB sẽ không bị xóa đi, còn trên CD-R, DVD-R sẽ bị xóa dễ dàng.
- 4 - Dữ liệu trên CD-R, DVD-R chỉ được ghi một lần, trên USB có thể lưu tiếp thêm.

Đáp án: 1,4

**Câu hỏi 62:** - Những phát biểu nào là đúng về lưu trữ dữ liệu trên DVD ? (Chọn 2)

- 1 - Dữ liệu trên DVD-R sẽ không bị xóa một cách dễ dàng.
- 2 - Muốn sao chép dữ liệu vào DVD-R chỉ cần copy và paste.
- 3 - Dữ liệu trên DVD-R chỉ được ghi một lần duy nhất.
- 4 - Có thể lưu tiếp dữ liệu vào đĩa DVD-R.

Đáp án: 1,3

**Câu hỏi 63:** - Bạn muốn tìm kiếm tất các tệp có kí tự đầu là D và có phần mở rộng là .DOC. Bạn dùng từ khóa nào sau đây ?

- 1 - D\*.DOC
- 2 - D#.DOC
- 3 - D?.DOC
- 4 - \*D.DOC

Đáp án: 1

**Câu hỏi 64:** - Bạn muốn tìm kiếm tất các tệp có 3 kí, kí tự đầu là H và có phần mở rộng là .TXT. Bạn dùng từ khóa nào sau đây ?

- 1 - ??H.TXT
- 2 - H??.TXT
- 3 - H\*\*.\*.TXT
- 4 - \*\*H.TXT

Đáp án: 2

**Câu hỏi 65:** - Bạn nên nén dữ liệu trong những trường hợp nào sau đây ? (Chọn 2)

- 1 - Khi bạn muốn giảm dung lượng lưu trữ.
- 2 - Khi bạn cần gom nhiều tệp, thư mục vào thành 1 tệp.
- 3 - Khi bạn muốn có thể sao chép tệp và thư mục một cách dễ dàng.
- 4 - Khi bạn cần giảm thuộc tính của tệp.

Đáp án: 1,2

**Câu hỏi 66:** - Muốn soạn thảo văn bản tiếng Việt sử dụng font Times New Roman, bạn phải chọn bảng mã nào sau đây trong phần mềm hỗ trợ gõ tiếng Việt ?

- 1 - TCVN3.
- 2 - Unicode.
- 3 - Vietware X.
- 4 - VNI Windows.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 67:** - Bạn đã bật bộ gõ tiếng Việt (Vietkey hoặc Unikey) để soạn thảo. Bạn lựa chọn kiểu gõ Telex và bảng mã Unicode. Khi đó, bạn cần chọn nhóm font chữ nào trong các font chữ sau để có thể hiển thị rõ tiếng Việt ?

- 1 - Tahoma, Verdana, Times New Roman.
- 2 - Vn Times, . Vn Arial, .Vn Courier.
- 3 - Vn Times, Times New Roman, Arial.
- 4 - VNI times, Arial, .Vn Avant

Đáp án: 1

**Câu hỏi 68:** - Bạn đang sử dụng phần mềm gõ tiếng Việt Unikey. Khi soạn thảo văn bản, mặc dù gõ đúng tiếng Việt nhưng chữ hiển thị không đúng. Nguyên nhân là gì ?

- 1 - Vì kiểu gõ không phù hợp với bảng mã.
- 2 - Vì bạn chưa bật tính năng kiểm tra chính tả.
- 3 - Vì font chữ không phù hợp với bảng mã.
- 4 - Vì bạn chưa bật tính năng gõ tắt.

Đáp án: 3

## MÔ-ĐUN IU03 –XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN

**Câu hỏi 1:** (- Chức năng chính của phần mềm Microsoft Word là gì ?

- 1 - Tính toán và lập bảng biểu.
- 2 - Soạn thảo văn bản.
- 3 - Soạn một trang thuyết trình.
- 4 - Tạo các tệp đồ họa.

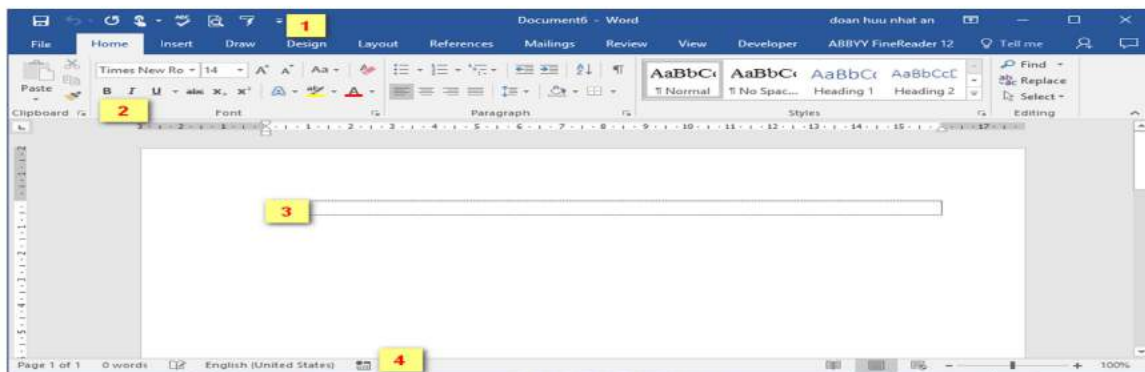
Đáp án: 2

**Câu hỏi 2:** ( Trong MS Word, thao tác nào sau đây **KHÔNG** thực hiện được ?

- 1 - Tạo mới một tệp văn bản.
- 2 - Mở một tệp văn bản đã có sẵn.
- 3 - Chèn một ảnh vào một ô của bảng.
- 4 - Định dạng thiết bị lưu trữ di động (USB).

Đáp án: 4

**Câu hỏi 3:** ( Trong MS Word 2010, bạn hãy xác định thanh trạng thái ở hình sau ?



1 - Vị trí số 1.

2 - Vị trí số 2.

3 - Vị trí số 3.

4 - Vị trí số 4.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 4:** ( Trong MS Word, việc phóng to, thu nhỏ màn hình soạn thảo văn bản được thực hiện như thế nào ?

1 - Sử dụng lệnh Zoom.

2 - Phóng to kích cỡ chữ.

3 - Phóng to kích cỡ giấy.

4 - Thay đổi khổ giấy mặc định.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 5:** ( Sau khi đã mở phần mềm soạn thảo văn bản MS Word, để mở một tệp văn bản đã có, bạn thực hiện tổ hợp phím nào sau đây ?

1 - Ctrl + O.

2 - Ctrl + S.

3 - Ctrl + P.

4 - Ctrl + U.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 6:** ( Trong MS Word, công dụng của tổ hợp phím Ctrl + O là gì ?

1 - Mở một văn bản đã có sẵn.

2 - Đóng một văn bản đang mở.

3 - Tạo mới một văn bản.

4 - Lưu một văn bản đang mở.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 7:** ( Sau khi đã mở phần mềm soạn thảo văn bản MS Word, để tạo một tệp văn bản mới, bạn thực hiện tổ hợp phím nào sau đây ?

1 - Ctrl + N.

2 - Ctrl + S.

3 - Ctrl + P.

4 - Ctrl + U.

Đáp án: 1



**Câu hỏi 8:** ( Trong MS Word, để lưu một tệp văn bản đang mở với tên cũ, bạn thực hiện nhóm thao tác nào sau đây ?

- 1 - Ctrl + N.
- 2 - Ctrl + S.
- 3 - Ctrl + P.
- 4 - Ctrl + U.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 9:** ( Trong MS Word, để lưu một tệp văn bản đang mở với một tên mới, bạn thực hiện nhóm thao tác nào sau đây ?

- 1 - File - Save As.
- 2 - File - Save.
- 3 - File - Open.
- 4 - File - New.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 10:** - Trong MS Word, công dụng của tổ hợp phím Ctrl + S là gì ?

- 1 - Xóa tệp văn bản.
- 2 - Tạo tệp văn bản mới.
- 3 - Lưu tệp văn bản.
- 4 - Chèn một ký tự đặc biệt.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 11:** - Trong MS Word 2010, để sắp xếp tất cả các tài liệu đang mở trong cùng màn hình, trên menu View ta chọn lệnh nào ?

- 1 - Split.
- 2 - Arrange All.
- 3 - New Windows.
- 4 - Zoom In.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 12:** - Trong MS Word 2010, để thực hiện thao tác sắp xếp cửa sổ, trên nhóm Window của menu View, ta chọn chức năng nào ?

- 1 - View Side by Side.
- 2 - Switch Windows.
- 3 - Arrange All.
- 4 - New Windows.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 13:** - Trong MS Word, nhấp chuột trái 3 lần vào vị trí nào đó trong đoạn văn bản sẽ có tác dụng gì ?

- 1 - Chọn nguyên đoạn văn bản tại vị trí nhấp chuột.
- 2 - Chọn toàn bộ văn bản.
- 3 - Chọn một từ.
- 4 - Chọn nguyên dòng.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 14:** - Trong MS Word, để đưa con trỏ về đầu tài liệu, bạn sử dụng phím / tổ hợp phím nào ?

- 1 - Ctrl + Home.

- 2 - Home.
- 3 - Ctrl + PgUp.
- 4 - Ctrl + Shift + Home.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 15:** - Trong MS Word, công dụng của tổ hợp phím Shift + Home là gì ?

- 1 - Chọn đoạn văn bản từ vị trí con trỏ đến cuối dòng hiện tại.
- 2 - Chọn một ký tự đứng ngay sau vị trí con trỏ.
- 3 - Chọn đoạn văn bản từ vị trí con trỏ đến đầu dòng hiện tại.
- 4 - Chọn một ký tự đứng ngay trước vị trí con trỏ.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 16:** - Trong MS Word, công dụng của tổ hợp phím Shift + End là gì ?

- 1 - Chọn đoạn văn bản từ vị trí con trỏ đến cuối dòng hiện tại.
- 2 - Chọn một ký tự đứng ngay trước vị trí con trỏ.
- 3 - Chọn đoạn văn bản từ vị trí con trỏ đến đầu dòng hiện tại.
- 4 - Chọn một ký tự đứng ngay sau vị trí con trỏ.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 17:** - Trong MS Word, muốn chuyển đổi giữa hai chế độ gõ: chế độ gõ chèn và chế độ gõ đè, ta sử dụng phím nào sau đây ?

- 1 - Phím Insert.
- 2 - Phím Tab.
- 3 - Phím Home.
- 4 - Phím End.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 18:** - Trong MS Word, để xóa ký tự trong văn bản, ta có thể sử dụng những phím nào trong những phím sau đây ?

- 1 - Phím Backspace, Delete.
- 2 - Phím Shift, Alt.
- 3 - Phím Ctrl, End.
- 4 - Phím Page Up, Page Down.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 19:** - Trong MS Word, để xóa một ký tự đứng sau con trỏ, ta có thể sử dụng phím nào trong những phím sau đây ?

- 1 - Phím Backspace.
- 2 - Phím Page Down.
- 3 - Phím Insert.
- 4 - Phím Delete.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 20:** - Trong MS Word, để xóa một ký tự đứng trước con trỏ, ta có thể sử dụng phím nào trong những phím sau đây ?

- 1 - Phím Backspace.
- 2 - Phím Page Down.
- 3 - Phím Insert.
- 4 - Phím Delete.

Đáp án: 1



**Câu hỏi 21:** - Trong MS Word, để tìm kiếm ký tự, ta sử dụng tổ hợp phím nào sau đây ?

- 1 - Ctrl + F.
- 2 - Ctrl + P.
- 3 - Ctrl + G.
- 4 - Ctrl + D.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 22:** - Trong MS Word, để chọn toàn bộ nội dung của văn bản, ta thực hiện tổ hợp phím nào sau đây ?

- 1 - Ctrl + F.
- 2 - Alt + A.
- 3 - Ctrl + A.
- 4 - Alt + F.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 23:** - Trong MS Word, tìm kiếm và thay thế các ký tự / cụm từ nhất định, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + I.
- 2 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + L.
- 3 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + U.
- 4 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + H.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 24:** - Trong MS Word, muốn tìm kiếm một từ hay cụm từ bất kỳ, ta sử dụng tổ hợp phím nào sau đây ?

- 1 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + A.
- 2 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + F.
- 3 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + O.
- 4 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + T.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 25:** - Trong MS Word, để sao chép một đoạn văn bản, ta đánh dấu đoạn văn bản đó rồi thực hiện tổ hợp phím nào sau đây ?

- 1 - Ctrl + C.
- 2 - Ctrl + V.
- 3 - Ctrl + X.
- 4 - Ctrl + F.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 26:** - Trong MS Word, để cắt một đoạn văn bản, ta đánh dấu đoạn văn bản đó rồi thực hiện tổ hợp phím nào sau đây ?

- 1 - Ctrl + C.
- 2 - Ctrl + V.
- 3 - Ctrl + X.
- 4 - Ctrl + F.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 27:** - Trong MS Word, để dán một đoạn văn bản, ta đánh dấu đoạn văn bản đó, nhấn Ctrl + C, di chuyển đến một vị trí mới, rồi thực hiện tổ hợp phím nào sau

đây ?

- 1 - Ctrl + C.
- 2 - Ctrl + V.
- 3 - Ctrl + X.
- 4 - Ctrl + F.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 28:** - Trong MS Word, muốn phục hồi lại 1 hoặc nhiều thao tác vừa thực hiện ta lựa chọn chức năng nào sau đây ?

- 1 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + Z.
- 2 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + A.
- 3 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + U.
- 4 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + X.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 29:** - Trong MS Word, muốn định dạng ký tự, trước hết, bạn cần phải thực hiện thao tác gì ?

- 1 - Chọn khối ký tự cần định dạng.
- 2 - Xóa các định dạng cũ.
- 3 - Thiết lập các định dạng ký tự.
- 4 - Đưa con trỏ soạn thảo về đầu văn bản.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 30:** - Trong MS Word, để thay đổi kiểu chữ in đậm, bạn dùng tổ hợp phím nào sau đây ?

- 1 - Ctrl + B.
- 2 - Ctrl + U.
- 3 - Ctrl + I.
- 4 - Ctrl + J.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 31:** - Trong MS Word, để thay đổi kiểu chữ in nghiêng, bạn dùng tổ hợp phím nào sau đây ?

- 1 - Ctrl + I.
- 2 - Ctrl + U.
- 3 - Ctrl + B.
- 4 - Ctrl + J.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 32:** - Trong MS Word, để tăng 1 cỡ chữ, ta sử dụng tổ hợp phím nào sau đây ?

- 1 - Ctrl + ]
- 2 - Ctrl + Shift + >
- 3 - Ctrl + Shift + ]
- 4 - Ctrl + >

Đáp án: 1

**Câu hỏi 33:** - Trong MS Word, để giảm 1 cỡ chữ, ta sử dụng tổ hợp phím nào sau đây ?

- 1 - Ctrl + [
- 2 - Ctrl + Shift + <
- 3 - Ctrl + Shift + [
- 4 - Ctrl + <

Đáp án: 1

**Câu hỏi 34:** - Trong MS Word, muốn bỏ định dạng in nghiêng cho một đoạn văn bản đang chọn, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + I.
- 2 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + L.
- 3 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + U.
- 4 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + H.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 35:** - Trong MS Word, muốn định dạng chữ đậm cho một đoạn văn bản đang chọn, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + R.
- 2 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + U.
- 3 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + B.
- 4 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + K.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 36:** - Trong MS Word, muốn định dạng chữ gạch chân cho một đoạn văn bản đang chọn, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + R.
- 2 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + U.
- 3 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + B.
- 4 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + L.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 37:** - Trong MS Word, để thay đổi vị trí của ký tự tương đối cao hơn so với dòng kẻ, bạn dùng tổ hợp phím nào sau đây ?

- 1 - Ctrl + Shift + =
- 2 - Ctrl + =
- 3 - Ctrl + -
- 4 - Ctrl + Shift + -

Đáp án: 1

**Câu hỏi 38:** - Trong MS Word, tham số nào sau đây không phải là vị trí của chữ cái lớn đầu đoạn ?

- 1 - First line.
- 2 - None.
- 3 - Dropped.
- 4 - In Margin.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 39:** - Trong MS Word, khi đang sử dụng phông (font) chữ Times New Roman và ở chế độ gõ chữ thường, để gõ được chữ in hoa ta bấm giữ phím nào trong các phím sau đây ?

- 1 - Phím Alt.

- 2 - Phím Enter.
- 3 - Phím Tab.
- 4 - Phím Shift.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 40:** - Trong MS Word, để chọn khối văn bản không liền nhau, bạn thực hiện nhóm các bước nào sau đây ?

- 1 - Chọn khối văn bản đầu tiên, sau đó nhấn Ctrl khi chọn các khối văn bản khác.
- 2 - Kéo rê con trỏ trên các khối văn bản.
- 3 - Chọn khối văn bản đầu tiên, sau đó nhấn phím Shift khi chọn các khối văn bản khác.
- 4 - Chọn khối văn bản đầu tiên, sau đó nhấn Ctrl và chọn khối văn bản cuối cùng.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 41:** - Trong MS Word, để kết thúc đoạn và chuyển sang một đoạn mới, bạn nhấn phím nào trên bàn phím ?

- 1 - Phím Enter.
- 2 - Tổ hợp phím Shift + Enter.
- 3 - Phím Pg Down.
- 4 - Phím End.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 42:** - Trong MS Word, để căn lề trái đoạn văn bản, bạn sử dụng tổ hợp phím nào sau đây ?

- 1 - Ctrl + L.
- 2 - Ctrl + R.
- 3 - Ctrl + E.
- 4 - Ctrl + J.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 43:** - Trong MS Word, để căn lề phải đoạn văn bản, bạn sử dụng tổ hợp phím nào sau đây ?

- 1 - Ctrl + R.
- 2 - Ctrl + L.
- 3 - Ctrl + E.
- 4 - Ctrl + J.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 44:** - Trong MS Word, để căn giữa đoạn văn bản, bạn sử dụng tổ hợp phím nào sau đây ?

- 1 - Ctrl + E.
- 2 - Ctrl + R.
- 3 - Ctrl + L.
- 4 - Ctrl + J.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 45:** - Trong MS Word, để căn đều hai biên đoạn văn bản, bạn sử dụng tổ hợp phím nào sau đây ?

- 1 - Ctrl + J.
- 2 - Ctrl + R.
- 3 - Ctrl + E.

4 - Ctrl + L.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 46:** - Trong MS Word, muốn căn lề phải cho một đoạn văn bản đang chọn, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

1 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + R.

2 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + U.

3 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + B.

4 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + K.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 47:** - Trong MS Word, muốn căn đều cho một đoạn văn bản đang chọn, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

1 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + R.

2 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + J.

3 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + B.

4 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + L.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 48:** - Trong MS Word, muốn căn lề trái cho một đoạn văn bản đang chọn, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

1 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + R.

2 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + U.

3 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + B.

4 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + L.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 49:** - Trong MS Word, muốn căn giữa cho một đoạn văn bản đang chọn, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

1 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + R.

2 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + U.

3 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + E.

4 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + L.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 50: (0)** - Trong MS Word, định dạng nào được xem là định dạng ngầm định cho văn bản ?

1 - Normal.

2 - Heading 1.

3 - Heading.

4 - TOC.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 51:** - Trong MS Word, muốn di chuyển trỏ chuột từ 1 ô sang ô kế tiếp bên phải của một dòng trong bảng biểu (Table) ta bấm phím nào trong các phím sau đây ?

1 - Esc.

2 - Tab.

3 - Ctrl.

4 - Shift.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 52:** - Trong MS Word, để chèn thêm một cột vào bên phải cột con trỏ đang đứng, ta chọn lệnh nào sau đây ?

- 1 - Insert Column to the Right.
- 2 - Insert Row Below.
- 3 - Insert Row Above.
- 4 - Insert Column to the Left

Đáp án: 1

**Câu hỏi 53:** - Trong MS Word, để chèn thêm hàng vào phía dưới hàng con trỏ đang đứng, ta chọn lệnh nào sau đây ?

- 1 - Insert Column to the Right.
- 2 - Insert Row Below.
- 3 - Insert Row Above.
- 4 - Insert Column to the Left

Đáp án: 2

**Câu hỏi 54:** - Trong MS Word, để chèn thêm một cột vào bên trái cột con trỏ đang đứng, ta chọn lệnh nào sau đây ?

- 1 - Insert Column to the Right.
- 2 - Insert Row Below.
- 3 - Insert Row Above.
- 4 - Insert Column to the Left

Đáp án: 4

**Câu hỏi 55:** - Trong MS Word, để chèn thêm hàng vào phía trên hàng con trỏ đang đứng, ta chọn lệnh nào sau đây ?

- 1 - Insert Column to the Right.
- 2 - Insert Row Below.
- 3 - Insert Row Above.
- 4 - Insert Column to the Left

Đáp án: 3

**Câu hỏi 56:** - Trong MS Word, cách nào sau đây là nhanh nhất để thêm một dòng trong bảng khi đang ở ô cuối cùng bên góc phải của bảng ?

- 1 - Nhấn phím Tabs.
- 2 - Nhấn phím Insert.
- 3 - Click phải chọn Insert Rows.
- 4 - Copy.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 57:** - Trong MS Word, để xóa hàng trong bảng, ta chọn lệnh nào sau đây ?

- 1 - Delete Rows.
- 2 - Delete Cells.
- 3 - Delete Columns.
- 4 - Delete Table.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 58:** - Trong MS Word, để xóa cột trong bảng, ta chọn lệnh nào sau đây ?

- 1 - Delete Rows.

- 2 - Delete Cells.
- 3 - Delete Columns.
- 4 - Delete Table.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 59:** - Trong MS Word, để xóa ô trong bảng, ta chọn lệnh nào sau đây ?

- 1 - Delete Rows.
- 2 - Delete Cells.
- 3 - Delete Columns.
- 4 - Delete Table.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 60:** - Trong MS Word, để thay đổi chiều rộng cột trong bảng, ta có thể dùng công cụ hoặc nút nào sau đây ?

- 1 - Chuột.
- 2 - Phím Insert.
- 3 - Phím Backspace.
- 4 - Thanh Space Bar.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 61:** - Trong MS Word, để tạo một bảng giả (bảng mà không xuất hiện đường viền) ta tạo bảng, sau đó chọn thuộc tính nào sau đây ?

- 1 - No Border.
- 2 - Right Border.
- 3 - All Border.
- 4 - Outside Border.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 62:** - Trong MS Word, chức năng nào không thuộc nhóm chức năng thao tác trên bảng ?

- 1 - Thay đổi màu nền trang.
- 2 - Thay đổi màu nền ký tự.
- 3 - Thay đổi màu nền đường viền.
- 4 - Thay đổi màu nền ô.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 63:** - Trong MS Word, thao tác xóa bảng được thực hiện như thế nào ?

- 1 - Chọn toàn bộ bảng, nhấp phải chuột và chọn "Delete table".
- 2 - Chọn toàn bộ bảng rồi nhấn phím Delete.
- 3 - Chọn toàn bộ bảng sau đó nhấn vào phím Backspace.
- 4 - Chọn toàn bộ bảng rồi nhấn phím Space.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 64:** - Trong MS Word, để xóa toàn bộ bảng, ta chọn lệnh nào sau đây ?

- 1 - Delete Rows.
- 2 - Delete Cells.
- 3 - Delete Columns.
- 4 - Delete Table.

Đáp án: 4



**Câu hỏi 65:** - Trong MS Word, đối tượng đa phương tiện nào sau đây không được hỗ trợ ?

- 1 - Video.
- 2 - Biểu đồ.
- 3 - Hình ảnh.
- 4 - Các hình khối.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 66:** - Trong MS Word, để vẽ một hình vuông, một hình tròn ta giữ phím gì trong quá trình tạo hình vẽ ?

- 1 - Shift.
- 2 - Ctrl.
- 3 - Alt.
- 4 - Tab.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 67:** - Trong MS Word 2010, bạn đang chỉnh sửa một hình ảnh, thuộc tính nào sẽ giúp bạn phục hồi lại trạng thái ban đầu của hình ?

- 1 - Reset Picture.
- 2 - Change Picture.
- 3 - Artistic Effects.
- 4 - Compress Pictures.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 68:** - Trong MS Word, muốn xóa đối tượng đồ họa trong văn bản sau ta sử dụng cách nào ?

On the Insert tab, the galleries include items that are designed to coordinate with the overall look of your document. You can use these galleries to insert tables, headers, footers, lists, cover pages, and other document building blocks. When you create pictures, charts, or diagrams, they also coordinate with your current document look.

You can easily change the formatting of selected text in the document text by choosing a look for the selected text in the Quick Styles gallery on the Home tab. You can also format text directly by using the other controls on the Home tab. Most controls offer a choice of using the look from the current theme or using a format that you specify directly.

- 1 - Chọn đối tượng rồi nhấn phím Delete.
- 2 - Thay đổi vị trí đối tượng đồ họa.
- 3 - Xóa toàn bộ văn bản.
- 4 - Nhấn Ctrl + Click chọn đối tượng.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 69:** - Trong MS Word, nhận định nào sau đây là **KHÔNG ĐÚNG** khi làm việc với hộp văn bản (Text Box) ?

- 1 - Không thể thay đổi màu nền của hộp văn bản.
- 2 - Có thể định dạng Font cho văn bản bên trong hộp văn bản.
- 3 - Không thể đánh số trang riêng cho nội dung bên trong hộp văn bản.
- 4 - Có thể tạo ra một hộp văn bản không có viền.

Đáp án: 1



**Câu hỏi 70:** - Trong MS Word, nhóm thuộc tính nào trong menu Format cho phép thay đổi kích cỡ của hộp văn bản ?

- 1 - Size.
- 2 - Shape Stytes.
- 3 - Insert Shapes.
- 4 - Arrange.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 71:** - Trong MS Word, chức năng Footnote dùng để làm gì ?

- 1 - Tạo tiêu đề cho văn bản.
- 2 - Tạo một bảng mới.
- 3 - Tạo chú thích cho văn bản.
- 4 - Tạo một văn bản mới.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 72:** - Trong MS Word, để tạo ngắt trang, ta sử dụng tổ hợp phím nào sau đây ?

- 1 - Ctrl + Enter.
- 2 - Shift + Enter.
- 3 - Ctrl + Shift.
- 4 - Alt + Enter.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 73:** - Trong MS Word, tổ hợp phím Shift + Enter có tác dụng gì ?

- 1 - Xuống hàng nhưng chưa kết thúc Paragraph.
- 2 - Xuống một trang màn hình.
- 3 - Di chuyển con trỏ lên đầu văn bản.
- 4 - Xuống hàng kết thúc Paragraph.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 74:** - Trong MS Word, đang soạn thảo ở giữa trang văn bản, để ngay lập tức ngắt trang văn bản hiện tại sang trang văn bản mới, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Bấm tổ hợp phím Ctrl+A.
- 2 - Bấm tổ hợp phím Ctrl+Enter.
- 3 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + H.
- 4 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + End.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 75:** - Trong MS Word 2010, để thiết lập Header và Footer, bạn chọn Menu nào sau đây ?

- 1 - Menu Insert / nhóm Header & Footer.
- 2 - Menu Design / nhóm Header & Footer.
- 3 - Menu Home / nhóm Header & Footer.
- 4 - Menu Page Layout/ nhóm Header & Footer.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 76:** - Trong MS Word, để di chuyển giữa Header và Footer, ta sử dụng những lệnh nào sau đây ? (Chọn 2)

- 1 - Go to Header.

- 2 - Go to Footer.
- 3 - Previous.
- 4 - Next.
- 5 - Different First Page.

Đáp án: 1,2

**Câu hỏi 77:** - Trong MS Word 2010, lệnh in văn bản thuộc menu nào ?

- 1 - File.
- 2 - Layout.
- 3 - Review.
- 4 - Home.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 78:** - Trong MS Word, để in một văn bản, ta thực hiện những cách nào sau đây ? (Chọn 2)

- 1 - Nhấn tổ hợp phím Ctrl+P; Chọn biểu tượng máy in (Print).
- 2 - Chọn lệnh Print trong menu File rồi chọn vào biểu tượng máy in (Print).
- 3 - Chọn lệnh Print trong menu File.
- 4 - Chọn lệnh Print trong menu Layout.

Đáp án: 1,2

**Câu hỏi 79:** - Trong MS Word, thuộc tính nào chỉ tùy chọn hướng giấy in khi thao tác với lệnh in văn bản ?

- 1 - Orientation.
- 2 - Margin.
- 3 - Pages.
- 4 - Preview.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 80:** - Trong MS Word, trong hộp thoại thiết lập lệnh in văn bản, Tab nào chỉ định kích cỡ giấy in ?

- 1 - Paper.
- 2 - Margin.
- 3 - Layout.
- 4 - Page Setup.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 81:** - Trong MS Word, khi in văn bản, hướng Landscape hiển thị văn bản theo chiều nào ?

- 1 - Chiều ngang.
- 2 - Chiều dọc.
- 3 - Nghiêng 45 độ.
- 4 - Tùy chỉnh của người sử dụng.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 82:** - Hướng in văn bản nào là mặc định của MS Word ?

- 1 - Hướng dọc (Portrait)
- 2 - Hướng ngang (Landscape)
- 3 - Nghiêng 45 độ
- 4 - Tùy chỉnh của người sử dụng

Đáp án: 1

**Câu hỏi 83:** - Trong MS Word, thuộc tính nào chỉ số bản in ra khi lập lệnh in ?

- 1 - Copies.
- 2 - Paper size.
- 3 - Orientation.
- 4 - Pages.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 84:** - Thao tác nào sau đây là **KHÔNG PHÙ HỢP** trong soạn thảo văn bản ?

- 1 - Đặt dấu câu ở bất kỳ vị trí nào.
- 2 - Viết hoa đầu câu.
- 3 - Không viết câu quá dài.
- 4 - Giữa hai từ chỉ có một ký tự trắng.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 85:** - Hãy chỉ ra yếu tố nào **KHÔNG PHẢI** là thành phần cơ bản của văn bản ?

- 1 - Tên riêng.
- 2 - Đoạn.
- 3 - Ký tự.
- 4 - Trang.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 86:** - Trong Microsoft Word 2010, nhóm lệnh nào sau đây **KHÔNG** thuộc menu Insert ?

- 1 - Styles.
- 2 - Links.
- 3 - Header & Footer.
- 4 - Text.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 87:** - Trong MS Word 2010, lệnh nào trong menu View sẽ phân cửa sổ soạn thảo thành hai cửa sổ giống hệt nhau giúp người sử dụng dễ dàng đối chiếu nội dung trên cùng một văn bản ?

- 1 - Split.
- 2 - Arrange All.
- 3 - New Windows.
- 4 - Zoom In.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 88:** - Trong MS Word, để soạn thảo được văn bản tiếng Việt với phông (font) Times New Roman, ta phải chọn bảng mã nào sau đây ?

- 1 - VNI Windows.
- 2 - TCVN3 (ABC).
- 3 - Unicode.
- 4 - VIQR.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 89:** - Khi mở một tệp văn bản A trong MS Word, ta thay đổi nội dung, rồi dùng chức năng Save As để lưu với tên mới (ví dụ: B.doc), tệp văn bản A sẽ như thế nào?

- 1 - Bị thay đổi nội dung.
- 2 - Bị thay đổi tên.
- 3 - Không bị thay đổi nội dung.
- 4 - Bị xóa.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 90:** - Trong MS Word, khi đang soạn thảo một văn bản, bạn muốn biết nội dung văn bản của bạn chứa bao nhiêu từ, bạn sẽ quan sát nội dung đó ở phần nào trên trang soạn thảo ?

- 1 - Ở thanh trạng thái, phần cuối cùng của cửa sổ.
- 2 - Sử dụng chế độ đếm từ công.
- 3 - Trong menu File.
- 4 - Trong menu References.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 91:** - Trong MS Word, cách nào sau đây là phù hợp nhất để di chuyển một đoạn văn bản từ một trang sang trang khác ?

- 1 - Sử dụng chức năng "Cut" và "Paste".
- 2 - Xóa và gõ lại.
- 3 - Sử dụng chức năng "Tìm kiếm và thay thế".
- 4 - Kéo và thả chuột.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 92:** - Trong MS Word, để di chuyển hoàn toàn đoạn văn bản đang chọn từ vị trí hiện tại sang vị trí mới, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Sao chép (Copy) đoạn văn bản đó rồi dán (Paste) sang vị trí mới.
- 2 - Cắt (Cut) đoạn văn bản đó rồi dán (Paste) sang vị trí mới.
- 3 - Sao chép (Copy) đoạn văn bản đó rồi xóa (bấm phím delete).
- 4 - Cắt (Cut) đoạn văn bản đó rồi xóa (bấm phím delete).

Đáp án: 2

**Câu hỏi 93:** - Trong MS Word, bạn đang gõ văn bản và dưới chân những ký tự bạn đang gõ xuất hiện các dấu xanh đỏ. Đó là dấu hiệu gì ?

- 1 - Dấu xanh là biểu hiện của vấn đề chính tả, dấu đỏ là vấn đề ngữ pháp.
- 2 - Dấu xanh là do bạn đã dùng sai từ tiếng Anh, dấu đỏ là do bạn dùng sai quy tắc ngữ pháp.
- 3 - Dấu xanh là do bạn gõ sai quy tắc ngữ pháp, dấu đỏ là do bạn gõ sai từ tiếng Anh.
- 4 - Dấu xanh đỏ là do máy tính bị virus.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 94:** - Trong MS Word, để gạch dưới mỗi từ một nét đơn, ngoài việc vào Format/Font, bạn có thể dùng tổ hợp phím nào ?

- 1 - Ctrl + Shift + W.
- 2 - Ctrl + Shift + D.
- 3 - Ctrl + Shift + A.
- 4 - Ctrl + Shift + K.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 95:** - Trong MS Word, bạn muốn mở cửa sổ Font để thực hiện các chức năng thay định dạng ký tự, bạn sử dụng tổ hợp phím nào ?

- 1 - Ctrl + D.
- 2 - Ctrl + B.
- 3 - Ctrl + W.
- 4 - Ctrl + F.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 96:** - Trong MS Word, chức năng nào sau đây **KHÔNG** thuộc nhóm định dạng ký tự ?

- 1 - Thay đổi màu nền văn bản.
- 2 - Thay đổi màu ký tự.
- 3 - Gạch chân ký tự.
- 4 - Thay đổi vị trí ký tự tương đối so với dòng kẻ.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 97:** - Trong MS Word, để thực hiện tạo thụt đầu dòng cho đoạn văn bản, trong bảng chọn "Paragraph", tại Tab "Indents and spacing", bạn chọn tùy chọn nào sau đây ?

- 1 - Mục Special - chọn First line.
- 2 - Mục Special - chọn Hanging.
- 3 - Mục Spacing - chọn First line.
- 4 - Mục Spacing - chọn Hanging.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 98:** - Trong MS Word, thao tác nào sau đây **KHÔNG** thuộc định dạng đoạn văn bản ?

- 1 - Thay đổi khoảng cách giữa các ký tự.
- 2 - Thụt đầu dòng.
- 3 - Thay đổi khoảng cách giữa các đoạn.
- 4 - Thay đổi khoảng cách giữa các dòng.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 99:** - Trong MS Word, thứ tự các Tab số 1, 2, 3 trên thước trong hình sau dùng để làm gì ?



1 - 1. Thiết đặt lề trái đoạn văn bản; 2. Thụt lề dòng đầu tiên; 3. Thiết đặt lề phải đoạn văn bản.

2 - 1. Thụt lề dòng đầu tiên; 2. Thiết đặt lề phải đoạn văn bản; 3. Thiết đặt lề trái văn bản.

3 - 1. Thiết đặt lề trái đoạn văn bản; 2. Thiết đặt lề phải đoạn văn bản; 3. Thụt lề dòng đầu tiên.

4 - 1. Thiết đặt lề trái của trang văn bản; 2. Thiết đặt lề phải của trang văn bản; 3. Thụt lề dòng đầu tiên.

Đáp án: 1



**Câu hỏi 100: (0)** - Trong MS Word, tùy chỉnh nào **KHÔNG THỂ** thực hiện trong văn bản định dạng theo danh sách ?

- 1 - Thay đổi trật tự các chỉ số một cách ngẫu nhiên.
- 2 - Thay đổi Font chữ.
- 3 - Thay đổi vị trí so với lề
- 4 - Thay đổi cách đánh chỉ số.

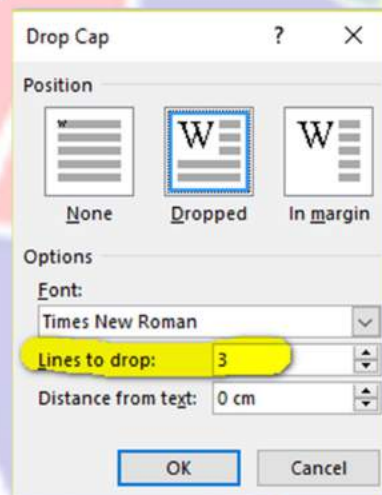
Đáp án: 1

**Câu hỏi 101: (1)** - Trong MS Word, khẳng định nào sau đây là đúng ?

- 1 - Không thể áp dụng chữ hoa đầu đoạn cho các đoạn được định dạng kiểu danh sách liệt kê.
- 2 - Chỉ có thể áp dụng chữ hoa đầu đoạn cho đoạn đầu tiên của tài liệu.
- 3 - Có thể áp dụng chữ hoa đầu đoạn (Drop Cap) cho tất cả các đoạn trong tài liệu kể cả các đoạn văn bản nằm trong bảng (Table).
- 4 - Không thể áp dụng chữ hoa đầu đoạn cho nhiều đoạn trong cùng một trang tài liệu.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 102: (2)** - Trong MS Word, ở cửa sổ Drop Cap (Xem hình), giá trị số trong mục "Lines to drop" chỉ ra điều gì ?



- 1 - Số dòng mà chữ cái lớn chiếm giữ.
- 2 - Vị trí chữ cái lớn trong văn bản.
- 3 - Khoảng cách từ chữ cái lớn đến văn bản.
- 4 - Font chữ cho chữ cái lớn.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 103: (3)** - Trong MS Word, tham số nào sau đây không liên quan đến định dạng chữ cái lớn đầu đoạn ?

- 1 - Distance from margin.
- 2 - Font.
- 3 - Lines to drop.
- 4 - Distance from text.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 104: (4)** - Lúc đang soạn thảo văn bản, hiện tượng gì xảy ra nếu bạn nhấn phím số 1 khi có một khối văn bản đang được chọn ?

- 1 - Khối văn bản đó biến mất và thay thế bằng số 1.
- 2 - Khối văn bản đó biến mất.
- 3 - Số 1 sẽ chèn thêm vào khối văn bản đang chọn.
- 4 - Số 1 sẽ chèn vào sau khối văn bản đang chọn.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 105: (5)** - Trong MS Word, khi mở hộp thoại Font, nhóm chức năng nào sau đây đề cập đến hiệu ứng đặc biệt bạn có thể thêm vào văn bản ?

- 1 - Effects.
- 2 - Font Size.
- 3 - Character Formatting.
- 4 - Font.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 106: (6)** - Trong MS Word, tên kiểu nào sau đây ngầm định áp dụng cho mục lục của văn bản ?

- 1 - TOC.
- 2 - Heading.
- 3 - Normal.
- 4 - Subtitle.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 107: (7)** - Trong Microsoft Word, nhận định nào sau đây là **SAI** khi thao tác với bảng ?

- 1 - Đường lưới của bảng luôn xuất hiện khi in.
- 2 - Chức năng AutoFit tự động điều chỉnh bề rộng của cột.
- 3 - Có thể trộn nhiều ô thành một.
- 4 - Có thể tách một ô thành nhiều ô.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 108: (8)** - Trong MS Word, tham số nào **KHÔNG ĐƯỢC** xem là một thành phần trong bảng ?

- 1 - Line.
- 2 - Column.
- 3 - Row.
- 4 - Cell.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 109: (9)** - Trong MS Word, thao tác nào **KHÔNG THỂ** thực hiện đối với nội dung trong bảng ?

- 1 - Tạo chữ lớn đầu đoạn.
- 2 - Chỉnh sửa độ rộng và chiều cao của ô/hàng/cột.
- 3 - Xóa một dòng bất kỳ.
- 4 - Thay đổi font chữ.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 110: (0)** - Trong MS Word, nhận định nào sau đây là **SAI** khi làm việc với dữ liệu trong bảng ?

- 1 - Có thể đứng tại một ô bất kỳ và định dạng cho nội dung toàn bảng
- 2 - Có thể định dạng các ký tự trong bảng giống như văn bản thông thường

- 3 - Có thể chọn nhiều ô không đồng thời trong bảng
- 4 - Có thể chọn nhiều hàng không đồng thời trong bảng

Đáp án: 1

**Câu hỏi 111: (1)** - Trong MS Word, chức năng Text Direction có ý nghĩa gì trong khi làm việc với bảng ?

- 1 - Thay đổi hướng phần nội dung trong bảng.
- 2 - Thay đổi hướng dòng tiêu đề của bảng.
- 3 - Thay đổi hướng của bảng.
- 4 - Thay đổi chức năng sắp xếp trong bảng.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 112: (2)** - Trong MS Word, để chọn các ô **KHÔNG** đồng thời trong bảng, bạn sử dụng cách nào sau đây ?

- 1 - Nhấn Ctrl và nhấp chọn vào các ô.
- 2 - Nhấn Alt và nhấp chọn vào các ô.
- 3 - Nhấn Shift và nhấp chọn vào các ô.
- 4 - Nhấn Space và nhấp chọn vào các ô.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 113: (3)** - Trong MS Word, nhận định nào là **SAI** khi làm việc với bảng ?

- 1 - Có thể xoay bảng theo bất kỳ hướng nào.
- 2 - Có thể tạo bảng trước hoặc sau khi nhập văn bản.
- 3 - Có thể sắp xếp dữ liệu trong bảng.
- 4 - Có thể tính toán đơn giản đối với dữ liệu dạng số trong bảng.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 114: (4)** - Trong MS Word, định vị vị trí tương đối của dữ liệu so với lề trái và lề phải của ô trong bảng **KHÔNG** chứa tham số nào ?

- 1 - Align Middle Center.
- 2 - Align Bottom Center.
- 3 - Align Top Center.
- 4 - Align Top Right.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 115: (5)** - MS Word hỗ trợ các kiểu đường viền nào cho bảng ?

- 1 - Box, All, Grid, Custom.
- 2 - Box, All, Shadow, Custom.
- 3 - Box, 3D, Shadow, Custom.
- 4 - Box, 3D, All, Shadow, Custom.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 116: (6)** - Trong MS Word 2010, bạn đang điều chỉnh một hình ảnh, nhóm thuộc tính nào trong menu Format giúp bạn chỉ định vị trí của hình ảnh so với nội dung văn bản ?

- 1 - Arrange.
- 2 - Picture Styles
- 3 - Adjust
- 4 - Size

Đáp án: 2



**Câu hỏi 117: (7)** - Trong MS Word, các đối tượng đồ họa nằm trong nhóm nào của menu Insert ?

- 1 - Illustrations.
- 2 - Links.
- 3 - Pages.
- 4 - Header & Footer.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 118: (8)** - Đối tượng đồ họa trong văn bản sau đang ở chế độ nào của thuộc tính Wrap Text ?

On the Insert tab, the galleries include items that are designed to coordinate with the overall look of your document. You can use these galleries to insert tables, headers, footers, lists, cover pages, and other document building blocks. When you create pictures, charts, or diagrams, they also coordinate with your current document look.

You can easily change the formatting of selected text in the document text by choosing a look for the selected text from the Quick Styles gallery on the Home tab. You can also format text directly by using the other controls on the Home tab. Most controls offer a choice of using the look from the current theme or using a format that you specify directly.

- 1 - Behind Text.
- 2 - In Front Of Text.
- 3 - Tight.
- 4 - Square.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 119: (9)** - Trong MS Word, nhận định nào sau đây là đúng khi thực hiện lệnh Crop cho hình sau ?



- 1 - Hình ảnh sẽ được cắt bớt phần màu xám giao nhau giữa hình chữ nhật và hình oval.
- 2 - Hình ảnh sẽ thu nhỏ theo khuôn hình oval bên trong.
- 3 - Hình ảnh sẽ phóng to theo khuôn hình chữ nhật bên ngoài.
- 4 - Kích thước hình ảnh không đổi.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 120: (0)** - Thuộc tính nào trong menu Format làm thay đổi hình dạng của hộp văn bản ?

- 1 - Edit Shape.
- 2 - Shape Styles.
- 3 - Shape Outline.
- 4 - Shape Fill.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 121: (1)**- Trong MS Word, khi lựa chọn chức năng đánh số trang tự động cho văn bản, nhận xét nào sau đây về số của trang đầu tiên là đúng ?

- 1 - Có thể đặt số theo ý muốn.
- 2 - Luôn bắt đầu bằng số 1.
- 3 - Luôn bắt đầu bằng số 0.
- 4 - Không thể đặt số theo ý muốn.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 122: (2)** - Trong MS Word, nhận xét nào sau đây về tiêu đề trang (Header and Footer) là chính xác nhất ?

- 1 - Là nội dung được trình bày ở giữa trang văn bản.
- 2 - Là bảng biểu (Table) được trình bày ở giữa trang văn bản.
- 3 - Là nội dung được trình bày ở phần đầu trang và phần cuối trang.
- 4 - Là hình ảnh (Picture) được trình bày ở giữa trang văn bản.

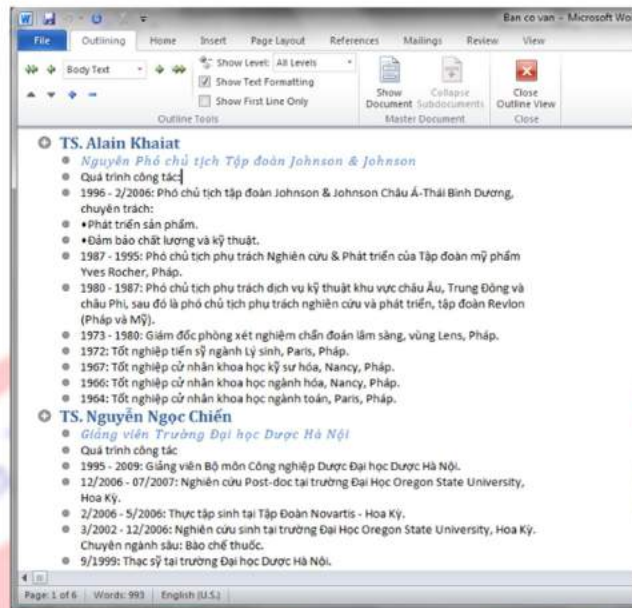
Đáp án: 3

**Câu hỏi 123: (3)**- Trong MS Word 2010, chế độ xem văn bản Full Screen Reading có tác dụng gì ?

- 1 - Điều chỉnh nội dung văn bản với kích thước của màn hình để chỉ hiển thị văn bản, tương tự như đang đọc một cuốn sách.
- 2 - Điều chỉnh văn bản và các thành phần khác tương tự như sử dụng chương trình thiết kế Web để tạo ra trang Web.
- 3 - Chế độ hiển thị văn bản dưới các định dạng nhất định, như kiểu tiêu đề, để tổ chức nội dung.
- 4 - Chế độ hiển thị văn bản theo toàn bộ chiều rộng của màn hình, chỉ nhìn thấy thanh thước ngang.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 124: (4)** - Trong MS Word 2010, bạn hãy cho biết văn bản ở hình sau được hiển thị ở chế độ nào ?



- 1 - Chế độ Outline.
- 2 - Chế độ Draft.
- 3 - Chế độ Web Layout.
- 4 - Chế độ Print Layout

Đáp án: 1

**Câu hỏi 125: (5)** - Trong MS Word, giá trị nào sau đây **KHÔNG PHẢI** là cỡ giấy sử dụng trong in ấn ?

- 1 - Legan.
- 2 - Letter.
- 3 - Enveloppe.
- 4 - A4.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 126: (6)** - Trong MS Word, thuộc tính nào chỉ độ rộng gáy văn bản khi in ?

- 1 - Gutter.
- 2 - Gutter Position.
- 3 - Left.
- 4 - Right.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 127: (7)** - Kích cỡ trang văn bản nào sau đây là mặc định của MS Word ?

- 1 - A4.
- 2 - A5.
- 3 - A3.
- 4 - Letter.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 128: (8)** - Trong MS Word, khi in ấn, lề trang văn bản được xác định như thế nào ?

- 1 - Khoảng cách giữa cạnh giấy và văn bản.
- 2 - Khoảng cách tự tạo của người sử dụng dành cho nội dung.
- 3 - Khoảng cách trong văn bản.
- 4 - Khoảng cách ảo để đo nội dung văn bản.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 129: (9)** - Trong MS Word, tùy chọn nào sau đây **KHÔNG** được sử dụng khi in văn bản ?

- 1 - Print Entire Document.
- 2 - Print All Pages.
- 3 - Print Selection.
- 4 - Print Current Page.

Đáp án: 1

## MÔ-ĐUN IU04 –SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN

**Câu hỏi 1:** ( Microsoft Excel là thuộc dạng phần mềm nào sau đây ?

- 1 - Phần mềm ứng dụng.
- 2 - Phần mềm miễn phí (Freeware).
- 3 - Phần mềm hệ thống.
- 4 - Phần mềm chia sẻ (Shareware).

Đáp án: 1

**Câu hỏi 2:** (- Phát biểu nào dưới đây là **SAI** về phần mềm Microsoft Excel ?

- 1 - MS Excel giúp bạn có thể tạo, chỉnh sửa và lưu trữ văn bản trong máy tính.
- 2 - MS Excel tích hợp sẵn trong Windows nên không cần cài đặt nó.
- 3 - MS Excel nằm trong bộ MS Office.
- 4 - MS Excel là phần mềm xử lý bảng tính.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 3:** ( Trong một phần mềm bảng tính, phần giao của một dòng và cột gọi là gì ?

- 1 - Ô (Cell).
- 2 - Công thức (Formulas).
- 3 - Trường (Field).
- 4 - Dữ liệu (Data).

Đáp án: 1

**Câu hỏi 4:** ( Trong MS Excel 2010, để bật / tắt thanh công thức, ta dùng lệnh nào sau đây ?



- 1 - View - Formular Bar.
  - 2 - View - Toolbars.
  - 3 - View - Status Bar.
  - 4 - View - Ruler.
- Đáp án: 1

**Câu hỏi 5:** ( Để ẩn thanh ruy-băng (Ribbon), bạn nhấp chọn biểu tượng nào trong hình sau ?



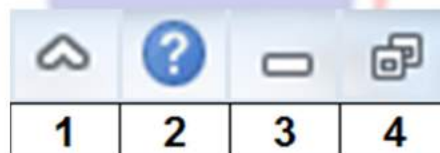
- 1 - Biểu tượng số 1.
  - 2 - Biểu tượng số 2.
  - 3 - Biểu tượng số 3.
  - 4 - Biểu tượng số 4.
- Đáp án: 1

**Câu hỏi 6:** ( Để bật chức năng trợ giúp trong MS Excel 2010, bạn chọn mục nào sau đây ?

- 1 - Vào Help - chọn Microsoft Excel Help.
- 2 - Vào File - chọn About Microsoft Excel.
- 3 - Vào Tools - chọn Help.
- 4 - Vào Help - chọn Detect and Repair.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 7:** ( Trong MS Excel 2010, bạn nhấp chọn biểu tượng nào ở hình sau để mở chức năng trợ giúp của Excel ?



- 1 - Biểu tượng số 1.
  - 2 - Biểu tượng số 2.
  - 3 - Biểu tượng số 3.
  - 4 - Biểu tượng số 4.
- Đáp án: 2

**Câu hỏi 8:** ( Trong MS Excel, bạn sử dụng tổ hợp phím nào để tạo mới một tệp bảng tính ?

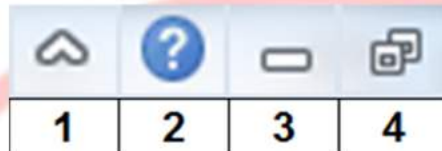
- 1 - Shift + Ctrl + N
  - 2 - Ctrl + N
  - 3 - Ctrl + A
  - 4 - Ctrl + O
- Đáp án: 2

**Câu hỏi 9:** ( Trong MS Excel 2010, để đóng một tệp bảng tính mà không thoát khỏi môi trường Excel, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - File - Open.
- 2 - File - Save As.
- 3 - File - Close.
- 4 - File - Save.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 10:** - Trong MS Excel 2010, bạn nhấp chọn biểu tượng nào trong hình sau để thu về chế độ cực tiểu cửa sổ bảng tính hiện hành ?



- 1 - Biểu tượng số 1.
- 2 - Biểu tượng số 2.
- 3 - Biểu tượng số 3.
- 4 - Biểu tượng số 4.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 11:** - Trong MS Excel 2010, tệp bảng tính được lưu trên đĩa với phần mở rộng nào sau đây ?

- 1 - .XLS
- 2 - .DOC
- 3 - .XLSX
- 4 - .BMP

Đáp án: 3

**Câu hỏi 12:** - Trong MS Excel 2010, để lưu tệp tin đang mở dưới một tên khác, bạn thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - File - Save As.
- 2 - File - Save.
- 3 - File - New.
- 4 - Edit - Replace.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 13:** - Trong MS Excel, khi nhập công thức, loại địa chỉ nào sau đây KHÔNG được chấp nhận ?

- 1 - A1
- 2 - \$A1
- 3 - A\$1
- 4 - 1\$A

Đáp án: 4

**Câu hỏi 14:** - Trong MS Excel, địa chỉ khối ô nào sau đây là hợp lệ ?

- 1 - A2:B10
- 2 - A2..B10
- 3 - A2xB10
- 4 - A2-B10

Đáp án: 1

**Câu hỏi 15:** - MS Excel có những loại địa chỉ nào sau đây ? (chọn 3)

- 1 - Địa chỉ tương đối.
- 2 - Địa chỉ tương đối 3 chiều.
- 3 - Địa chỉ hỗn hợp.
- 4 - Địa chỉ ô.
- 5 - Địa chỉ tuyệt đối.

Đáp án: 1,3,5

**Câu hỏi 16:** - Trong MS Excel, địa chỉ A5 thuộc loại địa chỉ nào sau đây ?

- 1 - Địa chỉ tương đối.
- 2 - Địa chỉ tuyệt đối.
- 3 - Địa chỉ hỗn hợp.
- 4 - Địa chỉ tương đối 3 chiều.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 17:** - Trong MS Excel, địa chỉ \$A5 thuộc loại địa chỉ nào sau đây ?

- 1 - Địa chỉ tương đối.
- 2 - Địa chỉ tuyệt đối.
- 3 - Địa chỉ hỗn hợp.
- 4 - Địa chỉ tương đối 3 chiều.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 18:** - Trong MS Excel, địa chỉ \$A\$5 thuộc loại địa chỉ nào sau đây ?

- 1 - Địa chỉ tương đối.
- 2 - Địa chỉ tuyệt đối.
- 3 - Địa chỉ hỗn hợp.
- 4 - Địa chỉ tương đối 3 chiều.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 19:** - Trong MS Excel, khi ta nhập dữ liệu ngày tháng năm, nếu giá trị ngày tháng năm đó không hợp lệ thì Excel coi đó là dữ liệu dạng gì ?

- 1 - Dạng chuỗi.
- 2 - Dạng số.
- 3 - Dạng công thức.
- 4 - Dạng thời gian.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 20:** - MS Excel có các kiểu dữ liệu thông dụng nào sau đây ?

- 1 - Kiểu chuỗi, kiểu văn bản và kiểu ngày tháng.
- 2 - Kiểu chuỗi, kiểu số, kiểu ngày tháng và kiểu công thức.
- 3 - Kiểu số, kiểu logic và kiểu ngày tháng.
- 4 - Kiểu công thức, kiểu hàm, kiểu số và kiểu ngày tháng.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 21:** - Trong MS Excel, khi nhập công thức dữ liệu kiểu chuỗi, ta phải thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Đặt dữ liệu giữa 2 dấu nháy kép " ".
- 2 - Đặt dữ liệu giữa 2 dấu ngoặc móc {}.
- 3 - Đặt dữ liệu giữa 2 dấu ngoặc vuông [ ].



4 - Đặt dữ liệu giữa 2 dấu nháy đơn ‘ ‘.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 22:** - Trong MS Excel, tổ hợp phím nào dùng để chọn toàn bộ các ô trên trang tính ?

- 1 - Alt + A.
- 2 - Shift + A.
- 3 - Ctrl + Alt + A.
- 4 - Ctrl + A.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 23:** - Trong MS Excel, để chọn các ô không liền kề nhau trong bảng tính, ta phải nhấn phím / tổ hợp phím nào sau đây ?

- 1 - Shift.
- 2 - Ctrl.
- 3 - Alt.
- 4 - Shift + Alt.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 24:** - Trong MS Excel, dữ liệu kiểu ngày tháng mặc định nằm ở vị trí nào của ô ?

- 1 - Phía trái của ô.
- 2 - Phía phải của ô.
- 3 - Ở giữa ô.
- 4 - Không có vị trí xác định.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 25:** - Trong MS Excel, phát biểu nào là đúng về sự khác nhau cơ bản khi nhập một dãy số và khi nhập một chuỗi ký tự ?

- 1 - Dãy số nằm bên trái ô, chuỗi ký tự nằm bên phải ô.
- 2 - Dãy số nằm ở giữa ô, chuỗi ký tự nằm bên phải ô.
- 3 - Dãy số nằm bên phải ô, chuỗi ký tự nằm bên trái ô.
- 4 - Cả dãy số và chuỗi ký tự nằm bên phải ô.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 26:** - Trong MS Excel, phát biểu nào là đúng về vị trí của dữ liệu được nhập vào bảng tính ?

- 1 - Dữ liệu kiểu ký tự sẽ mặc định căn thẳng lề trái.
- 2 - Dữ liệu kiểu số sẽ mặc định căn thẳng lề trái.
- 3 - Dữ liệu kiểu thời gian sẽ mặc định căn thẳng lề trái.
- 4 - Dữ liệu kiểu ngày tháng sẽ mặc định căn thẳng lề trái.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 27:** - Trong MS Excel, điều gì xảy ra khi bạn đang nhập dữ liệu trong một ô và nhấn phím ESC ?

- 1 - Dữ liệu đang nhập trong ô đó bị hủy bỏ toàn bộ.
- 2 - Bảng tính hiện tại đóng lại.
- 3 - Thoát chương trình MS Excel.
- 4 - Con trỏ chuyển sang ô khác và giữ nguyên dữ liệu đang nhập.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 28:** - Trong MS Excel, để sửa đổi dữ liệu cho ô đang chọn, bạn dùng phím nào sau đây ?

- 1 - Phím F1.
- 2 - Phím F2.
- 3 - Phím F3.
- 4 - Phím F4.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 29:** - Trong MS Excel, phím tắt / tổ hợp phím nào trong Excel giúp bạn xuống dòng ngay trong cùng 1 ô ?

- 1 - Enter.
- 2 - Ctrl + Enter.
- 3 - Alt + Enter.
- 4 - Shift + Enter.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 30:** - Trong MS Excel 2010, làm thế nào để bật hộp thoại tìm kiếm ? (Chọn 2)

- 1 - Menu Data - nhóm Editing - chọn Find & Select - Find.
- 2 - Nhấn tổ hợp phím Ctrl + F.
- 3 - Nhấn tổ hợp phím Ctrl + H.
- 4 - Menu Edit - Find.
- 5 - Menu Home -nhóm Editing - chọn Find & Select - Find

Đáp án: 2,5

**Câu hỏi 31:** - Lệnh Ctrl + F trong MS Excel có tác dụng gì ?

- 1 - Tìm kiếm một chuỗi ký tự nào đó.
- 2 - Thay thế chuỗi ký tự này bằng chuỗi ký tự khác.
- 3 - Xóa bỏ các ký tự tìm được.
- 4 - Định dạng một chuỗi ký tự nào đó.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 32:** - Trong MS Excel 2010, làm thế nào để bật hộp thoại thay thế ? (Chọn 2)

- 1 - Menu Data - nhóm Editing - chọn Find & Select - Replace.
- 2 - Nhấn tổ hợp phím Ctrl + F.
- 3 - Nhấn tổ hợp phím Ctrl + H.
- 4 - Menu Edit - Replace.
- 5 - Menu Home -nhóm Editing - chọn Find & Select - Replace

Đáp án: 3,5

**Câu hỏi 33:** - Lệnh Ctrl + H trong MS Excel có tác dụng gì ?

- 1 - Tìm kiếm một chuỗi ký tự nào đó.
- 2 - Thay thế chuỗi ký tự này bằng chuỗi ký tự khác.
- 3 - Xóa bỏ các ký tự tìm được.
- 4 - Định dạng một chuỗi ký tự nào đó.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 34:** - Trong MS Excel, bạn nhấp chọn biểu tượng nào trong hình sau để sắp xếp dữ liệu theo thứ tự giảm dần (Descending) ?



- 1 - Biểu tượng số 1.
- 2 - Biểu tượng số 2.
- 3 - Biểu tượng số 3.
- 4 - Biểu tượng số 4.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 35:** - Trong MS Excel, bạn nhấp chọn biểu tượng nào trong hình sau để sắp xếp dữ liệu theo thứ tự tăng dần (Ascending)?



- 1 - Biểu tượng số 1.
- 2 - Biểu tượng số 2.
- 3 - Biểu tượng số 3.
- 4 - Biểu tượng số 4.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 36:** - Trong MS Excel, sau khi sao chép nội dung một ô và di chuyển sang ô khác, việc chọn chỉ mục Comments trong Paste Special giúp bạn làm gì ?

- 1 - Chỉ sao chép định dạng.
- 2 - Chỉ chép giá trị trong ô.
- 3 - Chỉ chép bề rộng ô.
- 4 - Chỉ sao chép ghi chú.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 37:** - Trong MS Excel, sau khi sao chép nội dung một ô và di chuyển sang ô khác, việc chọn chỉ mục Values trong Paste Special giúp bạn làm gì ?

- 1 - Chỉ sao chép định dạng.
- 2 - Chỉ sao chép giá trị.
- 3 - Chỉ sao chép công thức.
- 4 - Chỉ sao chép ghi chú.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 38:** - Trong MS Excel, sau khi sao chép nội dung một ô và di chuyển sang ô khác, việc chọn chỉ mục Formulas trong Paste Special giúp bạn làm gì ?

- 1 - Chỉ sao chép định dạng.
- 2 - Chỉ sao chép giá trị.
- 3 - Chỉ sao chép công thức.

4 - Chỉ sao chép ghi chú.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 39: (0)** - Trong MS Excel, sau khi sao chép nội dung một ô và di chuyển sang ô khác, việc chọn chỉ mục Formatting trong Paste Special giúp bạn làm gì ?

1 - Chỉ sao chép định dạng.

2 - Chỉ sao chép giá trị.

3 - Chỉ sao chép công thức.

4 - Chỉ sao chép ghi chú.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 40:** - Khi đang làm việc với MS Excel, tổ hợp phím nào cho phép ngay lập tức đưa con trỏ ô về ô đầu tiên (ô A1) của trang tính ?

1 - Shift + Home.

2 - Alt + Home.

3 - Ctrl + Home.

4 - Shift + Ctrl + Home.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 41:** - Khi làm việc với MS Excel, phím Home được sử dụng để làm gì ?

1 - Di chuyển về ô đầu tiên của trang tính (ô A1).

2 - Di chuyển đến cột A trong dòng hiện tại.

3 - Di chuyển đến dòng 1 trong cột hiện tại.

4 - Di chuyển về ô đầu tiên có chứa dữ liệu.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 42:** - Trong MS Excel, để chọn toàn bộ 1 dòng ta thực hiện như thế nào ?

1 - Kích chuột vào tên dòng cần chọn.

2 - Kích chuột vào 1 ô bất kỳ của dòng cần chọn.

3 - Tại ô đầu dòng, nhấn tổ hợp phím Shift + Home.

4 - Tại ô đầu dòng, nhấn tổ hợp phím Shift + End.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 43:** - Trong MS Excel, để chọn toàn bộ 1 cột ta thực hiện như thế nào ?

1 - Kích chuột vào tên cột cần chọn.

2 - Kích chuột vào 1 ô bất kỳ của cột cần chọn.

3 - Tại ô đầu cột, nhấn tổ hợp phím Shift + Home.

4 - Tại ô đầu cột, nhấn tổ hợp phím Shift + End.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 44:** - Trong MS Excel, để chọn các dòng không liền nhau, ta chọn lần lượt từng dòng và nhấn kèm phím nào ?

1 - Phím Shift.

2 - Phím Ctrl.

3 - Phím Alt.

4 - Phím Tab.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 45:** - Trong MS Excel 2010, làm thế nào để chèn thêm một hàng vào vị trí phía trên hàng đang chọn?

1 - Tại Menu Insert, trong nhóm Cells chọn Insert - Insert Sheet Rows.

- 2 - Tại Menu Home, trong nhóm Cells chọn Insert - Insert Sheet Rows.
- 3 - Tại Menu Insert, trong nhóm Cells chọn Insert - Insert Sheet Columns.
- 4 - Tại Menu Home, trong nhóm Cells chọn Insert - Insert Sheet Columns.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 46:** - Trong MS Excel 2010, làm thế nào để chèn thêm một cột vào vị trí phía trước cột đang chọn ?

- 1 - Tại Menu Insert, trong nhóm Cells chọn Insert - Insert Sheet Rows.
- 2 - Tại Menu Home, trong nhóm Cells chọn Insert - Insert Sheet Rows.
- 3 - Tại Menu Insert, trong nhóm Cells chọn Insert - Insert Sheet Columns.
- 4 - Tại Menu Home, trong nhóm Cells chọn Insert - Insert Sheet Columns.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 47:** - Trong MS Excel 2010, bạn thực hiện những cách nào để xóa dòng được chọn khỏi trang tính ? (Chọn 2)

- 1 - Nhấn phím Delete.
- 2 - Tại Menu Home, trong nhóm Cells chọn Delete - Delete Sheet Rows.
- 3 - Kích phải chuột tại dòng được chọn, bấm Delete.
- 4 - Nhấn tổ hợp phím Ctrl + Delete.
- 5 - Tại Menu Home, trong nhóm Cells chọn Delete - Delete Sheet Columns.

Đáp án: 2,3

**Câu hỏi 48:** - Trong MS Excel 2010, làm thế nào để xóa cột được chọn khỏi trang tính ?

- 1 - Nhấn phím Delete.
- 2 - Tại Menu Home, trong nhóm Cells chọn Delete - Delete Sheet Rows.
- 3 - Nhấn tổ hợp phím Ctrl + Delete.
- 4 - Tại Menu Home, trong nhóm Cells chọn Delete - Delete Sheet Columns.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 49:** - Trong MS Excel 2010, muốn chèn một hàng vào giữa hàng thứ 9 và hàng thứ 10, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Chọn một ô trong hàng thứ 10 - nhấp phải chuột - Insert - Shift Cell Down.
- 2 - Chọn một ô trong hàng thứ 10 - nhấp phải chuột - Insert - Entire column.
- 3 - Chọn một ô trong hàng thứ 10 - nhấp phải chuột - Insert - Shift Cell Right.
- 4 - Chọn một ô trong hàng thứ 10 - nhấp phải chuột - Insert - Entire Row.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 50:** - Trong MS Excel 2010, để thay đổi độ rộng các cột đang chọn, bạn cần thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Chọn Home - Cells - Format - Column Width.
- 2 - Chọn Home - Columns - Width.
- 3 - Chọn Insert - Columns - Width.
- 4 - Chọn Format - Column - Width.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 51:** - Trong MS Excel 2010, để thay đổi chiều cao của các hàng đang chọn, bạn cần thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Chọn Home - Format - Cells - Rows.
- 2 - Chọn Home - Cells - Format - Row Height.



3 - Chọn Format - Row - Height.

4 - Chọn Format - Style.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 52:** - Trong MS Excel 2010, làm thế nào để ẩn đi (hide) các cột đang chọn?

1 - Tại Menu Home, trong nhóm Cells chọn Format - Hide Rows.

2 - Tại Menu Home, trong nhóm Cells chọn Format - Hide & Unhide - Hide Columns.

3 - Tại Menu Home, trong nhóm Cells chọn Format - Hide & Unhide - Hide Rows.

4 - Tại Menu Home, trong nhóm Cells chọn Format - Hide Columns.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 53:** - Trong MS Excel 2010, làm thế nào để ẩn đi các dòng đang chọn?

1 - Tại Menu Home, trong nhóm Cells chọn Format - Hide Rows

2 - Tại Menu Home, trong nhóm Cells chọn Format - Hide & Unhide - Hide Columns

3 - Tại Menu Home, trong nhóm Cells chọn Format - Hide & Unhide - Hide Rows

4 - Tại Menu Home, trong nhóm Cells chọn Format - Hide Columns

Đáp án: 3

**Câu hỏi 54:** - Trong bảng tính MS Excel, để giữ cố định hàng hoặc cột trong cửa sổ soạn thảo, sau khi đánh dấu hàng hoặc cột, bạn thực hiện thao tác nào sau đây?

1 - Menu View – Freeze Panes.

2 - Menu Review – Freeze Panes.

3 - Menu Page Layout – Freeze Panes.

4 - Menu Home – Freeze Panes.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 55:** - Trong MS Excel 2010, lệnh Split trong nhóm Window của thẻ View có ý nghĩa gì?

1 - Tách trang tính thành 4 khung.

2 - Tách trang tính thành 2 khung.

3 - Tách các ô đã được nhập thành các ô ban đầu của trang tính.

4 - Ngắt trang của trang tính theo trang in.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 56:** - Trong MS Excel 2010, lệnh New Window trong nhóm Window của thẻ View có ý nghĩa gì?

1 - Mở một cửa sổ mới chứa bản sao của trang tính hiện hành.

2 - Mở một cửa sổ mới chứa một sổ tính mới.

3 - Mở một trang tính mới.

4 - Mở một cửa sổ mới gộp nội dung của tất cả các sổ tính được mở.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 57:** - Trong MS Excel 2010, lệnh View Side by Side trong nhóm Window của thẻ View có ý nghĩa gì?

1 - Đặt hai cửa sổ đang mở cạnh nhau trong một cửa sổ ứng dụng Excel.

2 - Đặt các cửa sổ đang mở đứng cạnh nhau trong một cửa sổ ứng dụng Excel.

3 - Xem lần lượt các cửa sổ đang mở.

4 - Xem cửa sổ trang tính trước khi in.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 58:** - Trong MS Excel 2010, để đổi tên cho một WorkSheet, bạn thực hiện thao tác nào sau đây ?

1 - Tại Sheet cần đổi tên, trên Menu Review, nhóm Cells chọn Format - Rename Sheet, gõ tên mới và nhấn Enter.

2 - Tại Sheet cần đổi tên chọn lệnh Format - Sheet - Rename, gõ tên mới và nhấn Enter

3 - Tại Sheet cần đổi tên, trên Menu View, nhóm Cells chọn Format - Rename Sheet, gõ tên mới và nhấn Enter.

4 - Tại Sheet cần đổi tên, trên Menu Home, nhóm Cells chọn Format - Rename Sheet, gõ tên mới và Enter

Đáp án: 4

**Câu hỏi 59:** - Trong MS Excel 2010, làm thế nào để đổi tên cho một WorkSheet? (chọn 3)

1 - Kích phải chuột vào tên Sheet cần đổi tên, chọn Rename, gõ tên mới và Enter

2 - Tại Sheet cần đổi tên chọn lệnh Format - Sheet - Rename, gõ tên mới và Enter

3 - Kích đúp chuột vào tên Sheet cần đổi tên, gõ tên mới và Enter

4 - Tại Sheet cần đổi tên, trên Menu Home, nhóm Cells chọn Format - Rename Sheet, gõ tên mới và Enter

5 - Kích chuột vào tên Sheet cần đổi tên, gõ tên mới và Enter

Đáp án: 1,3,4

**Câu hỏi 60:** - Tổ hợp phím nào sau đây sử dụng để chuyển qua lại giữa các Sheet trên MS Excel 2010 ?

1 - Page Up, Page Down.

2 - Ctrl + Page Up, Ctrl + Page Down.

3 - Alt + Page Up, Alt + Page Down.

4 - Shift + Page Up, Shift + Page Down.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 61:** - Trong MS Excel 2010, để sao chép các worksheet đã chọn, bạn thực hiện những thao tác nào sau đây ?

1 - Tại Menu Home, trong nhóm Cells chọn Format - Move or Copy Sheet...

2 - Tại Menu Data, trong nhóm Cells chọn Format - Move or Copy Sheet...

3 - Tại Menu Home, trong nhóm Cells chọn Format - Copy Sheet...

4 - Tại Menu Data, trong nhóm Cells chọn Format - Copy Sheet...

Đáp án: 1

**Câu hỏi 62:** - Trong khi làm việc với MS Excel, để nhập vào công thức tính toán cho một ô, trước hết ta phải gõ ký tự nào sau đây ?

1 - Dấu chấm (.)

2 - Dấu chấm phẩy (;)

3 - Dấu đô la (\$)

4 - Dấu bằng (=)

Đáp án: 4

**Câu hỏi 63:** - Trong MS Excel 2010, giả sử tại ô C1 có công thức = \$A\$1 + B1, khi ta sao chép công thức từ ô C1 đến ô E3 thì tại ô E3 có công thức nào ?



1 - = \$A\$1 + D3

2 - = \$C\$3 + B1

3 - = \$C\$3 + D3

4 - = \$A\$1 + B1

Đáp án: 1

**Câu hỏi 64:** - Trong MS Excel 2010, thao tác nhấp chuột chọn ô A3, giữ phím Shift và nhấp tiếp vào ô D5 có ý nghĩa gì ?

1 - Chọn vùng các ô từ A3 đến D5.

2 - Chọn 2 ô A3 và D5.

3 - Sao chép dữ liệu từ ô A3 đến ô D5.

4 - Di chuyển dữ liệu từ ô A3 đến ô D5.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 65:** - Trong MS Excel 2010, tại ô A2 ta nhập 2+5 và Enter thì nội dung hiển thị ở ô A2 như thế nào ?

1 - 2+5

2 - 7

3 - #VALUE!

4 - #NAME!

Đáp án: 1

**Câu hỏi 66:** - Trong MS Excel, toán tử <math><></math> có ý nghĩa gì khi so sánh điều kiện ?

1 - Bằng

2 - Khác

3 - Lớn hơn

4 - Nhỏ hơn

Đáp án: 2

**Câu hỏi 67:** - Trong MS Excel, ký tự nào sau đây không được sử dụng như một toán tử ?

1 - >

2 - \*

3 - /

4 - x

Đáp án: 4

**Câu hỏi 68:** - Trong MS Excel, tại ô C3 có công thức = B3/2. Điều gì sẽ xảy ra nếu ta xoá đi cột B ?

1 - Kết quả ô C3 không thay đổi.

2 - Xuất hiện mã lỗi #REF!

3 - Xuất hiện mã lỗi # VALUE!

4 - Xuất hiện mã lỗi # NAME?

Đáp án: 2

**Câu hỏi 69:** - Trong MS Excel, khi không tham chiếu được thì Excel xuất hiện thông báo nào ?

1 - Lỗi #VALUE

2 - Lỗi #REF

3 - Lỗi #NA

4 - Lỗi #NUM

Đáp án: 2

**Câu hỏi 70:** - Trong MS Excel, khi viết sai tên hàm trong tính toán, chương trình thông báo lỗi gì ?

- 1 - #NAME!
- 2 - #VALUE!
- 3 - #N/A!
- 4 - #DIV/0!

Đáp án: 1

**Câu hỏi 71:** - Trong MS Excel, tại ô A2 có sẵn giá trị số không (0); tại ô B2 gõ vào công thức = 5/A2 thì nhận được kết quả như thế nào ?

- 1 - 0
- 2 - 5
- 3 - #DIV/0!
- 4 - #VALUE!

Đáp án: 3

**Câu hỏi 72:** - Trong MS Excel, tại ô A2 có giá trị chuỗi "a", tại ô B2 gõ công thức = 5/A2 thì nhận được kết quả như thế nào ?

- 1 - 0
- 2 - 5
- 3 - #DIV/0!
- 4 - #VALUE!

Đáp án: 4

**Câu hỏi 73:** - Trong MS Excel, hàm nào sau đây cho kết quả là trung bình cộng của dãy số ?

- 1 - SUM
- 2 - AVERAGE
- 3 - IF
- 4 - COUNT

Đáp án: 2

**Câu hỏi 74:** - Trong MS Excel, hàm nào sau đây trả về kết quả là tổng của các số ?

- 1 - AVERAGE
- 2 - IF
- 3 - LEFT
- 4 - SUM

Đáp án: 4

**Câu hỏi 75:** - Trong Excel 2010, khi sử dụng hàm SUM ta có thể thực hiện điều gì ?

- 1 - Không sử dụng tham số nào.
- 2 - Sử dụng tối đa là 1 tham số.
- 3 - Sử dụng tối đa 2 tham số.
- 4 - Sử dụng tối đa là 255 tham số.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 76:** - Trong MS Excel, bạn sử dụng hàm MIN nhằm mục đích gì ?

- 1 - Hiện thị giá trị lớn nhất trong dải ô xác định.
- 2 - Hiện thị giá trị trung bình trong dải ô xác định.
- 3 - Hiện thị giá trị nhỏ nhất trong dải ô xác định.
- 4 - Hiện thị giá trị tổng trong dải ô xác định.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 77:** - Trong MS Excel, công thức tính giá trị lớn nhất trong các ô thuộc khối ô C12:C15 được viết như thế nào ?

- 1 - =Max C12 :C15
- 2 - =Max(C12 :C15)
- 3 - =Max(C12,C15)
- 4 - =Max(C12 ;C15)

Đáp án: 2

**Câu hỏi 78:** - Trong MS Excel, để tính tổng một dãy số từ A1 đến A7, công thức nào sau đây là đúng ?

- 1 - =sum(a1:a7)
- 2 - =sum(a1;a7)
- 3 - =sum(a1,a7)
- 4 - =sum(a1..a7)

Đáp án: 1

**Câu hỏi 79:** - Trong MS Excel, phát biểu nào sau đây là đúng đối với chức năng hàm COUNTA ?

- 1 - Đếm các ô có giá trị số trong vùng dữ liệu xác định.
- 2 - Đếm các ô có giá trị trong vùng dữ liệu xác định.
- 3 - Đếm các ô chứa dữ liệu kiểu văn bản trong vùng dữ liệu xác định.
- 4 - Đếm các ô chứa dữ liệu thoả mãn điều kiện đếm trong vùng dữ liệu xác định.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 80:** - Trong MS Excel, phát biểu nào sau đây là đúng đối với chức năng hàm COUNT ?

- 1 - Đếm các ô có giá trị số trong vùng dữ liệu xác định.
- 2 - Đếm các ô có giá trị trong vùng dữ liệu xác định.
- 3 - Đếm các ô chứa dữ liệu kiểu văn bản trong vùng dữ liệu xác định.
- 4 - Đếm các ô chứa dữ liệu thoả mãn điều kiện đếm trong vùng dữ liệu xác định.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 81:** - Trong MS Excel, để tính tổng các giá trị số ghi trên cùng một dòng không liên tục gồm ô A3, C3 và khối E3:G3, bạn sử dụng công thức nào sau đây ?

- 1 - =SUM(A3,C3,E3:G3)
- 2 - =A3+C3+E3:G3
- 3 - =SUM(A3,C3,E3..G3)
- 4 - =SUM(A3:G3)

Đáp án: 1

**Câu hỏi 82:** - Trong MS Excel, hàm Average dùng để tính toán điều gì

- 1 - Trung bình các ô có chứa dữ liệu số.
- 2 - Trung bình các ô có chứa dữ liệu số, ô trống tính = 0.
- 3 - Trung bình các ô có chứa dữ liệu số, ô trống và số kí tự tính = 0.

4 - Trung bình các ô có chứa dữ liệu số, có kí tự thì báo lỗi.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 83:** - Trong MS Excel AND, OR, NOT được gọi là gì ?

1 - Toán tử.

2 - Quan hệ về logic.

3 - Hàm logic.

4 - Toán hạng.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 84:** - Trong MS Excel, hàm nào sau đây cho phép tính tổng các giá trị kiểu số thỏa mãn 1 điều kiện cho trước ?

1 - SUM

2 - COUNTIF

3 - SUMIF

4 - IF

Đáp án: 3

**Câu hỏi 85:** - Trong MS Excel, hàm IF có thể lồng vào nhau bao nhiêu lần ?

1 - 7

2 - 8

3 - 9

4 - 6

Đáp án: 1

**Câu hỏi 86:** - Trong MS Excel, điều kiện trong hàm IF được phát biểu dưới dạng một phép so sánh. Khi cần so sánh khác nhau, ta sử dụng phép toán nào sau đây ?

1 - <>

2 - =

3 - ><

4 - #

Đáp án: 1

**Câu hỏi 87:** - Trong MS Excel 2010, dữ liệu tại ô A1 là 1000000, muốn định dạng dữ liệu trong ô A1 thành 1,000,000 ta thực hiện bằng cách nào sau đây ?

1 - Chọn Format Cells - Thẻ Number - chọn Number và Use 1000 separator.

2 - Chọn Format Cells - Thẻ Number - chọn Decimal.

3 - Chọn Format Cells - Thẻ Alignment - chọn Use 1000 separator.

4 - Chọn Format Cells - Thẻ Alignment - chọn Decimal.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 88:** - Trong MS Excel 2010, để định dạng các dữ liệu dạng số là dạng tiền tệ, tại ô đó, bạn thực hiện thao tác nào sau đây ?

1 - Chọn Format Cells - Thẻ Number - Fraction.

2 - Chọn Format Cells - Thẻ Number - Currency.

3 - Chọn Format Cells - Thẻ Number - General.

4 - Chọn Format Cells - Thẻ Number - Accounting.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 89:** - Trong MS Excel 2010, thao tác chọn Format Cells - Thẻ Number – Currency dùng để định dạng các dữ liệu kiểu nào sau đây ?

- 1 – Chuỗi.
- 2 – Tiền tệ.
- 3 – Số.
- 4 – Ngày tháng.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 90:** - Trong MS Excel, bạn sử dụng tổ hợp phím nào sau đây để bật/ tắt in đậm dữ liệu cho những ô dữ liệu đang chọn ?

- 1 - Ctrl + U
- 2 - Ctrl + I
- 3 - Ctrl + B
- 4 - Ctrl + 3

Đáp án: 3

**Câu hỏi 91:** - Trong MS Excel, bạn sử dụng tổ hợp phím nào sau đây để bật/ tắt in nghiêng dữ liệu cho những ô dữ liệu đang chọn ?

- 1 - Ctrl + U
- 2 - Ctrl + I
- 3 - Ctrl + B
- 4 - Ctrl + 4

Đáp án: 2

**Câu hỏi 92:** - Trong MS Excel, bạn sử dụng tổ hợp phím nào sau đây để bật/ tắt gạch chân dữ liệu cho những ô dữ liệu đang chọn ?

- 1 - Ctrl + U
- 2 - Ctrl + I
- 3 - Ctrl + B
- 4 - Ctrl + 2

Đáp án: 1

**Câu hỏi 93:** - Trong MS Excel 2010, bạn chọn biểu tượng nào trong hình sau để định dạng làm giảm số chữ số thập phân và làm tròn số ?

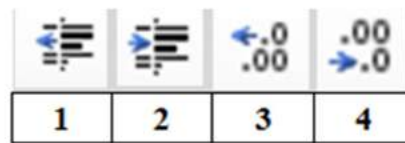


- 1 - Biểu tượng số 1.
- 2 - Biểu tượng số 2.
- 3 - Biểu tượng số 3.
- 4 - Biểu tượng số 4.

Đáp án: 4



**Câu hỏi 94:** - Trong MS Excel 2010, bạn chọn biểu tượng nào trong hình sau để định dạng làm tăng số chữ số thập phân và làm tròn số ?



- 1 - Biểu tượng số 1
- 2 - Biểu tượng số 2
- 3 - Biểu tượng số 3
- 4 - Biểu tượng số 4

Đáp án: 3

**Câu hỏi 95:** - Trong MS Excel 2010, bạn chọn biểu tượng nào trong hình sau để định dạng đưa nội dung trong ô về cuối của ô theo chiều dọc ?



- 1 - Biểu tượng số 1.
- 2 - Biểu tượng số 2.
- 3 - Biểu tượng số 3.
- 4 - Biểu tượng số 4.
- 5 - Biểu tượng số 5.
- 6 - Biểu tượng số 6.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 96:** - Trong MS Excel 2010, bạn chọn biểu tượng nào trong hình sau để định dạng đưa nội dung trong ô về phía trên của ô theo chiều dọc ?



- 1 - Biểu tượng số 1.
- 2 - Biểu tượng số 2.
- 3 - Biểu tượng số 3.
- 4 - Biểu tượng số 4.
- 5 - Biểu tượng số 5.
- 6 - Biểu tượng số 6.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 97:** - Trong MS Excel 2010, bạn chọn biểu tượng nào trong hình sau để định dạng đưa nội dung trong ô về trung tâm của ô theo chiều dọc ?



- 1 - Biểu tượng số 1.
  - 2 - Biểu tượng số 2.
  - 3 - Biểu tượng số 3.
  - 4 - Biểu tượng số 4.
  - 5 - Biểu tượng số 5.
  - 6 - Biểu tượng số 6.
- Đáp án: 2

**Câu hỏi 98:** - Trong MS Excel 2010, bạn chọn biểu tượng nào trong hình sau để định dạng đưa nội dung trong ô về bên trái của ô theo chiều ngang ?



- 1 - Biểu tượng số 1.
  - 2 - Biểu tượng số 2.
  - 3 - Biểu tượng số 3.
  - 4 - Biểu tượng số 4.
  - 5 - Biểu tượng số 5.
  - 6 - Biểu tượng số 6.
- Đáp án: 4

**Câu hỏi 99:** - Trong MS Excel 2010, bạn chọn biểu tượng nào trong hình sau để định dạng đưa nội dung trong ô về bên phải của ô theo chiều ngang ?



- 1 - Biểu tượng số 1.
  - 2 - Biểu tượng số 2.
  - 3 - Biểu tượng số 3.
  - 4 - Biểu tượng số 4.
  - 5 - Biểu tượng số 5.
  - 6 - Biểu tượng số 6.
- Đáp án: 6

**Câu hỏi 100: (0)** - Trong MS Excel 2010, làm thế nào để chỉ thay đổi màu nền của các ô đang chọn ?



- 1 - Tại Menu Home, trong nhóm Cells, kích vào biểu tượng Fill Color.
- 2 - Tại Menu Home, trong nhóm Font, kích vào biểu tượng Fill Color.
- 3 - Tại Menu Home, trong nhóm Font, kích vào biểu tượng Font Color.
- 4 - Tại Menu Home, trong nhóm Cells, kích vào biểu tượng Font Color.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 101: (1)**- Trong MS Excel 2010, để định dạng dữ liệu tự động xuống dòng cho khít với độ rộng của cột, ta thực hiện những thao tác nào sau đây ?

- 1 - Chọn Format Cells - thẻ Alignment - chọn Merge Cell.
- 2 - Chọn Format Cells - Thẻ Aligment - chọn Wrap text.
- 3 - Chọn Format Cells - Thẻ Aligment - chọn Shrink to fit.
- 4 - Chọn Format Cells - Thẻ Aligment - chọn Vertical.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 102: (2)** - Trong MS Excel 2010, để nhập các ô đang chọn lại thành 1 ô ta thực hiện những thao tác nào sau đây ?

- 1 - Tại Menu Home, trong nhóm Alignment - chọn Merge & Center.
- 2 - Tại Menu Data, trong nhóm Alignment - chọn Merge & Center.
- 3 - Tại Menu Home, trong nhóm Cells - chọn Merge & Center.
- 4 - Tại Menu Data, trong nhóm Cells - chọn Merge & Center.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 103: (3)** - Trong MS Excel 2010, để tách dữ liệu trong một ô được chọn thành hai hoặc nhiều ô, ta thực hiện những thao tác nào sau đây ?

- 1 - Trên Menu Insert, nhóm Data Tools - chọn Text to Columns – Delimited.
- 2 - Trên Menu Home, nhóm Data Tools - chọn Text to Columns - Delimited.
- 3 - Trên Menu Fomulas, nhóm Data Tools - chọn Text to Columns - Delimited.
- 4 - Trên Menu Data, nhóm Data Tools - chọn Text to Columns - Delimited.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 104: (4)**- Trong MS Excel 2010, muốn định dạng đường viền bao một vùng dữ liệu bằng nét đứt, chọn vùng rồi thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Chọn Format Cells- Thẻ Border- Chọn nét đứt - Inside - OK.
- 2 - Chọn Format Cells- Thẻ Border- Chọn nét đứt- None- OK
- 3 - Chọn Format Cells-Thẻ Border- Chọn nét đứt- Outline-OK
- 4 - Chọn Format Cells-Thẻ Border- Outline-Chọn nét đứt-OK

Đáp án: 3

**Câu hỏi 105: (5)** - Trong MS Excel 2010, loại biểu đồ nào nên được dùng để so sánh dữ liệu có xu hướng liên tục ?

- 1 - Biểu đồ đường gấp khúc (Line).
- 2 - Biểu đồ dạng quạt tròn (Pie).
- 3 - Biểu đồ hình cột (Column).
- 4 - Biểu đồ thanh nằm ngang (Bar).

Đáp án: 1

**Câu hỏi 106: (6)** - Trong MS Excel 2010, để biểu diễn số liệu dạng phần trăm, biểu đồ kiểu nào dưới đây là hợp lý nhất ?

- 1 - Biểu đồ hình cột (Column).
- 2 - Biểu đồ phân tán XY (XY Scatter).

3 - Biểu đồ đường gấp khúc (Line).

4 - Biểu đồ dạng quạt tròn (Pie).

Đáp án: 4

**Câu hỏi 107: (7)** - Trong MS Excel 2010, để in trang bảng tính nằm dọc hay ngang bạn cần thực hiện như thế nào ? (Chọn 2)

1 - Menu File- chọn Web page preview- chọn kiểu đứng hoặc nằm ngang.

2 - Menu File - Print - chọn Portrait Orientation (in đứng) hoặc Landscape Orientation (in ngang).

3 - Menu File - Print - Page Setup - Mục Orientation chọn Portrait (in đứng) hoặc Landscape (in ngang).

4 - Menu File - Page Setup - Mục Orientation chọn Portrait (in đứng) hoặc Landscape (in ngang).

5 - Menu Format - Borders and Shading - chọn kiểu đứng hoặc nằm ngang.

Đáp án: 2,3

**Câu hỏi 108: (8)** - Trong MS Excel 2010, bạn có thể chèn ngắt trang như thế nào ?

1 - Trên Menu Insert, trong nhóm Setup, chọn Page Break.

2 - Trên Menu Insert, trong nhóm Break, chọn Page.

3 - Trên Menu Page Layout, trong nhóm Page Setup, chọn Page Break.

4 - Trên Menu Page Layout, trong nhóm Page Setup, chọn Breaks, Insert Page Breaks.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 109: (9)** - Trong MS Excel, để thay đổi kiểu trang in ngang hoặc dọc, bạn thực hiện những thao tác nào sau đây ?

1 - Menu Page Layout - Orientation - Portrait/Landscape.

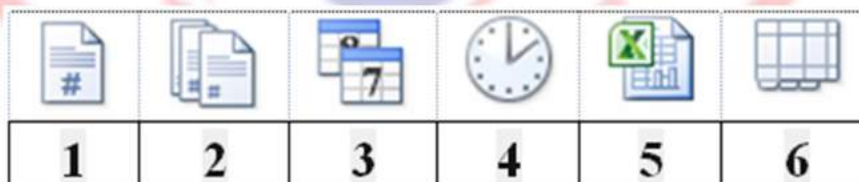
2 - Menu File - Page Setup - Portrait/Landscape.

3 - Menu Format - Page Setup - Portrait/Landscape.

4 - Menu Home - Orientation -Portrait/Landscape.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 110: (0)** - Trong MS Excel 2010, bạn chọn biểu tượng nào trong hình sau để chèn thêm trường số trang vào trong đầu trang, chân trang ?



1 - Biểu tượng số 1.

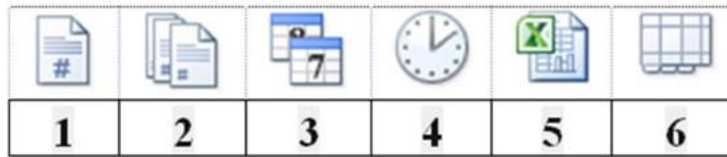
2 - Biểu tượng số 2.

3 - Biểu tượng số 3.

4 - Biểu tượng số 4.

Đáp án: 1

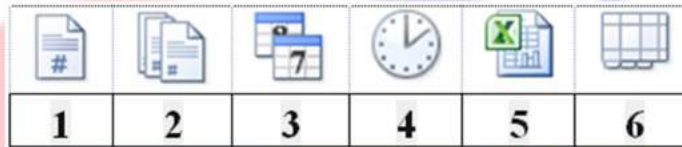
**Câu hỏi 111: (1)** - Trong MS Excel 2010, chọn biểu tượng nào trong hình sau để chèn thêm trường tổng số trang vào trong đầu trang, chân trang ?



- 1 - Biểu tượng số 1.
- 2 - Biểu tượng số 2.
- 3 - Biểu tượng số 3.
- 4 - Biểu tượng số 4.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 112: (2)** - Trong MS Excel 2010, chọn biểu tượng nào trong hình sau để chèn thêm trường ngày tháng vào trong đầu trang, chân trang?



- 1 - Biểu tượng số 1.
- 2 - Biểu tượng số 2.
- 3 - Biểu tượng số 3.
- 4 - Biểu tượng số 4.

Đáp án: 3

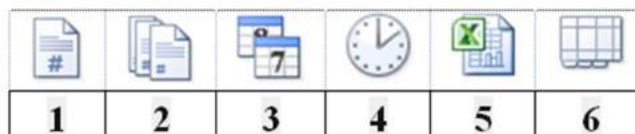
**Câu hỏi 113: (3)** - Trong MS Excel 2010, chọn biểu tượng nào trong hình sau để chèn thêm trường giờ vào trong đầu trang, chân trang?



- 1 - Biểu tượng số 1.
- 2 - Biểu tượng số 2.
- 3 - Biểu tượng số 3.
- 4 - Biểu tượng số 4.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 114: (4)** - Trong MS Excel 2010, chọn biểu tượng nào trong hình sau để chèn thêm trường tên tệp vào trong đầu trang, chân trang?



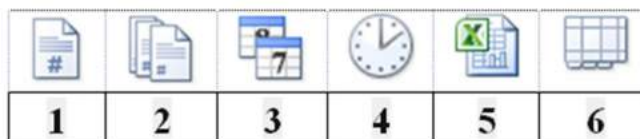
- 1 - Biểu tượng số 1.
- 2 - Biểu tượng số 3.
- 3 - Biểu tượng số 5.



4 - Biểu tượng số 6.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 115: (5)** - Trong MS Excel 2010, chọn biểu tượng nào trong hình sau để chèn thêm trường tên trang tính vào trong đầu trang, chân trang ?



1 - Biểu tượng số 2.

2 - Biểu tượng số 3.

3 - Biểu tượng số 5.

4 - Biểu tượng số 6.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 116: (6)** - Trong MS Excel 2010, phát biểu nào sau đây đúng khi chuẩn bị in một bảng tính Excel ra giấy ?

1 - Excel bắt buộc phải đánh số trang ở vị trí bên phải đầu mỗi trang.

2 - Ta có thể khai báo đánh số trang in hoặc không.

3 - Chỉ đánh số trang in nếu bảng tính gồm nhiều trang.

4 - Vị trí của số trang luôn luôn ở góc dưới bên phải.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 117: (7)** - Trong MS Excel 2010, để làm ẩn thuộc tính đường lưới ô trong trang tính ta thực hiện như thế nào ?

1 - Menu Format - Row, chọn Hide.

2 - Tool - Options, tại thẻ View ta bỏ chọn mục Gridlines trong Window options.

3 - Menu File - Options - Advanced - bỏ dấu chọn ở ô Show gridlines.

4 - Không có tính năng này.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 118: (8)** - Trong MS Excel 2010, để xem trang tính trước khi in, bạn thực hiện thao tác nào sau đây ?

1 - Menu File - Print.

2 - Menu View - Zoom.

3 - Menu File - Web page preview.

4 - Menu File - Print preview.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 119: (9)** - Trong MS Excel 2010, để in vùng dữ liệu đã chọn, bạn thực hiện thao tác nào ?

1 - Menu File - Print - Settings - chọn Print Selection.

2 - Menu File - Print - chọn Select.

3 - Menu File - Print - chọn Entire Workbook.

4 - Menu File - Print - chọn Active sheet(s).

Đáp án: 1

**Câu hỏi 120: (0)** - Trong MS Excel 2010, để thiết lập nhãn in, ta thực hiện thao tác nào ?

1 - Menu Page Layout - Page Setup - Print Titles.

- 2 - Menu Insert - Page Setup - Print Titles.
- 3 - Menu File - Page Setup - Print Titles.
- 4 - Menu Format - Page Setup - Print Titles.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 121: (1)** - Trong MS Excel 2010, bạn tích chọn vào ô "My data has headers" trong hộp thoại sắp xếp với mục đích gì ?

1 - Để giúp cho MS Excel hiểu rằng dữ liệu của bạn có tiêu đề cột và dựa vào đó để xác định dữ liệu.

2 - Để loại bỏ các dòng tiêu đề khỏi danh sách được sắp xếp sau đó.

3 - Để chèn một ngắt trang trước tiêu đề cột.

4 - Để xác định số thứ tự của các hàng nơi mà các tiêu đề cột được nhập.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 122: (2)** - Trong MS Excel, giả sử tại ô A1 có giá trị 1, ô A2 có giá trị 3, chọn vùng gồm 2 ô A1:A2, sử dụng nút điền (+) để điền dữ liệu đến các ô A3, A4, A5, dữ liệu tại ô A5 hiển thị giá trị nào ?

1 - 5

2 - 7

3 - 9

4 - 3

Đáp án: 3

**Câu hỏi 123: (3)** - Trong MS Excel, tại ô A2 có sẵn dãy kí tự "1Tinhoc2". Nếu sử dụng nút điền để điền dữ liệu đến các cột B2, C2, D2, E2; thì kết quả nhận được tại ô E2 hiển thị như thế nào ?

1 - 1Tinhoc6

2 - 5Tinhoc6

3 - 5Tinhoc2

4 - 1 Tinhoc2

Đáp án: 1

**Câu hỏi 124: (4)** - Trong MS Excel, tại ô A2 có sẵn dãy kí tự "1 Tinhoc2". Nếu sử dụng nút điền để điền dữ liệu đến các cột B2, C2, D2, E2; thì kết quả nhận được tại ô E2 hiển thị như thế nào ?

1 - 1 Tinhoc6

2 - 5 Tinhoc6

3 - 5 Tinhoc2

4 - 1 Tinhoc2

Đáp án: 3

**Câu hỏi 125: (5)** - Trong MS Excel, tại ô A2 có sẵn dãy kí tự "1 Tinhoc 2". Nếu sử dụng nút điền để điền dữ liệu đến các cột B2, C2, D2, E2; thì kết quả nhận được tại ô E2 hiển thị như thế nào ?

1 - 1 Tinhoc 6

2 - 5 Tinhoc 6

3 - 5 Tinhoc 2

4 - 1 Tinhoc 2

Đáp án: 3

**Câu hỏi 126: (6)** - Trong MS Excel, để chọn nguyên cả 1 dòng ta thực hiện thao tác nào sau đây ? (Chọn 3)

- 1 - Chọn ô đầu dòng, nhấn tổ hợp phím Ctrl + End.
- 2 - Bấm tổ hợp phím Shift + Spacebar khi con trỏ Bảng tính đang ở trên hàng đó.
- 3 - Chọn hết 16384 ô của hàng đó.
- 4 - Nhấp chuột vào số thứ tự của hàng.
- 5 - Chọn ô đầu dòng, nhấn tổ hợp phím Shift + End.

Đáp án: 2,3,4

**Câu hỏi 127: (7)** - Trong MS Excel, nếu trong một ô tính có các kí hiệu #####, điều đó có nghĩa là gì ?

- 1 - Cột chứa ô đó có độ rộng quá hẹp nên không hiển thị hết chữ số.
- 2 - Chương trình máy tính bị nhiễm virus.
- 3 - Hàng chứa ô đó có độ cao quá thấp nên không thể hiện hết chữ số.
- 4 - Công thức nhập sai và MS Excel thông báo lỗi.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 128: (8)** - Tại sao bạn đổi tên một trang tính ?

- 1 - Để trợ giúp cho việc xác định các nội dung.
- 2 - Để giúp xác định trang tính này như một sổ tính.
- 3 - Để có thể thêm một màu sắc cho bảng tính tiếp sau nó.
- 4 - Để cho phù hợp với tên của sổ tính.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 129: (9)** - Trong MS Excel, giả sử tại ô B5 có công thức = A1 + \$B\$2 + C\$3, khi ta sao chép công thức từ ô B5 đến ô D8 thì tại ô D8 có công thức nào ?

- 1 - = C1 + \$B\$2 + E\$3
- 2 - = C4 + \$B\$2 + E\$3
- 3 - = A4 + \$B\$2 + C\$3
- 4 - = A4 + \$B\$2 + C3

Đáp án: 2

**Câu hỏi 130: (0)** - Trong MS Excel 2010, với các công thức sau, hãy cho biết công thức nào cho kết quả là FALSE ?

- 1 - = "ABC" >= "abc"
- 2 - = 10/3 >= 4
- 3 - = sum(1,2,3) = 1 + 2 + 3
- 4 - = "Tin hoc" <="Tinhoc"

Đáp án: 2

**Câu hỏi 131: (1)** - Khi sử dụng MS Excel, phát biểu nào sau đây là đúng khi gặp dãy ký tự báo lỗi "#DIV/0!"?

- 1 - Lỗi do nhập một chữ cái vào ô định dạng kiểu số.
- 2 - Lỗi do nhập sai tên hàm.
- 3 - Lỗi do độ rộng cột không đủ.
- 4 - Lỗi do chia một số cho 0.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 132: (2)** - Khi sử dụng MS Excel, phát biểu nào sau đây là đúng khi gặp dãy ký tự báo lỗi #NAME ?

- 1 - Lỗi do nhập một chữ cái vào ô định dạng kiểu số.
- 2 - Lỗi do nhập sai tên hàm.
- 3 - Lỗi do độ rộng cột không đủ.
- 4 - Lỗi do chia một số cho 0.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 133: (3)** - Trong bảng tính Excel, tại ô A2 có sẵn giá trị chuỗi "Tin học"; ô B2 có giá trị số 2016. tại ô C2 gõ vào công thức = A2 + B2 thì nhận được kết quả như thế nào ?

- 1 - Tin học
- 2 - 2009
- 3 - #VALUE!
- 4 - Tin học2016

Đáp án: 3

**Câu hỏi 134: (4)** - Trong MS Excel, tại ô B5 gõ vào công thức = SUM (1; 2; "a"), kết quả tại ô B5 hiển thị như thế nào ?

- 1 - 1+2+3
- 2 - 6
- 3 - #NAME?
- 4 - #VALUE!

Đáp án: 4

**Câu hỏi 135: (5)** - Trong MS Excel, tại ô B5 gõ vào công thức = SUM(1; 2; a), kết quả tại ô B5 hiển thị như thế nào ?

- 1 - 1+2+3
- 2 - 6
- 3 - #NAME?
- 4 - #VALUE!

Đáp án: 3

**Câu hỏi 136: (6)** - Trong MS Excel, tại ô B5 gõ vào công thức =SUM(1+2+3), kết quả tại ô B5 hiển thị như thế nào ?

- 1 - 1+2+3
- 2 - 6
- 3 - #NAME?
- 4 - #VALUE!

Đáp án: 2

**Câu hỏi 137: (7)** - Trong MS Excel, tại ô B5 gõ vào công thức =SUM(1;2;"3"), kết quả tại ô B5 hiển thị như thế nào ?

- 1 - 1+2+3
- 2 - 6
- 3 - #NAME?
- 4 - #VALUE!

Đáp án: 2

**Câu hỏi 138: (8)** - Trong MS Excel, công thức tính tổng các giá trị số trên vùng B5:B7 nào sau đây là đúng ?

- 1 - =SUM(B5:B7)



- 2 - =SUM(B5..B7)
- 3 - =SUM(B5):SUM(B7)
- 4 - =SUM(B5)+SUM(B7)

Đáp án: 1

**Câu hỏi 139: (9)** - Trong bảng tính Excel, tại ô A2 gõ vào công thức =MAX(3,14,-25,5) thì cho kết quả:

- 1 - 5
- 2 - 14
- 3 - -25
- 4 - 3

Đáp án: 2

**Câu hỏi 140: (0)** - Trong MS Excel, với công thức = MAX(20,MIN(5,100)), kết quả hiển thị như thế nào ?

- 1 - 20
- 2 - 100
- 3 - 5
- 4 - 0

Đáp án: 1

**Câu hỏi 141: (1)** - Trong MS Excel, giả sử ô A1,A2, A3 có chứa lần lượt các giá trị : 234, 235, "Hai". Tại ô A4 ta điền công thức =COUNTA(A1:A3) thì kết quả hiển thị như thế nào ?

- 1 - 2
- 2 - 3
- 3 - 4
- 4 - 469

Đáp án: 2

**Câu hỏi 142: (2)** - Trong MS Excel, giả sử ô A1, A2, A3, có chứa lần lượt các giá trị: 234, 235, "Hai". Tại ô A4 ta điền công thức = COUNT(A1:A3) thì kết quả hiển thị như thế nào ?

- 1 - 2
- 2 - 3
- 3 - 4
- 4 - 469

Đáp án: 1

**Câu hỏi 143: (3)** - Trong MS Excel, kết quả trả về của công thức =OR(2>3,4<1) sẽ hiển thị như thế nào ?

- 1 - TRUE
- 2 - ĐÚNG
- 3 - SAI
- 4 - FALSE

Đáp án: 4

**Câu hỏi 144: (4)** - Trong MS Excel, biểu thức =AND(5>4,6<9,OR(2<1,3>2)) cho giá trị bao nhiêu ?

- 1 - FALSE

- 2 - #NAME
- 3 - #VALUE
- 4 - TRUE

Đáp án: 4

**Câu hỏi 145: (5)** - Trong MS Excel, giả sử tại ô B1 gõ công thức =Today. Kết quả hiển thị như thế nào ?

- 1 - #Name
- 2 - Today
- 3 - #NA
- 4 - Ngày hiện tại của hệ thống

Đáp án: 4

**Câu hỏi 146: (6)** - Trong MS Excel, biểu thức =DAY("20/02/2016") cho kết quả là bao nhiêu ?

- 1 - 20
- 2 - 2
- 3 - 2016
- 4 - #VALUE

Đáp án: 1

**Câu hỏi 147: (7)**- Trong MS Excel, biểu thức =MONTH("20/02/2016") cho kết quả là bao nhiêu ?

- 1 - 20
- 2 - 2
- 3 - 2016
- 4 - #VALUE

Đáp án: 2

**Câu hỏi 148: (8)** - Trong MS Excel, biểu thức =YEAR("20/02/2016") cho kết quả là bao nhiêu ?

- 1 - 20
- 2 - 2
- 3 - 2016
- 4 - #VALUE

Đáp án: 3

**Câu hỏi 149: (9)**- Trong MS Excel, giả sử ngày hệ thống của máy tính là: 2/29/2016; Khi đó tại ô A2 gõ vào công thức =Today-1 thì nhận được kết quả như thế nào ?

- 1 - 2/28/2016
- 2 - #NAME!
- 3 - 1/3/2016
- 4 - 3/1/2016

Đáp án: 1

**Câu hỏi 150: (0)** - Trong MS Excel, giả sử ngày hệ thống của máy tính là: 2/29/2016; Khi đó tại ô A2 gõ vào công thức =Today+1 thì nhận được kết quả như thế nào ?

1 - 2/28/2016

2 - #NAME!

3 - 1/3/2016

4 - 3/1/2016

Đáp án: 4

**Câu hỏi 151: (1)** - Trong MS Excel, với cú pháp hàm VLOOKUP(x,bảng dò tìm, n, [0/1]), giá trị n có ý nghĩa là gì ?

1 - Số thứ tự hàng cần trả về giá trị trong bảng dò tìm nếu tìm thấy giá trị x.

2 - Có thể nhập bất kỳ giá trị nào.

3 - Số thứ tự cột cần trả về giá trị trong bảng dò tìm nếu tìm thấy giá trị x.

4 - Không có ý nghĩa, có thể không nhập.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 152: (2)** - Trong MS Excel, với cú pháp hàm HLOOKUP(x,bảng dò tìm, n, [0/1]), giá trị x có ý nghĩa là gì ?

1 - Giá trị cần dò tìm.

2 - Số dòng trả về giá trị tìm thấy.

3 - Giá trị trả về từ bảng dò tìm.

4 - Số cột trả về giá trị khi tìm thấy.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 153: (3)** - Trong MS Excel, tại sao biểu đồ lại đem lại nhiều cách mô tả dữ liệu hơn so với một bảng ?

1 - Nhiều dữ liệu có thể xuất hiện trên biểu đồ so với bảng.

2 - Một biểu đồ có nhiều màu sắc hơn.

3 - Biểu đồ có thể được in trên một tờ giấy lớn hơn so với một bảng.

4 - Một biểu đồ minh họa xu hướng hay biến thiên dữ liệu rõ ràng hơn.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 154: (4)** - Trong MS Excel, tại sao cần xem trang tính trước khi nó được in ra ? (Chọn 3)

1 - Để quan sát nó xuất hiện như thế nào trước khi được in.

2 - Để tránh lãng phí giấy nếu cần phải thay đổi.

3 - Điều đó là bắt buộc trước khi thực hiện lệnh in.

4 - Để xác định khi nào thì cần có những thay đổi về bố cục của bài báo cáo.

Đáp án: 1,2,4

## MÔ-ĐUN IU05 – SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN

**Câu hỏi 1:** ( Muốn báo cáo các kết quả hoạt động kinh doanh hay nghiên cứu khoa học đến một nhóm nhỏ thính giả quan tâm tại một hội nghị hay hội thảo, ta sử dụng dạng bài nào sau đây ?

- 1 - Bài thuyết trình.
- 2 - Bài hội thoại.
- 3 - Bài ngâm thơ.
- 4 - Bài phỏng vấn.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 2:** ( Bài thuyết trình có thể chứa những đối tượng nào sau đây ? (Chọn 3)

- 1 - Bàn phím ảo.
- 2 - Văn bản, địa chỉ trang web.
- 3 - Biểu đồ, hình ảnh.
- 4 - Video, âm thanh.

Đáp án: 2,3,4

**Câu hỏi 3:** (- Để tạo một bài thuyết trình, ta sử dụng phần mềm nào sau đây ?

- 1 - MS Word.
- 2 - MS Excel.
- 3 - MS PowerPoint.
- 4 - MS Access.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 4:** ( Phần mềm nào sau đây **KHÔNG** phải là phần mềm trình chiếu ?

- 1 - OpenOffice Impress.
- 2 - MS Outlook.
- 3 - MS PowerPoint.
- 4 - Libre Office Impress.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 5:** ( Trong MS PowerPoint, ta có thể thực hiện những công việc nào thuận lợi nhất ?

- 1 - Tạo văn bản, chèn hình ảnh, âm thanh, video, vẽ biểu đồ, chèn địa chỉ trang web.
- 2 - Tính toán một cách chuyên nghiệp.
- 3 - Tạo các cơ sở dữ liệu và lưu trữ cơ sở dữ liệu đó.
- 4 - Xử lý các dữ liệu đồ họa.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 6:** ( Để khởi động MS Powerpoint, ta có thể thực hiện những thao tác nào sau đây ? (Chọn 2)

- 1 - Start - All Program - Microsoft Office - Microsoft Powerpoint
- 2 - Start - All Program - Accessories - Microsoft Powerpoint
- 3 - Kích đúp chuột vào biểu tượng MS Powerpoint trên màn hình.
- 4 - Nhấp phải chuột vào biểu tượng MS Powerpoint trên màn hình.

Đáp án: 1,3

**Câu hỏi 7:** (- Cách nào sau đây **KHÔNG** đóng được MS PowerPoint ?

- 1 - File - Exit.
- 2 - Alt + F4
- 3 - File - Close.
- 4 - Kích chuột vào dấu nhân góc trên bên phải màn hình.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 8:** ( Phần mở rộng nào của tệp được tạo bởi MS PowerPoint 2010 ?

- 1 - .pptx
- 2 - .ppt
- 3 - .doc
- 4 - .docx

Đáp án: 1

**Câu hỏi 9:** ( Trong MS PowerPoint 2010, để ẩn thanh Ribbon, ta nhấn vào biểu tượng nào trong hình sau ?



- 1 - Biểu tượng số 1.
- 2 - Biểu tượng số 2.
- 3 - Biểu tượng số 3.
- 4 - Biểu tượng số 4.
- 5 - Biểu tượng số 5.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 10:** - Trong MS PowerPoint 2010, để sử dụng chức năng trợ giúp, ta nhấn vào biểu tượng nào trong hình sau ?



- 1 - Biểu tượng số 1.
- 2 - Biểu tượng số 2.
- 3 - Biểu tượng số 3.
- 4 - Biểu tượng số 4.
- 5 - Biểu tượng số 5.

Đáp án: 5

**Câu hỏi 11:** - Trong MS PowerPoint 2010, bạn thực hiện thao tác File - New nhằm

mục đích gì ?

- 1 - Đóng một bài trình diễn.
- 2 - Mở bài trình diễn đã có.
- 3 - Tạo một bài trình diễn mới.
- 4 - Lưu bài trình diễn hiện hành.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 12:** ( Trong MS PowerPoint 2010, bạn thực hiện thao tác File - Open nhằm mục đích gì ?

- 1 - Đóng một bài trình diễn.
- 2 - Mở bài trình diễn đã có.
- 3 - Tạo một bài trình diễn mới.
- 4 - Lưu bài trình diễn hiện hành.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 13:** - Trong MS PowerPoint 2010, bạn thực hiện thao tác File - Save nhằm mục đích gì ?

- 1 - Đóng một bài trình diễn.
- 2 - Mở bài trình diễn đã có.
- 3 - Tạo một bài trình diễn mới.
- 4 - Lưu bài trình diễn hiện hành.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 14:** - Trong MS PowerPoint 2010, bạn thực hiện thao tác File - Save As nhằm mục đích gì ?

- 1 - Lưu bài trình diễn hiện hành với tên khác.
- 2 - Mở bài trình diễn đã có.
- 3 - Tạo một bài trình diễn mới.
- 4 - Lưu bài trình diễn hiện hành.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 15:** - Trong MS PowerPoint, bạn bấm tổ hợp phím Ctrl + O nhằm mục đích gì ?

- 1 - Đóng một bài trình diễn.
- 2 - Mở bài trình diễn đã có.
- 3 - Tạo một bài trình diễn mới.
- 4 - Lưu bài trình diễn hiện hành.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 16:** - Trong MS PowerPoint, bạn bấm tổ hợp phím Ctrl + N nhằm mục đích gì ?

- 1 - Đóng một bài trình diễn.
- 2 - Mở bài trình diễn đã có.
- 3 - Tạo một bài trình diễn mới.
- 4 - Lưu bài trình diễn hiện hành.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 17:** - Trong MS PowerPoint, bạn bấm tổ hợp phím Ctrl + S nhằm mục đích gì ?



- 1 - Đóng một bài trình diễn.
- 2 - Mở bài trình diễn đã có.
- 3 - Tạo một bài trình diễn mới.
- 4 - Lưu bài trình diễn hiện hành.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 18:** - Trong MS PowerPoint, bạn bấm tổ hợp phím Ctrl + Shift + S nhằm mục đích gì ?

- 1 - Lưu bài trình diễn hiện hành với tên khác.
- 2 - Mở bài trình diễn đã có.
- 3 - Tạo một bài trình diễn mới.
- 4 - Lưu bài trình diễn hiện hành.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 19:** - Trong MS PowerPoint, ta có thể tạo mới một tệp trình diễn bằng những cách nào sau đây ? (Chọn 2)

- 1 - Sử dụng một trang trình diễn trống (Use Blank).
- 2 - Sử dụng một mẫu thiết kế có sẵn (Design Template).
- 3 - Sử dụng một tệp văn bản .docx.
- 4 - Sử dụng một video dựng sẵn.

Đáp án: 1,2

**Câu hỏi 20:** - Hãy chọn phương án ĐÚNG VÀ ĐẦY ĐỦ của các cách hiển thị (view) bài thuyết trình trong MS PowerPoint ?

- 1 - Normal, Slide Sorter, Slide Show, Note Page.
- 2 - Normal, Slide Sorter, Slide Show.
- 3 - Normal, Slide Sorter, Note Page.
- 4 - Normal, Slide Show, Note Page.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 21:** - Trong MS PowerPoint 2010, khi đang soạn thảo bản thuyết trình, bạn thường đặt các slide ở chế độ hiển thị nào sau đây ?

- 1 - Normal.
- 2 - Slide Sorter.
- 3 - Reading.
- 4 - Slide Show.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 22:** - Trong MS PowerPoint, sau khi soạn xong một bài trình diễn, bạn nên xem nó ở chế độ nào là tốt nhất ?

- 1 - Reading View.
- 2 - Normal View.
- 3 - Slide Show View.
- 4 - Slide Play All View.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 23:** - Trong MS PowerPoint 2010, để tạo và chỉnh sửa slide, ta sử dụng chế độ hiển thị nào sau đây ?

- 1 - Normal.
- 2 - Reading View.

- 3 - Slide Show.
  - 4 - Slide Shorter.
- Đáp án: 1

**Câu hỏi 24:** - Trong MS PowerPoint 2010, để xem tệp trình diễn mà không bị mất quyền truy cập vào các ứng dụng khác, ta sử dụng chế độ hiển thị nào sau đây ?

- 1 - Notes Page.
- 2 - Reading View.
- 3 - Slide Show.
- 4 - Slide Shorter.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 25:** - Trong MS PowerPoint 2010, để phân loại, sắp xếp các slide, xem thời gian thực hiện của các slide, ta sử dụng chế độ hiển thị nào sau đây ?

- 1 - Notes Page.
- 2 - Reading View.
- 3 - Slide Show.
- 4 - Slide Shorter.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 26:** - Trong MS PowerPoint 2010, làm thế nào để thoát khỏi chế độ Reading View ?

- 1 - Menu File, chọn Exit.
- 2 - Nhấn tổ hợp phím Ctrl + E.
- 3 - Nhấn Close Reading, nút View.
- 4 - Nhấn phím Escape (Esc) trên bàn phím của bạn.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 27:** - Trong MS PowerPoint 2010, khi lưu bài thuyết trình thành dạng tệp trình chiếu (PowerPoint Show), thì phần mở rộng của tệp là gì ?

- 1 - .ppsx
- 2 - .pptx
- 3 - .pptsx
- 4 - .pps

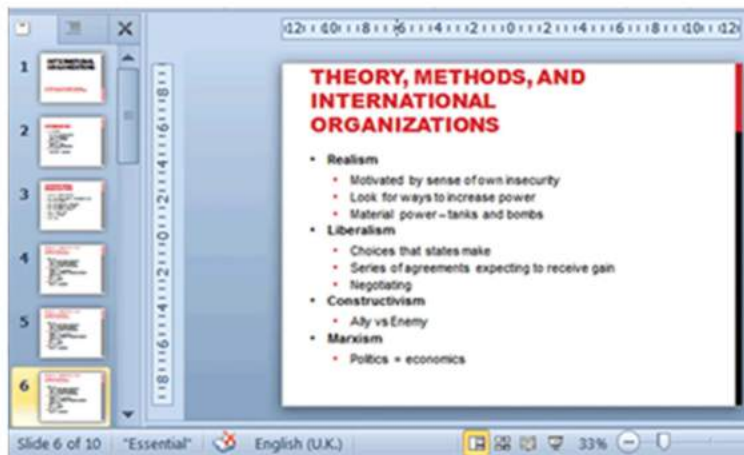
Đáp án: 1

**Câu hỏi 28:** - Trong MS PowerPoint, mỗi trang thuyết trình được gọi là gì ?

- 1 - Một Document.
- 2 - Một File.
- 3 - Một Slide.
- 4 - Một Shortcut.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 29:** - Bài trình diễn trong hình sau có bao nhiêu slide ?



- 1 - 6 slides.
- 2 - 7 slides.
- 3 - 10 slides.
- 4 - Không đếm được.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 30:** - Trong MS PowerPoint 2010, để tạo một slide mới, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - File - New Slide - Chọn mẫu Slide.
- 2 - Home - New Slide - Chọn mẫu Slide.
- 3 - Insert - New Slide - Chọn mẫu Slide.
- 4 - Draw - New Slide - Chọn mẫu Slide.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 31:** - Trong MS PowerPoint, một Slide thường có những phần nào ?

- 1 - Phần tiêu đề và phần nội dung.
- 2 - Phần chính và phần phụ.
- 3 - Phần mở đầu và phần kết thúc.
- 4 - Phần đầu và phần cuối.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 32:** - Trong MS PowerPoint 2010, để thay đổi bố cục slide (Slide Layout), ta chọn lệnh nào sau đây ?

- 1 - Design - Layout.
- 2 - Format - Layout.
- 3 - Home - Layout.
- 4 - Slide Show - Layout.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 33:** - Trong MS PowerPoint 2010, Tab nào trên thanh Ribbon có thể tìm thấy thư viện chứa các chủ đề (themes) ?

- 1 - Transitions.
- 2 - Design.
- 3 - Insert.
- 4 - View.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 34:** - Trong MS PowerPoint 2010, để thay đổi mẫu thiết kế slide (slide design), ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Design - Themes - Mẫu thiết kế.
- 2 - Design - Slide Design - Mẫu thiết kế.
- 3 - Home - Themes - Mẫu thiết kế.
- 4 - Home - Slide Design - Mẫu thiết kế.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 35:** - Trong MS PowerPoint, slide chủ (Slide Master) được sử dụng nhằm mục đích gì ?

- 1 - Tạo phiên trình diễn với các hiệu ứng xuất hiện, thoát, di chuyển cho các đối tượng.
- 2 - Quản lý các slide còn lại có trong phiên trình diễn.
- 3 - Thêm một đối tượng hay thống nhất định dạng chung đối tượng cho tất cả các slide.
- 4 - Tạo những định dạng khác biệt với các slide còn lại trong phiên trình diễn.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 36:** - Trong MS PowerPoint 2010, để mở một slide chủ (Slide Master), ta thực hiện lệnh nào sau đây ?

- 1 - View - Show Master.
- 2 - View - View Master.
- 3 - View - Slide Master.
- 4 - View - Master Views.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 37:** - Trong MS PowerPoint, bạn bấm tổ hợp phím Ctrl + M nhằm mục đích gì ?

- 1 - Đóng một bài trình diễn.
- 2 - Chèn thêm một slide vào bài trình diễn hiện hành.
- 3 - Tạo một bài trình diễn mới.
- 4 - Lưu bài trình diễn hiện hành.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 38:** - Trong MS PowerPoint 2010, để thêm một slide mới, ta bấm tổ hợp phím mặc định nào sau đây ?

- 1 - Shift + N.
- 2 - Ctrl + N.
- 3 - Ctrl + M.
- 4 - Shift + M.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 39:** - Trong MS PowerPoint 2010, để chèn thêm slide từ tệp thuyết trình khác, ta thực hiện nhóm lệnh nào sau đây ?

- 1 - Home - New Slide - Reuse Slides ...
- 2 - Insert - New Slide - Reuse Slides ...
- 3 - Home - New Slide - Slides from file ..
- 4 - Insert - Insert Slies from Files.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 40:** - Trong MS PowerPoint, tại một slide hiện hành, ta bấm phím Delete (trên bàn phím), kết quả sẽ như thế nào ?

- 1 - Slide đó bị xóa.
- 2 - Thêm một slide.
- 3 - Sao chép một slide mới.
- 4 - Slide đó bị đổi màu.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 41:** - Trong MS PowerPoint, muốn xóa một slide, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Nhấp phải chuột lên slide mẫu, chọn New Slide.
- 2 - Nhấp phải chuột lên slide mẫu, chọn Duplicate Slide.
- 3 - Nhấp phải chuột lên slide mẫu, chọn Reset Slide.
- 4 - Nhấp phải chuột lên slide mẫu, chọn Delete Slide.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 42:** - Trong MS PowerPoint 2010, muốn xóa slide hiện thời khỏi bản trình chiếu, ta thực hiện thao tác nào ?

- 1 - Chọn tất cả các đối tượng trên slide và nhấn phím Delete.
- 2 - Chọn tất cả các đối tượng trên slide và nhấn phím Backspace.
- 3 - Chọn Home - Delete Slide.
- 4 - Nhấp phải chuột lên slide, chọn Delete Slide.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 43: (B.IU05.2.3.10.43)** - Trong MS PowerPoint, bạn đã di chuyển một slide đến vị trí mới, làm thế nào để nó về lại chỗ cũ ? (Chọn 3)

- 1 - Dùng chuột kéo nó trở lại vị trí ban đầu của nó.
- 2 - Nhấn Ctrl + Z trên bàn phím của bạn.
- 3 - Nhấn vào nút Undo nằm trên Quick Access Toolbar.
- 4 - Lựa chọn slide và nhấn vào biểu tượng Cut trong nhóm Clipboard.
- 5 - Nhấn phím Escape (Esc) trên bàn phím của bạn.

Đáp án: 1,2,3

**Câu hỏi 44: (B.IU05.2.3.10.44)** - Trong MS PowerPoint, để hủy bỏ thao tác vừa thực hiện, ta nhấn tổ hợp phím nào sau đây ?

- 1 - Ctrl + C.
- 2 - Ctrl + X.
- 3 - Ctrl + V.
- 4 - Ctrl + Z.

Đáp án: 4



**Câu hỏi 45:** - Hãy quan sát tổng thể slide ở hình dưới , và chỉ ra các yếu tố thiết kế nào sau đây là có vấn đề nhất trên slide này ?

### Five elements of organisational culture identified

#### \*Artefacts

Artefacts are visible cultural elements, for example physical layout and design, and invisible cultural elements, for example how members relate to each other, that can be identified in any organisation. Artefacts are often the easiest elements to identify within a company and include document production, office layout and design, language usage, stories, jokes and anecdotes, technology and policies.

#### \*Heroes

Heroes are those members of an organisation who have achieved a level of success and live and behave in a way that many people wish they could attain. Members of an organisation may look to such a person as a role model or as someone embodying those characteristics or lifestyle they themselves wish to attain.

#### \*Narration

Narration is a language element of organisational culture. Narration includes stories about the organisation or events in the organisation, successes or failures, legendary departments or people and other stories that are known to all members of the organisation. These narratives play a large part in the make-up of the culture of the organisation and may include stories about the leader of the organisation and their successes, a failure in the organisation and what happened to them, what everyone in the organisation believes about the organisation or the history of how the organisation was conceived. Myths and legends may also exist that could negatively or positively influence the social climate of the organisation.

#### \*Taboos

Taboos are identified by Angelopoulos and Barker (2013:93) as one of the behavioural concept-elements of organisational culture. According to them behaviour includes norms and standardised systems of how members in an organisation are expected to conduct themselves. These could include policies and rules guiding behaviour and communication on acceptable and unacceptable behaviour.

Angelopoulos and Barker (2013:93) define taboos as "activities, objects or people that are habitually avoided for seemingly superstitious reasons". Mrs Sidane's secretary informs the communications agency about her boss' superstitions and what to exclude from the new setting and physical layout of the organisation.

#### \*Ceremonies

Ceremonies is a behavioural concept and also an artefact within an organisation. Behavioural concepts are discussed above and include norms and accepted rules and behaviours for what is acceptable or unacceptable behaviour within an organisation.

Ceremonies are events that are organised within an organisation, for example, to celebrate achievements, annual dinners, award evenings, monthly budget speeches, etc. Organisations may have different ceremonies for different occasions, but even when the occasion is the same, the way the ceremony is organised will differ in organisations. This will reflect the culture of the organisation.

- 1 - Các màu chữ và kích thước.
- 2 - Số lượng các điểm nhấn (năm).
- 3 - Lượng văn bản chứa trên một slide.
- 4 - Các loại font chữ được sử dụng (sans serif).

Đáp án: 3

**Câu hỏi 46:** - Đối tượng nào sau đây có trong MS PowerPoint mà không có trong MS Word hay MS Excel ?

- 1 - Hộp văn bản (Text box).
- 2 - Biểu đồ (Chart).
- 3 - Âm thanh (Audio).
- 4 - Hình tự vẽ (Shape).

Đáp án: 3

**Câu hỏi 47:** - Trong MS PowerPoint, đối tượng nào sau đây không thể chèn trực tiếp lên slide ?

- 1 - Table.
- 2 - Picture.
- 3 - Text box.
- 4 - Văn bản.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 48:** - Trong MS PowerPoint, để sao chép tất cả các định dạng của văn bản, ta sử dụng công cụ nào sau đây ?

- 1 - Home - Format.
- 2 - Home - Format Painter.
- 3 - Home - Copy Format.
- 4 - Home - Copy Style.

Đáp án: 2



**Câu hỏi 49:** - Trong MS PowerPoint 2010, muốn chữ "PowerPoint" trong một đoạn văn được định dạng thành "PowerPoint", ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Bấm chọn riêng từ "PowerPoint" và nhấn tổ hợp phím Ctrl + E.
- 2 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + U.
- 3 - Chỉ cần bấm chọn từ "Power" và nhấn tổ hợp phím Ctrl + U.
- 4 - Nhấn Ctrl + U + I.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 50:** - Trong MS PowerPoint, bạn bấm tổ hợp phím Ctrl + A nhằm mục đích gì ?

- 1 - Sao chép tất cả các đối tượng trên slide hiện hành.
- 2 - Chọn tất cả các đối tượng trên slide hiện hành.
- 3 - Di chuyển các đối tượng trên slide hiện hành.
- 4 - Dán đối tượng trên slide hiện hành.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 51:** - Trong MS PowerPoint, bạn bấm tổ hợp phím Ctrl + C nhằm mục đích gì ?

- 1 - Sao chép tất cả các đối tượng trên slide hiện hành.
- 2 - Chọn tất cả các đối tượng trên slide hiện hành.
- 3 - Di chuyển các đối tượng trên slide hiện hành.
- 4 - Dán đối tượng trên slide hiện hành.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 52:** - Trong MS PowerPoint, bạn bấm tổ hợp phím Ctrl + V nhằm mục đích gì ?

- 1 - Sao chép tất cả các đối tượng trên slide hiện hành.
- 2 - Chọn tất cả các đối tượng trên slide hiện hành.
- 3 - Di chuyển các đối tượng trên slide hiện hành.
- 4 - Dán đối tượng trên slide hiện hành.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 53:** - Trong MS PowerPoint, để chọn tất cả các đối tượng trên slide hiện hành, ta nhấn tổ hợp phím nào sau đây ?

- 1 - Ctrl + A.
- 2 - Ctrl + C
- 3 - Ctrl + V.
- 4 - Ctrl + X.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 54:** - Trong MS PowerPoint, để sao chép đối tượng trên slide hiện hành, ta nhấn tổ hợp phím nào sau đây ?

- 1 - Ctrl + A.
- 2 - Ctrl + C
- 3 - Ctrl + V.
- 4 - Ctrl + X.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 55:** - Trong MS PowerPoint, để dán đối tượng trên slide hiện hành, ta nhấn tổ hợp phím nào sau đây ?

- 1 - Ctrl + A.
- 2 - Ctrl + C
- 3 - Ctrl + V.
- 4 - Ctrl + X.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 56:** - Trong MS PowerPoint, để di chuyển đối tượng trên slide hiện hành, ta nhấn tổ hợp phím nào sau đây ?

- 1 - Ctrl + A.
- 2 - Ctrl + C
- 3 - Ctrl + V.
- 4 - Ctrl + X.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 57:** - Trong MS PowerPoint, bạn bấm tổ hợp phím Ctrl + X nhằm mục đích gì ?

- 1 - Sao chép tất cả các đối tượng trên slide hiện hành.
- 2 - Chọn tất cả các đối tượng trên slide hiện hành.
- 3 - Di chuyển các đối tượng trên slide hiện hành.
- 4 - Dán đối tượng trên slide hiện hành.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 58:** - Trong MS PowerPoint, muốn chữ "PowerPoint" trong một đoạn văn nằm giữa textbox, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Đưa con trỏ văn bản đến giữa chữ "PowerPoint" và nhấn tổ hợp phím Ctrl + E.
- 2 - Bấm tổ hợp phím Ctrl + B.
- 3 - Chỉ cần bấm chọn từ "Power" và nhấn tổ hợp phím Ctrl + U.
- 4 - Nhấn Ctrl + U + I.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 59:** - Trong MS PowerPoint 2010, để tô màu nền cho slide, ta chọn lệnh nào sau đây ?

- 1 - Design - Background Styles.
- 2 - Home - Background Colors.
- 3 - Design - Background Colors.
- 4 - Slides - Background Styles.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 60:** - Trong MS PowerPoint 2010, trên 1 textbox có nhiều dòng khác nhau nhưng không đều nhau, sau khi chọn đối tượng, để các dòng được canh đều hai bên, ta sử dụng tổ hợp phím nào sau đây ?

- 1 - Ctrl + L.
- 2 - Ctrl + R.
- 3 - Ctrl + J.
- 4 - Ctrl + E.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 61:** - Trong MS PowerPoint 2010, muốn trình bày nội dung dưới dạng danh sách liệt kê dùng ký hiệu đánh dấu, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Nhấp phải chuột trên trang trình chiếu, chọn Bullets.

- 2 - Nhấp phải chuột trên trang trình chiếu, chọn Numbering.
- 3 - Nhấp phải chuột trên trang trình chiếu, chọn Paragraph.
- 4 - Nhấp phải chuột trên trang trình chiếu, chọn Font.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 62:** - Trong MS PowerPoint 2010, muốn trình bày nội dung dưới dạng danh sách được đánh số thứ tự, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Nhấp phải chuột trên trang trình chiếu, chọn Bullets.
- 2 - Nhấp phải chuột trên trang trình chiếu, chọn Numbering.
- 3 - Nhấp phải chuột trên trang trình chiếu, chọn Paragraph.
- 4 - Nhấp phải chuột trên trang trình chiếu, chọn Font.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 63:** - Trong MS PowerPoint 2010, để tạo biểu bảng, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Insert - Chọn Table - Khai báo số cột và số hàng - chọn OK.
- 2 - View - Chọn Table - Khai báo số cột và số hàng - chọn OK.
- 3 - Windows - Chọn Table - Khai báo số cột và số hàng - chọn OK.
- 4 - Format - Chọn Table - Khai báo số cột và số hàng - chọn OK.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 64:** - Trong MS PowerPoint 2010, nếu chọn 3 ô liên tiếp trên cùng một dòng của bảng biểu, đưa chuột vào vùng ô đó, nhấp phải chuột và chọn Insert Rows, kết quả như thế nào ?

- 1 - Ta đã thêm vào bảng 3 cột.
- 2 - Ta đã thêm vào bảng 3 dòng.
- 3 - Ta đã thêm vào bảng 3 ô.
- 4 - Ta đã thêm vào bảng 1 dòng.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 65:** - Trong MS PowerPoint 2010, muốn xóa đi một cột bảng biểu trong Slide hiện hành, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Chọn cột đó, nhấp phải chuột lên vùng đã chọn và chọn Delete Columns.
- 2 - Nhấp phải chuột lên vùng bất kỳ thuộc cột đó và nhấn phím Delete.
- 3 - Đưa trỏ văn bản vào ô bất kỳ thuộc cột đó và nhấn phím Delete.
- 4 - Chọn cột đó, nhấp phải chuột lên vùng đã chọn và nhấn phím Delete.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 66:** - Trong MS PowerPoint 2010, muốn xóa đi một dòng bảng biểu trong Slide hiện hành, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Chọn dòng đó, nhấp phải chuột lên vùng đã chọn và chọn Delete Rows.
- 2 - Nhấp phải chuột lên vùng bất kỳ thuộc dòng đó và nhấn phím Delete.
- 3 - Đưa trỏ văn bản vào ô bất kỳ thuộc dòng đó và nhấn phím Delete.
- 4 - Chọn dòng đó, nhấp phải chuột lên vùng đã chọn và nhấn phím Delete.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 67:** - MS PowerPoint 2010 có sẵn những dạng biểu đồ nào sau đây ?

- 1 - Biểu đồ dạng thanh, dạng đường uốn khúc và dạng bánh tròn.
- 2 - Biểu đồ dạng cột, dạng đường uốn khúc và dạng bánh tròn.
- 3 - Biểu đồ dạng cột, dạng thanh, dạng đường uốn khúc và dạng bánh tròn.

4 - Biểu đồ dạng cột, dạng thanh và dạng bánh tròn.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 68:** - Trong MS PowerPoint 2010, để vẽ đồ thị trong Slide, ta chọn một Slide và thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - File - chọn Chart - nhập các số liệu đầy đủ.
- 2 - Insert - chọn Chart - nhập các số liệu đầy đủ.
- 3 - Format - chọn Chart - nhập các số liệu đầy đủ.
- 4 - View - chọn Chart - nhập các số liệu đầy đủ.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 69:** - Trong MS PowerPoint 2010, để chèn sơ đồ tổ chức vào slide, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Insert - Picture - Smart Art - chọn kiểu thích hợp.
- 2 - Insert - Smart Art - chọn kiểu thích hợp.
- 3 - Design- Picture - Smart Art - chọn kiểu thích hợp.
- 4 - Insert - Smart Art - chọn kiểu thích hợp.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 70:** - Trong MS PowerPoint 2010, để chèn một hình ảnh vào một Slide, ta chọn một Slide và thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Insert - chọn Picture - chọn hình ảnh cần chèn.
- 2 - Format - chọn Picture - chọn hình ảnh cần chèn.
- 3 - Draw - chọn Picture - chọn hình ảnh cần chèn.
- 4 - Design - chọn Picture - chọn hình ảnh cần chèn.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 71:** - Trong MS PowerPoint 2010, sau khi chọn một số đối tượng trên slide hiện hành, bạn nhấn tổ hợp phím nào sau đây sẽ làm mất đi các đối tượng đó ?

- 1 - Alt + X.
- 2 - Shift + X.
- 3 - Ctrl + X.
- 4 - Ctrl + Shift + X.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 72:** - Trong MS PowerPoint 2010, sau khi vẽ một hình oval, ta nhấp phải chuột vào hình oval, chọn lệnh Add text, kết quả đạt được là gì ?

- 1 - Thêm văn bản vào trong hình.
- 2 - Xóa hình đã chọn.
- 3 - Thêm hình ảnh vào hình.
- 4 - Sửa hình oval thành hình tròn.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 73:** - Trong MS PowerPoint 2010, để chọn nhiều đối tượng trên một slide, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Nhấn giữ Shift + nhấn nút trái chuột vào các đối tượng cần chọn.
- 2 - Nhấn giữ Shift + nhấn nút phải chuột vào các đối tượng cần chọn.
- 3 - Nhấn giữ Ctrl + nhấn nút trái chuột vào các đối tượng cần chọn.
- 4 - Nhấn giữ Ctrl + nhấn nút trái chuột vào các đối tượng cần chọn.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 74:** - Trong MS PowerPoint 2010, để tạo hiệu ứng chuyển trang cho trình chiếu, ta chọn chức năng nào ở thanh Ribbon ?

- 1 - Animations.
- 2 - Transitions.
- 3 - Slide Show.
- 4 - Design.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 75:** - Trong MS PowerPoint 2010, để tạo hiệu ứng hoạt hình cho các đối tượng trên slide, ta chọn chức năng nào ở thanh Ribbon ?

- 1 - Animations.
- 2 - Transitions.
- 3 - Slide Show.
- 4 - Design.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 76:** - Trong MS PowerPoint 2010, để xem trước hiệu ứng chuyển trang đã sử dụng, ta chọn chức năng nào ở thanh Ribbon ?

- 1 - Transitions - Preview.
- 2 - Transitions - Review.
- 3 - Animations - Preview.
- 4 - Review - View Transitions.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 77:** - Trong MS PowerPoint 2010, để xem trước hiệu ứng hoạt hình đã sử dụng cho đối tượng, ta chọn chức năng nào ở thanh Ribbon ?

- 1 - Transitions - Preview.
- 2 - Animations - Review.
- 3 - Animations - Preview.
- 4 - Review - View Animations.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 78:** - Trong MS PowerPoint 2010, để thiết lập cho phép tự động xem trước hiệu ứng hoạt hình đã sử dụng cho đối tượng, ta chọn chức năng nào ở thanh Ribbon ?

- 1 - Animations - Preview - AutoPreview.
- 2 - Animations - Review - AutoReview.
- 3 - Animations - Preview - AutoReview.
- 4 - Animations - Review - AutoPreview.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 79:** - Trong MS PowerPoint 2010, để thêm hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng trên Slide, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Chọn đối tượng - Animation - Animation Pane.
- 2 - Chọn đối tượng - Animation - Add Animation.
- 3 - Chọn đối tượng - Slide Show - Custom Slide Show.
- 4 - Chọn đối tượng - Transitions - Chọn mẫu Transitions.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 80:** - Trong MS PowerPoint 2010, để thêm hiệu ứng cho đối tượng khi đang xuất hiện, ta chọn nhóm hiệu ứng nào sau đây ?

- 1 - Entrance.
- 2 - Emphasis.
- 3 - Exit.
- 4 - Motion Paths.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 81:** - Trong MS PowerPoint 2010, Entrance là nhóm hiệu ứng hoạt hình áp dụng cho đối tượng được chọn vào thời điểm nào ?

- 1 - Khi đối tượng biến mất khỏi Slide.
- 2 - Khi đối tượng xuất hiện trên Slide.
- 3 - Khi đối tượng di chuyển trên Slide.
- 4 - Để nhấn mạnh đối tượng trên Slide.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 82:** - Trong MS PowerPoint 2010, để tạo hiệu ứng di chuyển theo đường cong nào đó cho đối tượng, ta chọn nhóm hiệu ứng nào sau đây ?

- 1 - Entrance.
- 2 - Emphasis.
- 3 - Exit.
- 4 - Motion Paths.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 83:** - Trong MS PowerPoint 2010, để thêm hiệu ứng cho đối tượng thoát ra khỏi Slide, ta chọn nhóm hiệu ứng nào sau đây ?

- 1 - Entrance.
- 2 - Emphasis.
- 3 - Exit.
- 4 - Motion Paths.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 84:** - Kiểu hiển thị nào trong PowerPoint 2010 có thể cung cấp ghi chú cho các slide ?

- 1 - Normal View.
- 2 - Notes Page.
- 3 - Cả Normal View và Notes Page.
- 4 - Không phải Normal View và Notes Page.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 85:** - Trong MS PowerPoint 2010, để ẩn slide không trình chiếu, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Slide - Slide Show - Hide Slide.
- 2 - Slide - Setup Slide - Hide Slide.
- 3 - Slide - Home - Hide Slide.
- 4 - Slide - Show Slide - Hide Slide.

Đáp án: 1



**Câu hỏi 86:** - Trong MS PowerPoint 2010, khi chọn một slide và chọn lệnh Hide Slide trong tab Slide Show thì kết quả như thế nào ?

- 1 - Slide đó bị xóa khỏi tệp trình diễn.
- 2 - Slide đó bị ẩn đi khi trình diễn.
- 3 - Slide đó bị ẩn khỏi màn hình soạn thảo.
- 4 - Slide đó bị ẩn các đối tượng, chỉ thấy nền của slide.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 87:** - Trong MS PowerPoint 2010, làm thế nào để bạn hiển thị lại một slide đã được ẩn ?

- 1 - Nhấp phải chuột vào slide ẩn và chọn Unhide từ danh sách menu.
- 2 - Nhấp phải chuột vào đoạn chứa slide (section) và chọn Collapse All từ danh sách menu.
- 3 - Nhấp phải chuột vào slide ẩn và chọn Hide từ danh sách menu.
- 4 - Nhấp chuột vào slide ẩn và chọn Unhide từ danh sách menu.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 88:** - Trong MS PowerPoint 2010, để chọn kiểu chữ (Font) thích hợp, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Tools - Font - Chọn kiểu chữ - OK.
- 2 - Insert - Font - Chọn kiểu chữ - OK.
- 3 - Edit - Font - Chọn kiểu chữ - OK.
- 4 - Home - Font - Chọn kiểu chữ - OK.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 89:** - Trong MS PowerPoint 2010, để kiểm tra lỗi chính tả tiếng Anh trên slide, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - View - Spelling.
- 2 - Review - Spelling.
- 3 - Insert - Spelling.
- 4 - Format - Spelling.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 90:** - Trong MS PowerPoint 2010, để thiết lập các thông số trang in, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Menu Design - Page Setup.
- 2 - Menu File - Print.
- 3 - Menu File - Print Preview.
- 4 - Menu File - Page Setup.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 91:** - Trong MS PowerPoint 2010, để thực hiện lệnh in Slide hiện thời, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - File - Chọn Print - Chọn Current Slide.
- 2 - File - Chọn Print - Chọn Selection.
- 3 - File - Chọn Print - Chọn Slide.
- 4 - File - Chọn Print - Chọn All.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 92:** - Trong MS PowerPoint 2010, để thực hiện lệnh in tất cả các Slide, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - File - Chọn Print - Chọn Current Slide.
- 2 - File - Chọn Print - Chọn Selection.
- 3 - File - Chọn Print - Chọn Slide.
- 4 - File - Chọn Print - Chọn All.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 93:** - Trong MS PowerPoint 2010, để thực hiện lệnh chỉ in các Slide được chọn, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - File - Chọn Print - Chọn Current Slide.
- 2 - File - Chọn Print - Chọn Selection.
- 3 - File - Chọn Print - Chọn Slide.
- 4 - File - Chọn Print - Chọn All.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 94:** - Trong MS PowerPoint 2010, để thực hiện lệnh chỉ in các Slide trong phạm vi nào đó, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - File - Chọn Print - Chọn Current Slide.
- 2 - File - Chọn Print - Chọn Selection.
- 3 - File - Chọn Print - Chọn Slide.
- 4 - File - Chọn Print - Chọn All.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 95:** - Trong MS PowerPoint 2010, để trình chiếu slide hiện thời, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Bấm phím F4.
- 2 - Bấm phím F5.
- 3 - Bấm tổ hợp phím Shift + F5.
- 4 - Chọn lệnh Slide Show - Show Slide.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 96:** - Trong MS PowerPoint 2010, để kết thúc trình chiếu, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Bấm phím Esc.
- 2 - Bấm phím End.
- 3 - Bấm phím Enter.
- 4 - Bấm phím Tab.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 97:** - Để bài thuyết trình được tốt, thuyết phục người nghe ở nhiều phương diện, ta nên thêm những đối tượng nào vào bài thuyết trình ? (Chọn 3)

- 1 - Bảng thống kê dữ liệu.
- 2 - Biểu đồ hiển thị mô hình hoặc xu hướng của dữ liệu.
- 3 - Logo của công ty, địa chỉ trang web.
- 4 - Đoạn trích tác phẩm văn học.
- 5 - Nhiều hình động nhấp nháy liên tục.

Đáp án: 1,2,3

**Câu hỏi 98:** - Hãy sắp xếp các bước để tạo một bài thuyết trình thích hợp: 1. Thiết kế biên tập nội dung bài thuyết trình; 2. Lưu, phân phát bài thuyết trình; 3. Xác định mục tiêu thuyết trình; 4. Thực hiện thuyết trình bằng một công cụ trình chiếu.

1 - 3-1-2-4

2 - 1-3-2-4

3 - 1-2-3-4

4 - 3-1-4-2

Đáp án: 1

**Câu hỏi 99:** - Trong MS PowerPoint, thao tác chọn File - Close dùng để làm gì ?

1 - Lưu tệp hiện tại.

2 - Mở một tệp nào đó.

3 - Đóng tệp hiện tại.

4 - Thoát khỏi MS PowerPoint.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 100: (0)** - Trong MS PowerPoint, để đóng một bài thuyết trình đang mở nhưng không đóng phần mềm, ta có thể thực hiện những thao tác nào sau đây ? (Chọn 2)

1 - Alt + F4.

2 - File - Close.

3 - Kích chuột vào dấu nhân ở trên bên phải màn hình.

4 - Ctrl + F4.

Đáp án: 2,4

**Câu hỏi 101: (1)** - Trong MS PowerPoint 2010, để lưu lại nội dung tập tin baitap.pptx đang mở, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

1 - File - Save.

2 - File - Save As.

3 - File - Save hoặc File - Save As đều được.

4 - Ctrl + F.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 102: (2)** - Trong MS PowerPoint, muốn mở một tệp đã tồn tại trên ổ cứng, sau khi khởi động MS PowerPoint, ta nhấn tổ hợp phím nào sau đây ?

1 - Ctrl + C.

2 - Ctrl + O.

3 - Ctrl + N.

4 - Ctrl + V.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 103: (3)** - Trong MS PowerPoint 2010, chế độ hiển thị Slide Sorter được dùng khi nào ?

1 - Khi muốn hiển thị tất cả các slide trong bài trình diễn dưới dạng thu nhỏ.

2 - Khi muốn xem chế độ toàn màn hình với các hiệu ứng hoạt hình và các phép biến đổi sinh động.

3 - Khi muốn xem trước và diễn tập bài trình diễn trước khi trình chiếu.

4 - Khi muốn hiển thị bài trình diễn dưới dạng văn bản không có các hình ảnh.

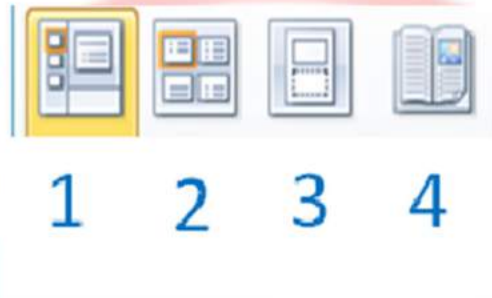
Đáp án: 1

**Câu hỏi 104: (4)** - Trong MS PowerPoint 2010, kiểu hiển thị nào giúp bạn truy cập đến các Slide và Notes?

- 1 - Reading View.
- 2 - Normal View.
- 3 - Notes Page.
- 4 - Slide Shorter.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 105: (5)** - Trong MS PowerPoint 2010, bạn hãy chọn biểu tượng tương ứng với chức năng của nó ở hình sau ?



- 1 - 1-Normal; 2-Slide Sorter; 3-Show View; 4-Reading View.
- 2 - 1-Reading View; 2-Slide Sorter; 3-Show View; 4-Normal.
- 3 - 1-Normal; 2-Slide Sorter; 3-Notes Page; 4-Reading View.
- 4 - 1-Show View; 2-Sorter View; 3-Notes Page; 4-Reading View.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 106: (6)** - Bạn đang làm việc với tệp có tên baitrinhchieu.pptx. Để lưu lại tệp này với tên baithuchanh.pptx, bạn thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - File - Save.
- 2 - File - Save As.
- 3 - File - Close.
- 4 - File - Open.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 107: (7)** - Trong MS PowerPoint 2010, bạn đã tạo 6 Slide và lưu theo số báo danh của mình vào ổ D, bạn chọn lệnh nào sau đây ?

- 1 - File - Chọn Open - tại File name: gõ D:số báo danh - chọn Save.
- 2 - File - Chọn New - tại File name: gõ D:số báo danh - chọn Save.
- 3 - File - Chọn Save As - tại File name: gõ D:số báo danh - chọn Save.
- 4 - File - Chọn Print - tại File name: gõ D:số báo danh - chọn Save.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 108: (8)** - Bạn đang làm việc với MS PowerPoint 2010. Để mở một tệp trình chiếu, bạn sử dụng những cách nào sau đây ? (Chọn 2)

- 1 - File - Recent - chọn tệp được dùng gần đây.
- 2 - File - Open.
- 3 - File - Share.
- 4 - File - Close.

Đáp án: 1,2



**Câu hỏi 109: (9)** - Trong MS PowerPoint, bạn hãy kết nối tên và khái niệm đi kèm trang thuyết trình sao cho đúng ?

- |                     |                      |
|---------------------|----------------------|
| 1 - Title           | a – Tiêu đề          |
| 2 - Layout          | b – Bố cục           |
| 3 - Design template | c – Mẫu thiết kế sẵn |
| 4 - Theme           | d – Chủ đề           |
| 5 - Animation       | e – Hiệu ứng động    |

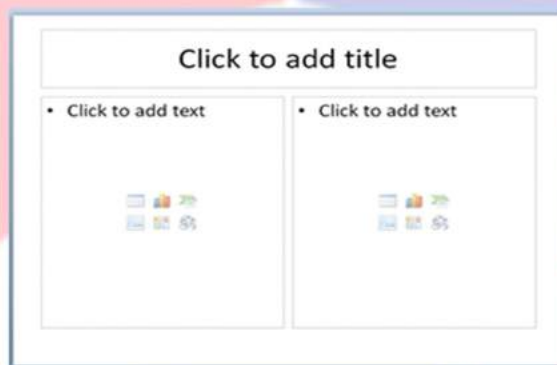
Đáp án: 1-a, 2-b, 3-c, 4-d, 5-e

**Câu hỏi 110: (0)** - Trong MS PowerPoint 2010, điều nào sau đây **KHÔNG** liên quan đến chủ đề (themes)?

- 1 - Image types.
- 2 - Color schemes.
- 3 - Font types.
- 4 - Slide Show.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 111: (1)** - Trong MS PowerPoint 2010, để chèn một slide có bố cục như hình dưới đây, tùy chọn nào sau đây là phù hợp ?



- 1 - Content with Caption.
- 2 - Two Content.
- 3 - Title and Content.
- 4 - Parallel and Heading.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 112: (2)** - Trong MS PowerPoint 2010, làm thế nào để bạn chèn một slide trắng (không có bất kỳ nội dung giữ chỗ) vào một bài thuyết trình ?

- 1 - Sử dụng tổ hợp phím Ctrl + N để chèn một slide mới.
- 2 - Nhấp phải chuột lên bất kỳ bên trong Slide Pane trong bài trình bày và chọn New Slide từ danh sách menu.
- 3 - Nhấp vào biểu tượng New Slide trong nhóm Slides.
- 4 - Lựa chọn Blank từ thư viện New Slide trong nhóm Slides.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 113: (3)** - Trong MS PowerPoint, để sử dụng một mẫu thiết kế định dạng sẵn, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - File - New - From Existing Presentation.

2 - File - New - From AutoContent Wizard.

3 - File - New - Photo Album.

4 - File - New - From Design Template.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 114: (4)**- Tuấn áp dụng chủ đề (themes) được xây dựng trong trình bày của mình, nhưng không thích font chữ trong chủ đề. Anh ấy nên làm gì ?

1 - Chọn một chủ đề khác với một phong chữ mà Tuấn thích hơn.

2 - Chọn tất cả các slide trong bài trình bày và áp dụng một phong chữ mong muốn.

3 - Chọn phong chữ đầu tiên trong bài trình bày và áp dụng cho toàn bài.

4 - Lựa chọn một font mong muốn cho các chủ đề trong danh sách Fonts trong Thư viện Themes.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 115: (5)** - Trong MS PowerPoint 2010, để tạo bài thuyết trình gồm các trang có hình thức trình bày tương tự nhau nhanh chóng, ta sử dụng chức năng nào sau đây ?

1 - Áp dụng chủ đề (theme) cho các slide.

2 - Tạo 1 slide đầu tiên rồi sao chép qua các slide khác và sửa lại.

3 - Slide Master.

4 - Chọn mẫu có sẵn (template).

Đáp án: 3

**Câu hỏi 116: (6)** - Trong MS PowerPoint, khi cần thêm một đối tượng hay thống nhất định dạng chung đối tượng cho tất cả các slide, ta có thể thực hiện các thao tác nào sau đây ?

1 - Transitions.

2 - Slide Master.

3 - Slide Show.

4 - Animations.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 117: (7)** - Trong MS PowerPoint 2010, thao tác nhấp chuột phải lên Slide, chọn Duplicate Slide nhằm mục đích gì ?

1 - Tạo thêm slide mới có cùng thiết kế với slide hiện hành.

2 - Chèn thêm tệp vào bài trình diễn.

3 - Chèn thêm slide không có cùng thiết kế với slide hiện hành.

4 - Tạo thêm bài thuyết trình mới.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 118: (8)** - Trong MS PowerPoint, để tạo một slide giống hệt slide hiện hành mà không phải thiết kế lại, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

1 - Nhấp phải chuột lên slide mẫu, chọn New Slide.

2 - Nhấp phải chuột lên slide mẫu, chọn Duplicate Slide.

3 - Nhấp phải chuột lên slide mẫu, chọn Reset Slide.

4 - Nhấp phải chuột lên slide mẫu, chọn Delete Slide.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 119: (9)** - Trong MS PowerPoint 2010, ta thực hiện thao tác chọn Menu Home - New Slide nhằm mục đích gì ?

1 - Chèn thêm một slide mới vào ngay trước slide hiện hành.



- 2 - Chèn thêm một slide mới vào ngay sau slide hiện hành.
- 3 - Chèn thêm một slide mới vào ngay trước slide đầu tiên.
- 4 - Chèn thêm một slide mới vào ngay trước slide cuối cùng.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 120: (0)** - Trong MS PowerPoint 2010, thao tác nhấp chuột phải lên slide, chọn New slide nhằm mục đích gì ?

- 1 - Chèn thêm slide sau slide hiện hành.
- 2 - Chèn tệp có nội dung là bài thuyết trình hiện hành.
- 3 - Chèn tất cả các slide trong bài thuyết trình đang thiết kế.
- 4 - Chèn tất cả các đối tượng trong slide hiện hành.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 121: (1)** - Trong MS PowerPoint 2010, thao tác nhấp chuột phải lên slide, chọn Delete slide nhằm mục đích gì ?

- 1 - Xóa slide hiện hành.
- 2 - Xóa tập tin có nội dung là bài thuyết trình hiện hành.
- 3 - Xóa tất cả các slide trong bài thuyết trình đang thiết kế.
- 4 - Xóa tất cả các đối tượng trong slide hiện hành.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 122: (2)** - Trong MS PowerPoint, làm thế nào để bạn loại bỏ một slide từ một bài thuyết trình mà không gặp một trở ngại nào ?

- 1 - Bạn chọn slide và nhấn Delete trên bàn phím của bạn.
- 2 - Bạn chọn slide, nhấp chuột phải và chọn Delete.
- 3 - Bạn chọn slide và nhấn vào biểu tượng Cut trong nhóm Clipboard.
- 4 - Nhấn vào nút Undo nằm trên Quick Access Toolbar.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 123: (3)** - Trong MS PowerPoint 2010, thực hiện thao tác chọn Animation - Add Animation nhằm mục đích gì ?

- 1 - Tạo hiệu ứng động cho một đối tượng trong slide.
- 2 - Tạo hiệu ứng chuyển trang cho các slide trong bài trình chiếu.
- 3 - Đưa hình ảnh hoặc âm thanh vào bài trình chiếu.
- 4 - Định dạng cách bố trí các khối văn bản, hình ảnh, đồ thị ... cho một slide.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 124: (4)** - Trong MS PowerPoint 2010, để chủ động chọn thời điểm bắt đầu hiệu ứng chuyển trang, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Transitions - Start : After Previous.
- 2 - Transitions - Start : On Click.
- 3 - Transitions - Start : With Previous.
- 4 - Transitions - Start : On Mouse Click.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 125: (5)** - Trong MS PowerPoint 2010, để tạo hiệu ứng chuyển trang và áp dụng cho tất cả slide, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Transitions - Chọn hiệu ứng - Apply to All.
- 2 - Animation - Chọn hiệu ứng - Apply to All.
- 3 - Slide Setup - Chọn hiệu ứng - Apply to All.

4 - Insert - Chọn hiệu ứng - Apply to All.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 126: (6)** - Trong MS PowerPoint 2010, để định dạng cho một hiệu ứng thực hiện cùng lúc với một hiệu ứng khác trước đó, ở bảng Animation (Animation Pane) ta chọn lệnh nào sau đây ?

- 1 - Start After Previous.
- 2 - Start From Beginning.
- 3 - Start With Previous.
- 4 - Start On Click.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 127: (7)**- Trong MS PowerPoint 2010, để ẩn / hiện bảng danh sách các hiệu ứng đã tạo cho các đối tượng, trong Ribbon Animations, ta chọn lệnh nào sau đây ?

- 1 - Animation Painter.
- 2 - Animation Pane.
- 3 - Reorder Animation.
- 4 - Add Animation.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 128: (8)** - Trong MS PowerPoint 2010, hãy nối tên và khái niệm về các phương án in bài thuyết trình sao cho đúng ?

- |                            |                  |
|----------------------------|------------------|
| 1 - Các trang thuyết trình | a - Slides       |
| 2 - Bản đề phân phát       | b - Handouts     |
| 3 - Trang chú thích        | c – Note pages   |
| 4 - Dàn ý                  | d – Outline view |

Đáp án: 1-a, 2-b, 3-c, 4-d

**Câu hỏi 129: (9)** - Trong MS PowerPoint 2010, khi thiết kế xong một bài thuyết trình, bạn thực hiện nhiều phương án in khác nhau. Phương án: File - Print - Setting - Handouts nhằm in bài thuyết trình ở dạng nào sau đây ?

- 1 - In nhiều (3, 4, 6 hoặc 9) slides trên một trang.
- 2 - In các slide kèm theo phần ghi chú.
- 3 - In các slide dưới dạng dàn ý.
- 4 - In mỗi slide trên một trang.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 130: (0)** - Trong MS PowerPoint 2010, khi thiết kế xong một bài thuyết trình, bạn thực hiện nhiều phương án in khác nhau. Phương án: File - Print - Setting - Notes Pages nhằm in bài thuyết trình ở dạng nào sau đây ?

- 1 - In nhiều (3, 4, 6 hoặc 9) slides trên một trang.
- 2 - In các slide kèm theo phần ghi chú.
- 3 - In các slide dưới dạng dàn ý.
- 4 - In mỗi slide trên một trang.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 131: (1)** - Trong MS PowerPoint 2010, khi thiết kế xong một bài thuyết trình, bạn thực hiện nhiều phương án in khác nhau. Phương án: File - Print - Setting - Outlines nhằm in bài thuyết trình ở dạng nào sau đây ?

- 1 - In nhiều (3, 4, 6 hoặc 9) slides trên một trang.

- 2 - In các slide kèm theo phần ghi chú.
- 3 - In các slide dưới dạng dàn ý.
- 4 - In mỗi slide trên một trang.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 132: (2)** - Trong MS PowerPoint 2010, khi thiết kế xong một bài thuyết trình, bạn thực hiện nhiều phương án in khác nhau. Phương án: File - Print - Setting - Full Page Slides nhằm in bài thuyết trình ở dạng nào sau đây ?

- 1 - In nhiều (3, 4, 6 hoặc 9) slides trên một trang.
- 2 - In các slide kèm theo phần ghi chú.
- 3 - In các slide dưới dạng dàn ý.
- 4 - In mỗi slide trên một trang.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 133: (3)**- Trong MS PowerPoint 2010, khi thiết kế xong một bài thuyết trình, để in mỗi slide trên một trang, bạn thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - File - Print - Setting - Handouts
- 2 - File - Print - Setting - Notes Pages
- 3 - File - Print - Setting - Outlines
- 4 - File - Print - Setting - Full Page Slides.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 134: (4)**- Trong MS PowerPoint 2010, khi thiết kế xong một bài thuyết trình, để in nhiều (3, 4, 6 hoặc 9) slides trên một trang., bạn thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - File - Print - Setting - Handouts
- 2 - File - Print - Setting - Notes Pages
- 3 - File - Print - Setting - Outlines
- 4 - File - Print - Setting - Full Page Slides.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 135: (5)** - Trong MS PowerPoint 2010, khi thiết kế xong một bài thuyết trình, để in các slide kèm theo phần ghi chú, bạn thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - File - Print - Setting - Handouts
- 2 - File - Print - Setting - Notes Pages
- 3 - File - Print - Setting - Outlines
- 4 - File - Print - Setting - Full Page Slides.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 136: (6)**- Trong MS PowerPoint 2010, khi thiết kế xong một bài thuyết trình, để in các slide dưới dạng dàn ý, bạn thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - File - Print - Setting - Handouts
- 2 - File - Print - Setting - Notes Pages
- 3 - File - Print - Setting - Outlines
- 4 - File - Print - Setting - Full Page Slides.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 137: (7)** - Trong MS PowerPoint 2010, để thiết lập các cài đặt trình chiếu trang, ta thực hiện thao tác nào sau đây ?

- 1 - Slide Show - Set Up Slide Show.
- 2 - Setup Slide Show - Set Up Slide Show.

3 - Setup Slide - Set Up Slide Show.

4 - Setup Show - Set Up Slide Show.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 138: (8)** - Trong MS PowerPoint 2010, đang trình chiếu một bài thuyết trình, để dừng trình chiếu, ta chọn biểu tượng chữ nhật phía dưới trái màn hình và chọn lệnh nào sau đây ?

1 - End Show.

2 - Help.

3 - Next.

4 - Screen.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 139: (9)** - Trong MS PowerPoint 2010, đang trình chiếu một bài thuyết trình, để di chuyển đến một slide nào đó, ta chọn biểu tượng chữ nhật phía dưới trái màn hình và chọn lệnh nào sau đây ?

1 - End Show.

2 - Go to slide

3 - Next.

4 - Screen.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 140: (0)** - Trong MS PowerPoint 2010, đang trình chiếu một bài thuyết trình, để xuất hiện màn hình đen, ta chọn biểu tượng chữ nhật phía dưới trái màn hình và chọn lệnh nào sau đây ?

1 - End Show.

2 - Help.

3 - Next.

4 - Black Screen.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 141: (1)** - Trong MS PowerPoint 2010, đang trình chiếu một bài thuyết trình, để chuyển về slide trước đó, ta chọn biểu tượng chữ nhật phía dưới trái màn hình và chọn lệnh nào sau đây ?

1 - End Show.

2 - Previous.

3 - Next.

4 - Screen.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 143: (3)** - Trong MS PowerPoint 2010, đang trình chiếu một bài thuyết trình, để chuyển về slide sau, ta chọn biểu tượng chữ nhật phía dưới trái màn hình và chọn lệnh nào sau đây ?

1 - End Show.

2 - Help.

3 - Next.

4 - Screen.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 144: (4)** - Trong MS PowerPoint 2010, đang trình chiếu một bài thuyết trình, để chuyển về slide vừa xem, ta chọn biểu tượng chữ nhật phía dưới trái màn

hình và chọn lệnh nào sau đây ?

- 1 - End Show.
- 2 - Last viewed
- 3 - Next.
- 4 - Go to slide.

Đáp án: 2



## MÔ-ĐUN IU06 –SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN

**Câu hỏi 1:** ( Internet có những ứng dụng chính nào ? (Chọn 3)

- 1 - Thiết kế chương trình tin nhắn tức thời.
- 2 - Truyền thông - liên lạc.
- 3 - Tra cứu và cung cấp thông tin.
- 4 - Làm việc và kinh doanh trực tuyến.
- 5 - Giảm cước phí điện thoại cho khách hàng.

Đáp án: 2,3,4

**Câu hỏi 2:** ( WWW là viết tắt của cụm từ tiếng Anh nào ?

- 1 - World Wide Wed
- 2 - World Wide Web
- 3 - World Wild Wed
- 4 - Word Wide Web

Đáp án: 2

**Câu hỏi 3:** ( Trong một URL, phần định danh giao thức (Protocol Identifier) và tên tài nguyên (Resource name) được phân biệt bởi ký hiệu nào ?

- 1 - Dấu hai chấm (:).
- 2 - Dấu hai chấm và hai dấu gạch chéo (://).
- 3 - Hai dấu gạch chéo (//).
- 4 - Dấu chấm (.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 4:** ( Mozilla Firefox, Google Chrome, Internet Explorer, Opera, Cốc Cốc v.v là tên gọi của các .....?

- 1 - ứng dụng thư điện tử
- 2 - giao thức Internet
- 3 - phần mềm trình duyệt web
- 4 - trang thông tin điện tử (Website)

Đáp án: 3

**Câu hỏi 5:** ( Hãy chỉ ra các bộ máy tìm kiếm (search engine) phổ biến ? (Chọn 3)

- 1 - Bing.
- 2 - Yahoo.
- 3 - Google.
- 4 - Skype
- 5 - Youtube

Đáp án: 1,2,3

**Câu hỏi 6:** ( Những phát biểu nào sau đây là đúng đối với bộ máy tìm kiếm (search engine) trên Internet ? (Chọn 2)

- 1 - Nó là một chương trình nằm trên máy tính của bạn.
- 2 - Tất cả các trang hiện có trên web đều chứa bộ máy tìm kiếm trong cơ sở dữ liệu của nó.
- 3 - Tất cả các trang được chỉ ra bởi bộ máy tìm kiếm đều có liên quan với chủ đề tìm kiếm.
- 4 - Nó cho phép người dùng tùy chọn các chức năng nâng cao để tinh chỉnh việc tìm kiếm.
- 5 - Nó là một trang Internet cho phép thực hiện việc tìm kiếm của World Wide Web.



Đáp án: 4,5

**Câu hỏi 7:** ( Khi tham gia vào cộng đồng mạng và hoạt động trực tuyến, bạn có thể gặp một số rủi ro nào ? (Chọn 3)

- 1 - Vô ý tiết lộ thông tin cá nhân.
- 2 - Chia sẻ thông tin.
- 3 - Bị quấy rầy.
- 4 - Bị lợi dụng.
- 5 - Bị chấn thương cá nhân (đau tay, vai, mắt ...).

Đáp án: 1,3,4

**Câu hỏi 8:** ( Thông tin nào sẽ ảnh hưởng ít nhất đến sự riêng tư cá nhân của bạn nếu bạn đăng tải thông tin đó trên 1 diễn đàn trực tuyến ?

- 1 - Tên của bạn.
- 2 - Địa chỉ e-mail.
- 3 - Đường dẫn đến các trang web bạn thích.
- 4 - Thành phố nơi bạn sinh ra.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 9:** ( Để quản lý các tài nguyên mạng và giữ cho mạng bảo mật, các nhà quản trị mạng thường sử dụng quá trình xác thực và điều khiển truy cập. Vậy phương pháp xác thực đơn giản nhất là gì ?

- 1 - Sử dụng tên người dùng và mật khẩu.
- 2 - Thiết lập tường lửa cá nhân.
- 3 - Sử dụng hệ thống các tên miền.
- 4 - Xây dựng các chuẩn truyền thông điện tử.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 10:** - Giao thức (protocol) nào cho phép trình duyệt web an toàn trên Internet ?

- 1 - Giao thức HTTPS.
- 2 - Giao thức DNS.
- 3 - Giao thức URL.
- 4 - Giao thức HTTP.
- 5 - Giao thức TCP/IP.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 11:** - Những dấu hiệu nào giúp nhận biết rằng bạn đang nằm trong trang web bảo mật hoặc vùng bảo mật của trang web để có thể thực hiện một giao dịch tài chính ? (Chọn 2)

- 1 - Bạn nhìn thấy trên địa chỉ URL có dấu hai chấm và hai dấu gạch chéo (://).
- 2 - Bạn nhìn thấy địa chỉ URL bắt đầu bằng "HTTPS".
- 3 - Bạn nhìn thấy trang web hiển thị một biểu tượng khóa và nó được kích hoạt.
- 4 - Bạn nhìn thấy trên địa chỉ URL có www.

Đáp án: 2,3

**Câu hỏi 12:** - Những giải pháp nào có thể kiểm soát và hạn chế việc sử dụng Internet của các con bạn trong gia đình ? (Chọn 2)

- 1 - Tạo một tài khoản đăng nhập cho trẻ trên máy tính với chức năng hạn chế.
- 2 - Cài đặt phần mềm diệt virus có bản quyền.

3 - Thiết lập bộ chặn hoặc lọc dữ liệu để điều khiển loại thông tin hoặc lượng thông tin có thể được xem.

4 - Thiết lập mạng LAN đối với các máy tính trong gia đình.

Đáp án: 1,3

**Câu hỏi 13:** - Thao tác nào sau đây dùng để mở trình duyệt web Google Chrome ?

1 - Nhấp đúp chuột vào biểu tượng Google Chrome trên màn hình nền Desktop.

2 - Nhấp phải chuột vào biểu tượng Google Chrome trên màn hình nền Desktop.

3 - Nhấp trái chuột vào biểu tượng Google Chrome trên màn hình nền Desktop.

4 - Nhấp phải chuột vào biểu tượng Google Chrome trên thanh tác vụ Taskbar.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 14:** - Tổ hợp phím nào sau đây dùng để đóng trình duyệt web Firefox ?

1 - Ctrl + C.

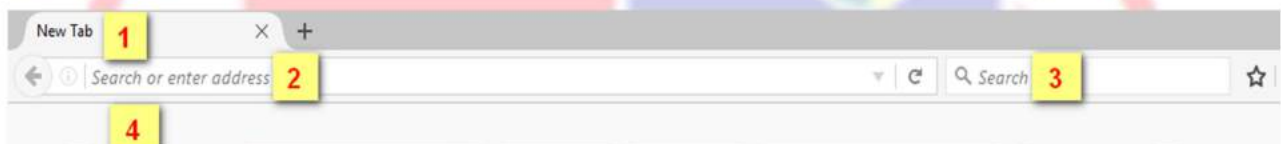
2 - Ctrl + V.

3 - Ctrl + X.

4 - Alt + F4.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 15:** - Để truy cập trang web của Google, bạn nhập URL [www.google.com](http://www.google.com) vào vị trí nào ?



1 - Vị trí số 1

2 - Vị trí số 2

3 - Vị trí số 3

4 - Vị trí số 4

Đáp án: 2

**Câu hỏi 16:** - Để truy cập trực tiếp trang web "Tuổi trẻ online", bạn thực hiện lần lượt những thao tác nào ?

1 - Mở trình duyệt web và nhập URL <http://tuoitre.vn/> vào thanh địa chỉ.

2 - Mở trình duyệt web, nhập từ khóa "Tuổi trẻ online" vào thanh địa chỉ và nhấn phím Enter.

3 - Mở trình duyệt web, nhập URL <http://tuoitre.vn/> vào thanh địa chỉ và nhấn phím Enter.

4 - Mở trình duyệt web và nhập từ khóa "Tuổi trẻ online" vào thanh địa chỉ.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 17:** - Bạn đang xem trang Wikipedia trên trình duyệt Firefox. Để tạo một thẻ (tab) mới, bạn có thể thực hiện những thao tác nào ? (Chọn 2)

1 - Copy địa chỉ URL và nhấn Enter.

2 - Nhấn tổ hợp phím Ctrl + T.

3 - Nhấp chuột vào nút New tab (biểu tượng hình dấu +).

4 - Copy địa chỉ URL, dán vào ô tìm kiếm và nhấn Enter.

Đáp án: 2, 3



**Câu hỏi 18:** - Bạn đang đọc trang Thanh Niên (<http://thanhnien.vn/>) trên trình duyệt Google Chrome. Để thêm một cửa sổ mới của trình duyệt này, bạn có thể thực hiện thao tác nào ?

- 1 - Nhấn tổ hợp phím Ctrl + N.
- 2 - Nhấn tổ hợp phím Ctrl + T.
- 3 - Nhấn tổ hợp phím Ctrl + C.
- 4 - Nhấn tổ hợp phím Ctrl + V.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 19:** - Phương pháp nào nhanh nhất cho phép bạn xem hai hay nhiều website trên trình duyệt web của bạn ?

- 1 - Bắt đầu một phiên làm việc khác trên trình duyệt.
- 2 - Thiết lập một màn hình riêng rẽ để mở một cửa sổ mới cho trình duyệt web.
- 3 - Mở một thẻ mới và nhập địa chỉ của website.
- 4 - Nhập địa chỉ mới của website vào thanh địa chỉ trên trang hiện tại.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 20:** - Bạn đang đọc trang Thanh Niên (<http://thanhnien.vn/>) trên trình duyệt Google Chrome nhưng hình ảnh hiển thị không tốt. Để tải lại trang web này, bạn nhấp chuột vào biểu tượng ở vị trí nào ?



- 1 - Biểu tượng ← ở vị trí số 1.
- 2 - Biểu tượng → ở vị trí số 2.
- 3 - Biểu tượng ở vị trí số 3.
- 4 - Biểu tượng + ở vị trí số 4.

Đáp án: 3

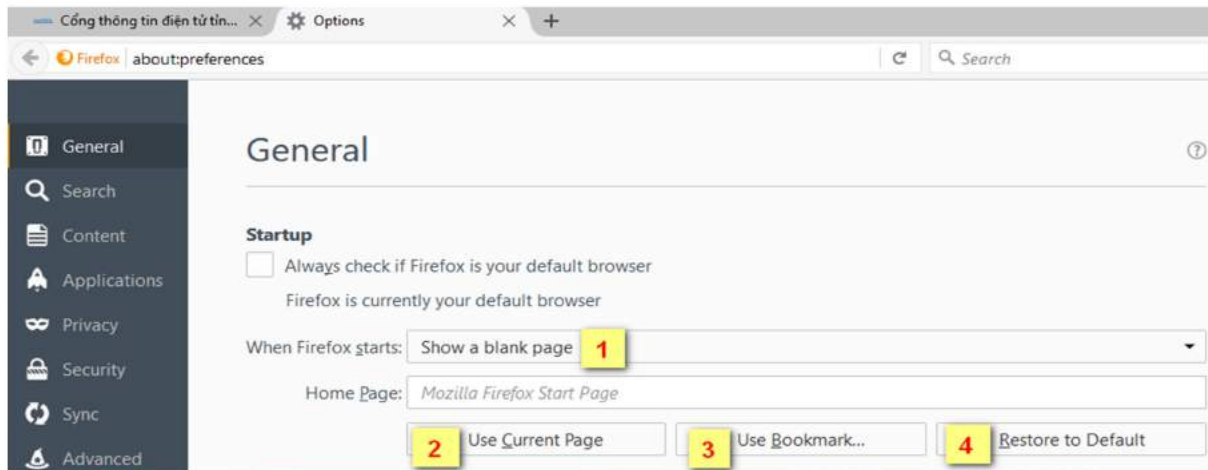
**Câu hỏi 21:** - Bạn nhập URL <http://thanhnien.vn/> trên thanh địa chỉ của trình duyệt Google Chrome nhưng muốn dừng tải trang. Bạn nhấp chuột vào biểu tượng ở vị trí nào ?



- 1 - Biểu tượng ← ở vị trí số 1.
- 2 - Biểu tượng → ở vị trí số 2.
- 3 - Biểu tượng + ở vị trí số 3.
- 4 - Biểu tượng X ở vị trí số 4.

Đáp án: 4

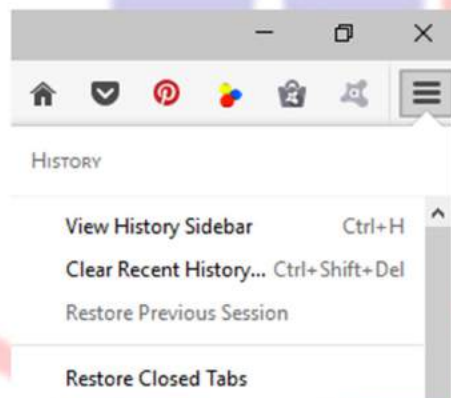
**Câu hỏi 22:** - Bạn đang xem trang <https://www.ttnnth.daknong.edu.vn> trên Firefox. Để đặt đây là trang chủ (Home) cho Firefox ở những lần mở sau, bạn mở mục Options của Firefox và sẽ chọn nút ở vị trí nào ?



- 1 - Nút "Show a blank page" ở vị trí số 1
- 2 - Nút "Use Current Page" ở vị trí số 2.
- 3 - Nút "Use Bookmark" ở vị trí số 3.
- 4 - Nút "Restore to Default" ở vị trí số 4.

Đáp án: 2

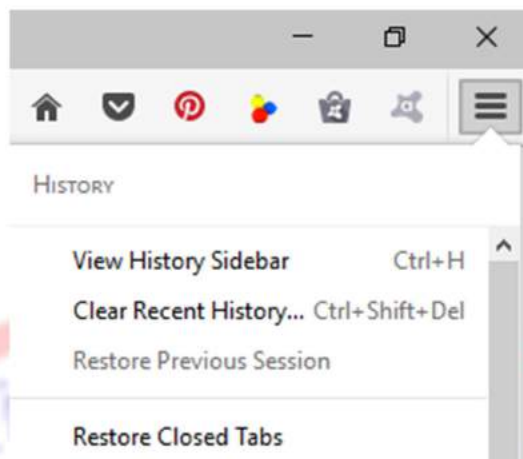
**Câu hỏi 23:** - Bạn đang mở phần lịch sử duyệt web (history) của bạn trên Firefox. Để xóa lịch sử duyệt web gần đây, bạn chọn dòng lệnh nào ?



- 1 - View History Sidebar.
- 2 - Clear Recent History.
- 3 - Restore Previous Session.
- 4 - Restore Closed Tabs.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 24:** - Bạn đang mở phần lịch sử duyệt web (history) của bạn trên Firefox. Để mở các tabs vừa đóng, bạn chọn dòng lệnh nào ?



- 1 - View History Sidebar.
- 2 - Clear Recent History.
- 3 - Restore Previous Session.
- 4 - Restore Closed Tabs.

Đáp án: 4

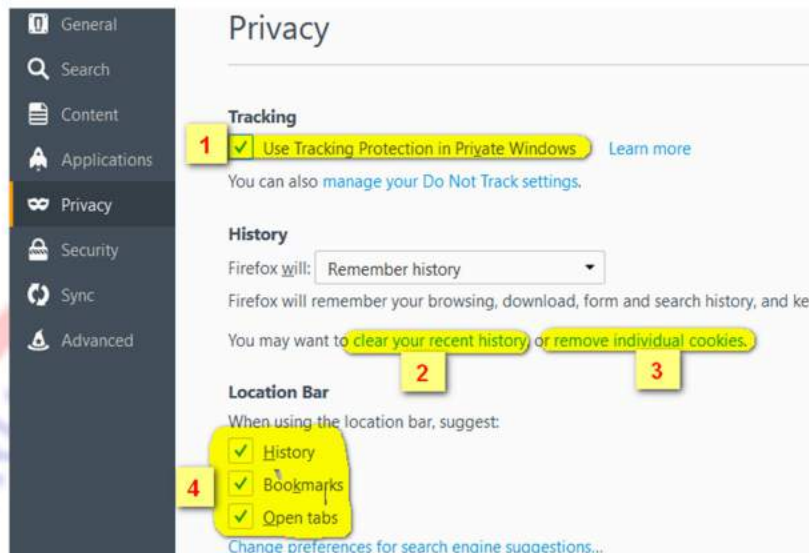
**Câu hỏi 25:** - Phát biểu nào về khái niệm cửa sổ bật ra (Pop-up) là **SAI** ?

- 1 - Đây là cửa sổ xuất hiện trên màn hình máy tính sau một thao tác của người sử dụng.
- 2 - Đây là phần cứng máy tính xuất hiện sau một thao tác của người sử dụng.
- 3 - Đây là cửa sổ xuất hiện trên màn hình máy tính sau một thao tác của người sử dụng bấm chọn vào một siêu liên kết.
- 4 - Người sử dụng có thể thiết lập khóa (không cho phép hiển thị) đối với các pop-up.

Đáp án: 2



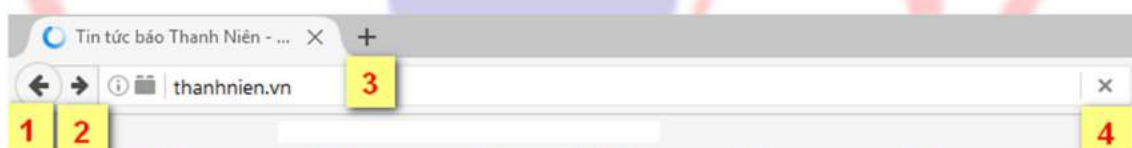
**Câu hỏi 26:** - Cookie là mẫu văn bản được lưu trữ trong ổ cứng lưu vết hoạt động của trình duyệt web, địa chỉ trang web bạn ghé thăm và có thể chứa thông tin cá nhân của bạn. Để xóa cookie, bạn vào mục Options của trình duyệt web và thực hiện thao tác nào sau đây ?



- 1 - Lựa chọn 1: Tích chọn "Use Tracking Protection in Private Windows".
- 2 - Lựa chọn 2: Nhấn siêu liên kết "clear your recent history".
- 3 - Lựa chọn 3: Nhấn siêu liên kết "remove individual cookies".
- 4 - Lựa chọn 4: Hủy chọn các mục History, Bookmarks, Open tabs.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 27:** - Bạn đang xem trang Tuổi trẻ Online và đã nhấp mở nhiều bài báo trên trang để xem. Bạn muốn quay lại xem một bài trước đó. Bạn nhấp chuột vào biểu tượng ở vị trí nào ?



- 1 - Biểu tượng ← ở vị trí số 1.
- 2 - Biểu tượng → ở vị trí số 2.
- 3 - Biểu tượng + ở vị trí số 3.
- 4 - Biểu tượng X ở vị trí số 4.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 28:** - Hai ngày trước bạn đã truy cập đến một trang web có công thức làm bánh mà bạn muốn thử làm nhưng hiện giờ bạn không nhớ URL. Phương pháp nhanh nhất bạn nên chọn là gì ?

- 1 - Mở trình duyệt web và thực hiện tìm kiếm với hy vọng sẽ tìm thấy lại công thức làm bánh một lần nữa.
- 2 - Nhấp chuột vào nút Back của trình duyệt cho đến khi bạn quay trở về đúng trang muốn tìm.

- 3 - Nhấp chuột vào nút Refresh của trình duyệt web.
  - 4 - Mở Options của trình duyệt web và tìm kiếm URL trong History.
- Đáp án: 4

**Câu hỏi 29:** - Cách nào nhanh nhất để bạn mở một siêu liên kết trong một thẻ (tab) mới trên Firefox ?

- 1 - Nhấp trái chuột vào siêu liên kết.
  - 2 - Nhấp đúp chuột vào siêu liên kết.
  - 3 - Nhấp phải chuột vào siêu liên kết và chọn "Open Link in New Tab".
  - 4 - Nhấp phải chuột vào siêu liên kết và chọn "Open Link in New Windows".
- Đáp án: 3

**Câu hỏi 30:** - Cách nào nhanh nhất để bạn mở một siêu liên kết trong một trang mới trên Firefox ?

- 1 - Nhấp trái chuột vào siêu liên kết.
  - 2 - Nhấp đúp chuột vào siêu liên kết.
  - 3 - Nhấp phải chuột vào siêu liên kết và chọn "Open Link in New Tab".
  - 4 - Nhấp phải chuột vào siêu liên kết và chọn "Open Link in New Windows".
- Đáp án: 4

**Câu hỏi 31:** - Những cách nào nhanh nhất để bạn trở về trang chủ ở hình sau ? (Chọn 2)



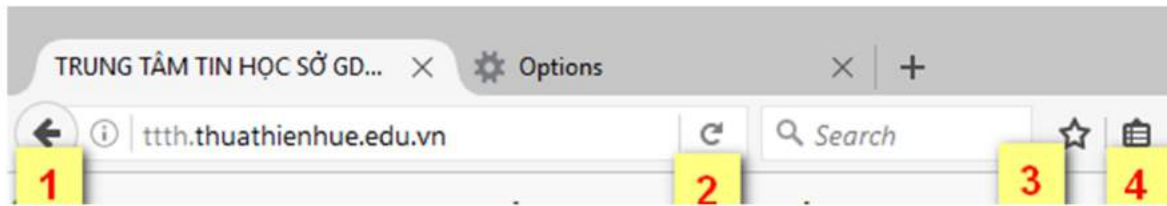
- 1 - Nhấp chuột vào dòng chữ "Trang chủ".
  - 2 - Nhấp chuột vào biểu tượng đầu tiên của thanh menu (có hình ngôi nhà).
  - 3 - Bấm nút Back của trình duyệt web nhiều lần cho đến khi về trang chủ.
  - 4 - Bấm nút Refresh của trình duyệt web.
- Đáp án: 1

**Câu hỏi 32:** - Để lưu một siêu liên kết trên trang web vào danh sách các mục yêu thích của mình, bạn nhấp phải chuột vào siêu liên kết và chọn ....

- 1 - Bookmark This Link.
  - 2 - Save Link As...
  - 3 - Save Link to Pocket.
  - 4 - Copy Link to.
- Đáp án: 1



**Câu hỏi 33:** - Để đánh dấu một trang vào danh sách sách các trang web yêu thích trên Firefox, bạn nhấp chọn biểu tượng ở vị trí nào ?



- 1 - Biểu tượng ở vị trí số 1.
- 2 - Biểu tượng ở vị trí số 2.
- 3 - Biểu tượng ở vị trí số 3.
- 4 - Biểu tượng ở vị trí số 4.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 34:** - Phát biểu nào là đúng cho khái niệm và công dụng của biểu mẫu (form) trên trang web ?

1 - Đây là một loại giao diện chứa các điều khiển được sử dụng để thu thập thông tin từ người dùng và cung cấp một số tương tác dữ liệu trong trang web động.

2 - Đây là một giao diện trên trang web (webpage) cho phép hiển thị các thông tin gửi đến máy chủ.

3 - Đây là cửa sổ xuất hiện trên màn hình máy tính sau một thao tác của người sử dụng bấm chọn vào một siêu liên kết.

4 - Nó là một trang Internet cho phép thực hiện việc tìm kiếm của World Wide Web.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 35:** - Biểu mẫu trên web (form) sử dụng các loại điều khiển nào ? (Chọn 3)

- 1 - Hộp văn bản (text box).
- 2 - Hộp danh sách (list box).
- 3 - Hộp kiểm tra (check box).
- 4 - Hộp công cụ (tools box)
- 5 - Hộp thư điện tử (e-mail box).

Đáp án: 1,2,3

**Câu hỏi 36:** - Đối với một biểu mẫu trên web, hộp văn bản (text box) cho phép thực hiện hoạt động gì ?

- 1 - Chọn nhiều tùy chọn.
- 2 - Nhập ký tự.
- 3 - Chọn duy nhất một tùy chọn.
- 4 - Chuyển biểu mẫu đến vị trí được xác định.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 37:** - Đối với một biểu mẫu trên web, nút bấm (radio button) cho phép thực hiện hoạt động gì ?

- 1 - Chọn nhiều tùy chọn.
- 2 - Nhập ký tự.
- 3 - Chọn duy nhất một tùy chọn.
- 4 - Chuyển biểu mẫu đến vị trí được xác định.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 38:** - Khi người dùng nhấp vào nút điều khiển này, biểu mẫu trên web được chuyển đến vị trí được xác định. Đó là nút điều khiển nào ?

- 1 - Nút Submit.
- 2 - Nút Reset.
- 3 - Nút bấm (radio button).
- 4 - Hộp danh sách (list box).

Đáp án: 1

**Câu hỏi 39:** - Khi người dùng nhấp vào nút này, các giá trị của tất cả các điều khiển được tái thiết lập trở về giá trị ban đầu, được xác định trong các giá trị thuộc tính của chúng. Đó là nút điều khiển nào ?

- 1 - Nút Submit.
- 2 - Nút Reset.
- 3 - Nút bấm (radio button).
- 4 - Hộp danh sách (list box).

Đáp án: 2

**Câu hỏi 40:** - Các bộ máy tìm kiếm (search engine) như Coccoc, Google, Bing ... thực hiện các tác vụ cơ bản nào ? (Chọn 3)

- 1 - Tìm kiếm Internet dựa trên tiêu chí đã nhập.
- 2 - Giữ chỉ mục của các từ đã được tìm thấy.
- 3 - Hiện thị vị trí để tìm kiếm thông tin được lưu trữ trong các chỉ mục.
- 4 - Chuyển biểu mẫu đến vị trí được xác định.
- 5 - Thu thập thông tin từ người dùng và cung cấp một số tương tác dữ liệu trong trang web động.

Đáp án: 1,2,3

**Câu hỏi 41:** - Nếu bạn sử dụng cụm từ làm thuật ngữ tìm kiếm (ví dụ: "món ngon Việt Nam"), bộ máy tìm kiếm sẽ thông dịch khoảng trống giữa mỗi từ trong cụm từ thành toán tử nào ?

- 1 - NEAR
- 2 - AND
- 3 - OR
- 4 - NOT

Đáp án: 2

**Câu hỏi 42:** - Các toán tử phổ biến nào bạn có thể sử dụng để thu hẹp phạm vi tìm kiếm ? (Chọn 3)

- 1 - WITH
- 2 - AND
- 3 - OR
- 4 - NOT

Đáp án: 2,3,4

**Câu hỏi 43:** - Để thu hẹp thông tin về "những con đường đi bộ đường dài" nhưng không nhắc đến "Alaska", bạn sử dụng toán tử nào ?

- 1 - NOT
- 2 - AND

3 - OR

4 - OR NOT

Đáp án: 1

**Câu hỏi 44:** - Trang web nào phổ biến giúp bạn tìm kiếm nhanh các nội dung video ?

1 - wikipedia.org

2 - youtube.com

3 - nhaccuatui.com

4 - webtruyen.com

Đáp án: 2

**Câu hỏi 45:** - Website nào sau đây được xem là website bách khoa toàn thư ?

1 - wikipedia.org

2 - translate.google.com

3 - tratu.soha.vn

4 - oxfordlearnersdictionaries.com

Đáp án: 1

**Câu hỏi 46:** - Để lưu một hình ảnh từ trang web, bạn lần lượt thực hiện các thao tác nào ?

1 - Nhấp phải chuột vào hình ảnh → Copy image.

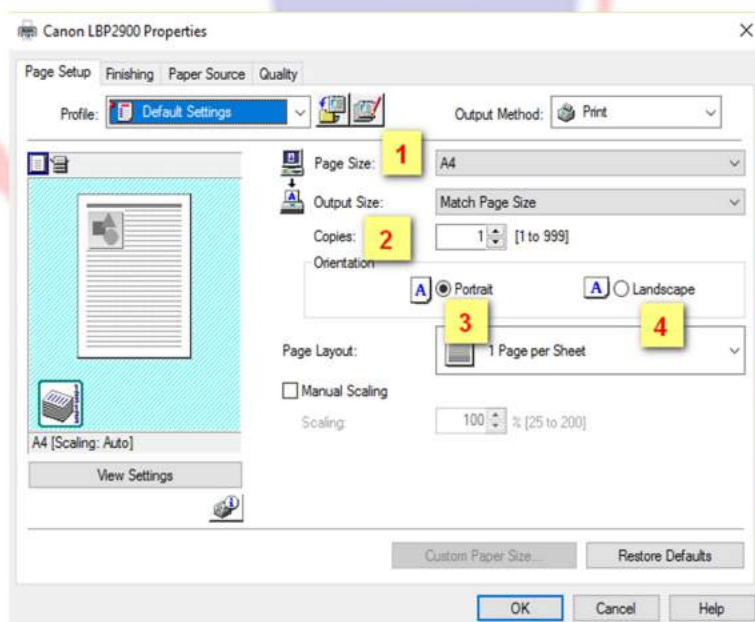
2 - Nhấp phải chuột vào hình ảnh → Copy image address.

3 - Nhấp phải chuột vào hình ảnh → Save image as ...

4 - Nhấp phải chuột vào hình ảnh → Open image in new tab.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 47:** - Để ra lệnh in trang web theo hướng ngang, bạn chọn phương án nào trong hình sau ?



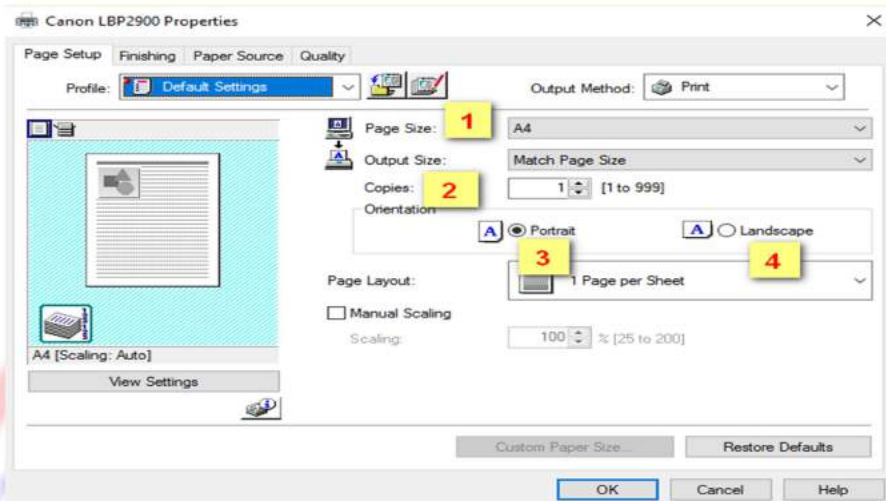
1 - Phương án số 1: Page Size - chọn "A4".

2 - Phương án số 2: Copies - nhập số "1".



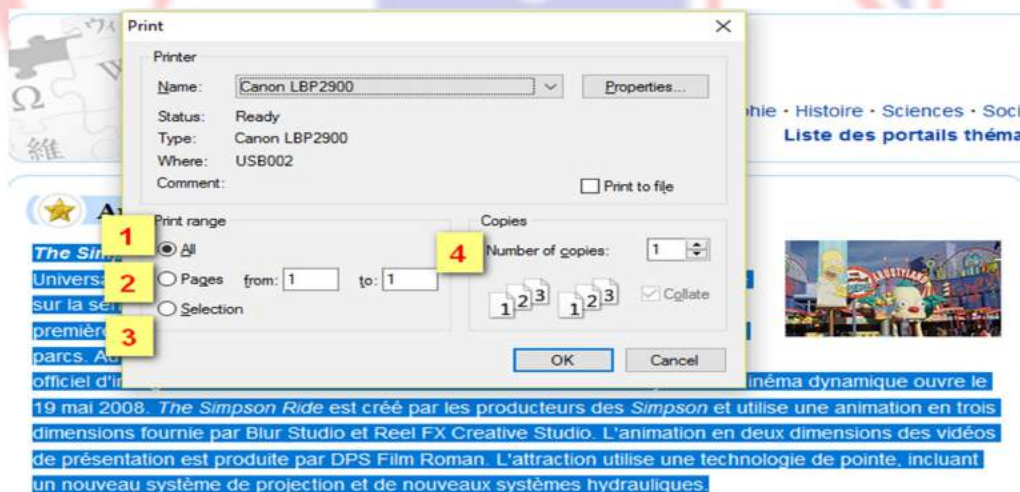
- 3 - Phương án số 3: Tích chọn "Portrait".
  - 4 - Phương án số 4: Tích chọn "Landscape".
- Đáp án: 4

**Câu hỏi 48:** - Để ra lệnh in trang web theo hướng dọc thành 2 bản, bạn chọn phương án nào trong hình sau ?



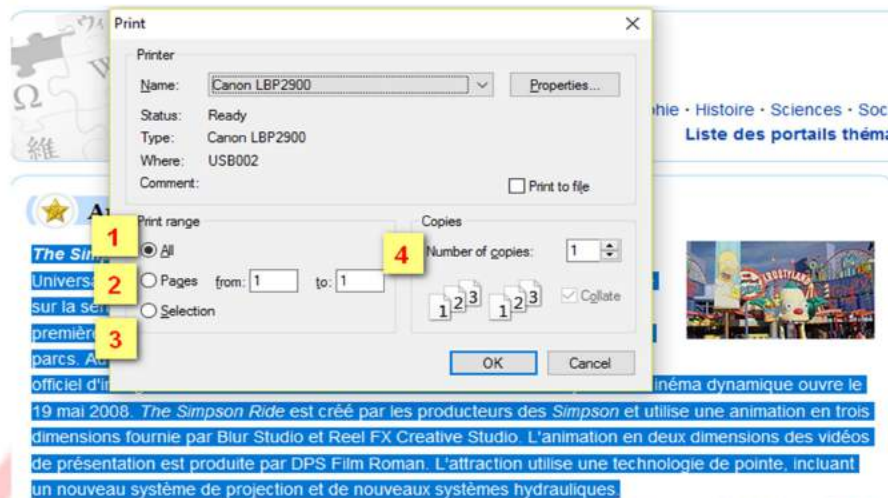
- 1 - Phương án số 1: Page Size - chọn "A4" và phương án số 2: Copies - nhập số "2".
  - 2 - Phương án số 2: Copies - nhập số "1".
  - 3 - Phương án số 3: Tích chọn "Portrait" và phương án số 2: Copies - nhập số "2".
  - 4 - Phương án số 4: Tích chọn "Landscape" và phương án số 2: Copies - nhập số "2".
- Đáp án: 3

**Câu hỏi 49:** - Để ra lệnh chỉ in phần văn bản được chọn, bạn chọn phương án nào trong hình sau ?



- 1 - Phương án số 1: Tích chọn "All".
  - 2 - Phương án số 2: Tích chọn "Pages from ... to ..." (và nhập số trang tương ứng).
  - 3 - Phương án số 3: Tích chọn "Selection"
  - 4 - Phương án số 4: "Number of copies" và nhập số tương ứng.
- Đáp án: 3

**Câu hỏi 50:** - Đề ra lệnh in toàn bộ văn bản thành 2 bản, bạn chọn phương án nào trong hình sau ?



1 - Phương án số 1: Tích chọn "All" và sau phần phương án số 4 "Number of copies" - nhập số 2.

2 - Phương án số 2: Tích chọn và nhập số "Pages from 1 to 2".

3 - Phương án số 3: Tích chọn "Selection" và sau phần phương án số 4 "Number of copies" - nhập số 2.

4 - Phương án số 4: Tích chọn và nhập số "Pages from 1 to 2" và sau phần phương án số 4 "Number of copies" - nhập số 2.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 51:** - Những địa chỉ email nào sau đây là đúng ? (Chọn 2)

- 1 - trungtamtinhoc.com
- 2 - trungtamtinhoc@gmail.com
- 3 - www.trungtamtinhoc.gmail.com
- 4 - trungtamtinhoc@edu.vn
- 5 - http://trungtamtinhoc.edu.vn

Đáp án: 2,4

**Câu hỏi 52:** - Thư rác đề cập đến điều gì ?

- 1 - Bản tin từ các công ty mà bạn đã đăng ký để nhận thư.
- 2 - Những bản tin không mong muốn để quảng bá sản phẩm, dịch vụ ...
- 3 - Hình ảnh trong bản tin từ những người bạn.
- 4 - Vi rút trong một bản tin.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 53:** - Làm sao để đánh dấu một e-mail là spam ?

- 1 - Chọn e-mail và nhấn vào nút lệnh "Report Spam".
- 2 - Chọn vào nút lệnh "Spam".
- 3 - Vào "Spam" và chọn e-mail trong mục đó.
- 4 - Chọn e-mail và chọn nút lệnh "Spam".

Đáp án: 1



**Câu hỏi 54:** - Nêu các bước để vào xem một mail ? (1. Nhập tên đăng nhập và mật khẩu, 2. Gõ địa chỉ trang web của mail, 3. Nháy chuột vào "Đăng nhập", 4. Nháy chuột vào mail muốn xem.)

- 1 - Thứ tự các bước là: 1, 2, 3, 4.
- 2 - Thứ tự các bước là: 2, 1, 3, 4.
- 3 - Thứ tự các bước là: 1, 3, 2, 4.
- 4 - Thứ tự các bước là: 2, 3, 1, 4.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 55:** - Khi soạn thảo thư điện tử, các trường "To, Cc, Bcc, Subject" có nghĩa là gì ?

- 1 - To: Người nhận; Cc: Đồng gửi; Bcc: Đồng gửi không hiển thị; Subject: Chủ đề
- 2 - To: Người gửi; Cc: Đồng gửi; Bcc: Đồng gửi không hiển thị; Subject: Chủ đề
- 3 - To: Chủ đề; Cc: Đồng gửi; Bcc: Đồng gửi không hiển thị; Subject: Người gửi
- 4 - To: Người nhận; Cc: Đồng gửi; Bcc: Đồng gửi không hiển thị; Subject: Người gửi

Đáp án: 1

**Câu hỏi 56:** - Trong phần mềm thư điện tử Gmail.com, sau khi đăng nhập, bạn thực hiện thao tác gì để viết một thư điện tử mới ?

- 1 - Chọn vào nút lệnh "Quan trọng - Important".
- 2 - Chọn vào nút lệnh "Thư đã gửi - Sent".
- 3 - Chọn vào nút lệnh "Soạn - Compose".
- 4 - Chọn vào nút lệnh "Hộp thư đến - Inbox".

Đáp án: 3

**Câu hỏi 57:** - Để đính kèm trực tiếp một tệp theo thư, bạn nhấp chọn biểu tượng nào trong hình ?



- 1 - Biểu tượng số 1.
- 2 - Biểu tượng số 2.
- 3 - Biểu tượng số 3
- 4 - Biểu tượng số 4.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 58:** - Trong hộp thư Gmail, để xem những thư nháp đã được lưu, bạn phải làm như thế nào?

- 1 - Nháy chuột vào nút lệnh "Hộp thư đến - Inbox".
- 2 - Nháy chuột vào nút lệnh "Thư rác - Trash".
- 3 - Nháy chuột vào nút lệnh "Thư nháp - Drafts".
- 4 - Nháy chuột vào nút lệnh "Soạn - Compose".

Đáp án: 3

**Câu hỏi 59:** - Muốn trả lời lại một e-mail vừa gửi tới, bạn phải làm thế nào ?

- 1 - Chọn vào nút lệnh "Chuyển tiếp - Forward".

- 2 - Chọn vào nút lệnh "Trả lời - Reply".
- 3 - Chọn vào nút lệnh "Soạn - Compose".
- 4 - Chọn vào nút lệnh "Gửi - Send".

Đáp án: 2

**Câu hỏi 60:** - Khi trả lời thư điện tử, các chức năng "Reply, Reply to all, Forward" có nghĩa là gì ?

- 1 - Reply: Trả lời; Reply to all: Trả lời tất cả; Forward: Chuyển tiếp thư điện tử.
- 2 - Reply: Trả lời tất cả; Reply to all: Trả lời ; Forward: Chuyển tiếp thư điện tử.
- 3 - Reply: Chuyển tiếp thư điện tử; Reply to all: Trả lời tất cả; Forward: Trả lời.
- 4 - Reply: Trả lời; Reply to all: Chuyển tiếp thư điện tử; Forward: Trả lời tất cả.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 61:** - Để tìm nhanh thư điện tử đã nhận, ta có thể sử dụng từ khóa tìm kiếm nào sau đây ?

- 1 - Theo người gửi, chủ đề, ngày nhận.
- 2 - Theo người nhận.
- 3 - Theo ngày gửi.
- 4 - Theo địa chỉ trang web.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 62:** - Trong hộp thư Gmail, để xem những thư đã bị xóa vào thùng rác, bạn phải làm sao ?

- 1 - Nháy chuột vào nút lệnh "Thùng rác - Recycle Bin".
- 2 - Nháy chuột vào nút lệnh "Thư rác - Trash".
- 3 - Nháy chuột vào nút lệnh "Thư nháp - Drafts".
- 4 - Nháy chuột vào nút lệnh "Soạn - Compose".

Đáp án: 2

**Câu hỏi 63:** - Bạn đang sử dụng hộp thư Gmail, làm thế nào để xóa thư vào thùng rác ? (Chọn 2)

- 1 - Nháy chuột vào thư cần xóa, nhấn vào biểu tượng thùng rác.
- 2 - Nháy phải chuột vào thư cần xóa, nhấn vào biểu tượng thùng rác.
- 3 - Đánh dấu vào thư cần xóa, nhấn vào biểu tượng thùng rác.
- 4 - Chọn thư rồi nhấn phím Delete trên bàn phím.

Đáp án: 2,3

**Câu hỏi 64:** - Truyền thông thời gian thực, biết có hay không người liên hệ đang trực tuyến, chi phí thấp và khả năng truyền tải tập tin là những lợi ích chủ yếu của dịch vụ Internet nào ?

- 1 - Dịch vụ thư điện tử.
- 2 - Dịch vụ tin nhắn tức thời.
- 3 - Dịch vụ hội nghị truyền hình.
- 4 - Dịch vụ phòng trò chuyện trực tuyến.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 65:** - Phương thức nào là thời gian thực, dựa trên thông tin văn bản giữa hai hoặc nhiều người tham gia sử dụng Internet.

- 1 - Tin nhắn tức thời (IM).
- 2 - Tin nhắn văn bản (SMS).

3 - Thư điện tử (E-mail)

4 - Chia sẻ Video.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 66:** - Đánh dấu hai đặc điểm chính của hệ thống truyền giọng nói trên giao thức IP (Voice over Internet Protocol-VoIP) (Chọn 2)

1 - Không trả thêm bất kỳ một khoản chi phí nào.

2 - Chỉ thực hiện được bằng phần mềm.

3 - Phụ thuộc vào phần cứng được sử dụng.

4 - Cung cấp một liên kết đến các mạng điện thoại truyền thống.

5 - Phụ thuộc vào loại mạng vật lý hỗ trợ nó.

Đáp án: 1,4

**Câu hỏi 67:** - Hai phát biểu nào mô tả các đặc điểm của một hội nghị truyền hình ? (Chọn 2)

1 - Nó được sử dụng riêng cho các nhóm nhỏ.

2 - Nó cho phép trao đổi đồ họa và các tệp tin giữa các máy tính.

3 - Âm thanh theo thời gian thực video có một độ trễ nhất định.

4 - Điểm mấu chốt của công nghệ này là âm thanh được truyền theo công nghệ tương tự (analogical).

5 - Nó sử dụng một âm thanh và video truyền thông hai chiều.

Đáp án: 2,5

**Câu hỏi 68:** - Những hành vi nào là không thích hợp khi tham gia một diễn đàn ? (Chọn 2)

1 - Tạo những chú thích đơn điệu.

2 - Bao gồm các liên kết trong các mục thoại của bạn.

3 - Có ý phân biệt chủng tộc hay bài ngoại.

4 - Phỉ báng người khác.

5 - Sử dụng các biểu tượng cảm xúc.

Đáp án: 3,4

**Câu hỏi 69:** - Hai lợi ích thu được từ việc sử dụng thương mại điện tử? (Chọn 2.)

1 - Bạn có thể mua sắm 24 giờ một ngày, 365 ngày một năm.

2 - Bạn có thể chạm vào và cảm nhận hàng hoá trước khi bạn mua chúng.

3 - Bạn có thể cảm thấy an toàn trong việc đưa ra một số thẻ tín dụng.

4 - Bạn có thể so sánh giá cả từ các công ty khác nhau.

Đáp án: 1,4

**Câu hỏi 70:** - Một trang mạng bán hàng trực tuyến phải bao gồm các chức năng nào sau đây ?

1 - Hiện thị sản phẩm, tìm kiếm thông tin về hàng hóa, mua hàng, tạo giỏ hàng và thủ tục thanh toán.

2 - Hiện thị sản phẩm, tìm kiếm thông tin về hàng hóa và mua hàng.

3 - Hiện thị sản phẩm, tạo giỏ hàng và thủ tục thanh toán.

4 - Mua hàng, tạo giỏ hàng và thủ tục thanh toán.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 71:** - Internet là một mạng toàn cầu gồm rất nhiều mạng nhỏ hơn được kết nối với nhau. Mạng này nhằm những mục đích gì ? (Chọn 2)



- 1 - Lây nhiễm virus đến máy tính cá nhân.
- 2 - Truyền thông - liên lạc.
- 3 - Chia sẻ thông tin.
- 4 - Cung cấp dịch vụ mạng.

Đáp án: 2,3

**Câu hỏi 72:** - Những phát biểu nào sau đây là đúng đối với Internet ? (Chọn 3)

- 1 - Internet không có một cơ quan nào giám sát các nội dung trực tuyến.
- 2 - Internet không có một đơn vị chủ quản.
- 3 - Thông tin trên Internet hoàn toàn miễn phí để bạn đọc, nghe hoặc giải trí.
- 4 - Các thông tin trên Internet là hoàn toàn miễn phí khi bạn sao chép, sử dụng, phân phối hoặc biểu diễn giống như bạn là người tạo ra thông tin đó.

Đáp án: 1,2,3

**Câu hỏi 73:** - Do Internet có phạm vi rộng lớn, người dùng không kết nối trực tiếp với Internet mà phải mua (hoặc thuê bao) dịch vụ Internet thông qua đơn vị trung gian nào ?

- 1 - Nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP : Internet Service Provider).
- 2 - Nhà lập trình phần mềm.
- 3 - Mạng điện thoại công cộng.
- 4 - Quản trị trang Web của một công ty phần mềm.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 74:** - Nhà cung cấp dịch vụ Internet (ISP : Internet Service Provider) thực hiện vai trò gì ?

- 1 - Giám sát nội dung đăng tải trên Internet.
- 2 - Cung cấp kết nối Internet cho khách hàng.
- 3 - Quản lý Internet.
- 4 - Chia sẻ thông tin đến người dùng.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 75:** - Định nghĩa nào phù hợp với World Wide Web ?

- 1 - Là một mạng riêng sử dụng giao thức Internet để chia sẻ an toàn bất cứ phần nào của thông tin của một tổ chức.
- 2 - Là một hệ thống các tài liệu đa phương tiện được liên kết với nhau và có thể truy xuất được trên mạng Internet.
- 3 - Là một ứng dụng được sử dụng để đọc và hiển thị các trang thông tin trực tuyến.
- 4 - Là một tập hợp các trang web liên quan, hình ảnh, hoặc video, được đánh địa chỉ với một tên miền thông thường.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 76:** - Địa chỉ của một tài nguyên trên Internet (URL) là địa chỉ toàn cục của các tài liệu và các tài nguyên khác trên World Wide Web. Hãy chỉ ra hai thành phần cơ bản của một URL ? (Chọn 2)

- 1 - Phần định danh giao thức (Protocol Identifier).
- 2 - Tên miền đã đăng ký.
- 3 - Tên tài nguyên (Resource name).
- 4 - Tên miền ở cấp độ cao nhất.

Đáp án: 1,3

**Câu hỏi 77:** - Những phát biểu nào sau đây là đúng đối với khái niệm Trang chủ (Home page) ? (Chọn 2)

- 1 - Đây là một tập hợp trang web con, bao gồm văn bản, hình ảnh, video, flash.
- 2 - Đây là trang đầu tiên ở cấp độ cao nhất bạn quan sát được khi truy cập vào một trang Web.
- 3 - Trang này thường chứa các liên kết tới tất cả các trang khác nằm trên Website.
- 4 - Đây là nơi xác định vị trí của trang Web hoặc tệp tin lưu trữ trên máy chủ Web.

Đáp án: 2,3

**Câu hỏi 78:** - Phát biểu nào sau đây là đúng đối với khái niệm Trang web (Webpage) ?

- 1 - Đây là một tập hợp trang web con, bao gồm văn bản, hình ảnh, video, flash.
- 2 - Đây là trang đầu tiên ở cấp độ cao nhất bạn quan sát được khi truy cập vào một trang Web.
- 3 - Nhiều Webpage tạo nên một Website.
- 4 - Đây là nơi xác định vị trí của trang Web hoặc tệp tin lưu trữ trên máy chủ Web.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 79:** - Truy xuất và hiển thị các trang web, điều hướng trên World Wide Web, chạy các tệp tin đa phương tiện, hỗ trợ mã hóa để cho phép các trang Web bảo mật thực hiện các giao dịch. Đó là một số chức năng cơ bản của ..... ?

- 1 - trình duyệt Web
- 2 - hộp thư điện tử
- 3 - trang mạng xã hội
- 4 - nhà cung cấp dịch vụ Internet

Đáp án: 1

**Câu hỏi 80:** - Đây là một tiến trình chuyển dữ liệu về dạng văn bản có thể không đọc được. Tiến trình này được gọi là .....

- 1 - Mã hóa.
- 2 - định dạng dữ liệu
- 3 - truyền dữ liệu
- 4 - bảo mật

Đáp án: 1

**Câu hỏi 81:** - Mục đích của mã hóa thông tin trong truyền thông là gì ?

- 1 - Từ chối dịch vụ trong truyền thông.
- 2 - Tìm kiếm và giảm số lượng các lỗi, hoặc khuyết tật trong một chương trình máy tính.
- 3 - Làm cho việc đọc lá thư khó hơn trừ người bạn muốn gửi tới.
- 4 - Ngăn chặn truy cập trái phép trong thẩm quyền thông tin cho phép.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 82:** - Tường lửa (firewall) có những vai trò nào ? (Chọn 2)

- 1 - Bảo vệ mạng của bạn khỏi các hoạt động độc hại đến từ bên ngoài mạng.
- 2 - Kết nối các mạng LAN với nhau để thuận tiện cho việc mở rộng phạm vi kết nối và truyền tải thông tin.
- 3 - Cung cấp một "cửa" vào ra để mọi người có thể giao tiếp với một mạng bảo mật (LAN) và mạng Internet mở.

4 - Cung cấp dịch vụ chuyên mạch với mục đích gửi các bản tin truyền thông.

Đáp án: 1,3

**Câu hỏi 83:** - Phát biểu nào là đúng đối với khái niệm "Thư điện tử" (e-mail) ?

1 - Đây là dịch vụ chuyển thư dưới dạng số trên mạng máy tính thông qua các hộp thư điện tử.

2 - Đây là dịch vụ chuyển thư tới địa chỉ viết trong thư.

3 - Đây là một dịch vụ giống như dịch vụ bưu điện.

4 - Đây là dạng thư được viết trên máy tính.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 84:** - Cấu trúc nào sau đây là đúng của một địa chỉ thư điện tử (e-mail) ?

1 - Tên miền @ Tên e-mail

2 - Tên e-mail @ Tên miền

3 - Tên e-mail. Tên miền @

4 - @ Tên miền. Tên e-mail

Đáp án: 2

**Câu hỏi 85:** - Thư điện tử có những ưu điểm nổi bật nào ? (Chọn 3)

1 - Không biết địa chỉ nhà của người nhận vẫn gửi được thư.

2 - Thời gian chuyển gần như tức thời.

3 - Một người có thể gửi thư đồng thời cho nhiều người khác.

4 - Có thể gửi kèm tệp tin.

Đáp án: 2,3,4

**Câu hỏi 86:** - Bạn nhận được một thư điện tử từ một địa chỉ bạn chưa từng biết có nội dung quảng cáo đề nghị bạn gửi tiền quyên góp cho một tổ chức từ thiện nào đó. Đây là hình thức gì ?

1 - Lừa đảo trực tuyến (phishing).

2 - Giả mạo (spoofing).

3 - Tin tặc (hacker).

4 - Nhìn trộm (Shoulder surfing).

Đáp án: 1

**Câu hỏi 87:** - Bạn nhận được một bức thư điện tử chứa tệp tin đính kèm mà bạn không nhận biết ra, bạn sẽ xử lý thế nào để đảm bảo an toàn ?

1 - Mở tệp tin này ra để kiểm tra xem là tệp tin gì.

2 - Chuyển thư này cho ai đó mà bạn nghĩ rằng có thể nhận biết được.

3 - Quét tệp tin này bằng chương trình chống virus.

4 - Lưu bản sao tệp tin này vào đĩa cứng và mở bản sao này.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 88:** - Bạn muốn gửi thư điện tử trực tiếp cho Lan và đồng thời gửi 15 người bạn khác nhưng không hiển thị địa chỉ e-mail của những người bạn này. Vậy bạn nhập địa chỉ e-mail của Lan và của 15 bạn ở những trường nào ?

1 - To: địa chỉ e-mail của Lan; Cc: địa chỉ e-mail của 15 người bạn.

2 - To: địa chỉ e-mail của Lan; Bcc: địa chỉ e-mail của 15 người bạn.

3 - To: địa chỉ e-mail của Lan và của 15 người bạn.

4 - To: địa chỉ e-mail của bạn; Bcc: địa chỉ e-mail của Lan và 15 người bạn.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 89:** - An đã gửi thư điện tử cho Giao, Sa và Ken. Khi Giao mở bản tin, cô

ta thấy bản tin được gửi cho mình và Sa. Khi Sa mở bản tin, cô ấy nhìn thấy bản tin được gửi cho cô ta và Giao. Khi Ken mở bản tin, cô ấy nhìn thấy thư chỉ được gửi cho mình. Phát biểu nào sau đây mô tả đúng sự việc trên ?

1 - An đã liệt kê địa chỉ của Ken trong trường "To" trong khi Giao và Sa được đặt trong trường "Bcc".

2 - An đã liệt kê cả ba địa chỉ trong trường "To".

3 - An đã liệt kê địa chỉ của Giao và Sa trong trường "To", và liệt kê địa chỉ của Ken trong trường "Bcc".

4 - An đã liệt kê cả ba địa chỉ trong trường "Bcc".

Đáp án: 2

**Câu hỏi 90:** - Muốn tạo một địa chỉ Gmail mới, đầu tiên bạn phải thực hiện thao tác nào ?

1 - Vào trang web Gmail.com, gõ tên đăng nhập và mật khẩu.

2 - Vào trang web Gmail.com, chọn Create account.

3 - Vào trang web Gmail.com, chọn Find my account.

4 - Vào trang web Gmail.com, chọn My account.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 91:** - Chủ đề của e-mail (Subject) thường được ghi thế nào là tốt nhất ?

1 - Ngắn gọn, chính xác, nêu bật được mục đích của nội dung e-mail.

2 - Dùng biểu tượng để gây ấn tượng với người nhận.

3 - Ghi tóm tắt nội dung của e-mail.

4 - Ghi bằng chữ hoa cho nổi bật.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 92:** - Bạn không nên gửi một e-mail mà không có nội dung trong dòng chủ đề (Subject). Vì sao ?

1 - Vì nó hiển thị trong cửa sổ danh sách thư điện tử.

2 - Vì bạn không muốn hiển thị thông tin những người đồng nhận thư.

3 - Vì bạn không muốn hiển thị nội dung thư.

4 - Thư có thể bị chặn bởi máy chủ của người nhận thư này vì nghi ngờ đây là thư rác.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 93:** - Khi nào bạn nên sử dụng siêu liên kết thay vì đính kèm một tệp tin trong thư điện tử ?

1 - Khi tệp tin đính kèm lớn và tệp tin có thể được tải từ một vị trí xác định trên Website.

2 - Khi người nhận của bạn không thể xem định dạng văn bản.

3 - Khi tệp tin chứa địa chỉ thư điện tử của đồng nghiệp hoặc khách hàng.

4 - Khi bạn đang gửi bản tin từ máy chủ thư điện tử trên nền Web.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 94:** - Bạn nhận được một tệp đính kèm trong thư điện tử và bạn muốn chuyển tệp này cho người khác. Bạn thực hiện những thao tác nào khi viết thư ?

1 - Mở thư vừa nhận và bấm nút lệnh "Reply".

2 - Mở thư vừa nhận và bấm nút lệnh "Reply to all".

3 - Mở thư vừa nhận và bấm nút lệnh "Forward" và nhập địa chỉ e-mail người nhận.

4 – Bấm nút lệnh "Soạn - Compose" và nhập địa chỉ e-mail người nhận.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 95:** - Làm thế nào để bạn có thể lọc ra những thư điện tử có đính kèm tệp trong Gmail ?

1 - Đăng nhập vào Gmail, nhấp chuột mũi tên của ô tìm kiếm, chọn "Has Attachment".

2 - Đăng nhập vào Gmail, gõ vào ô tìm kiếm: "Attachment".

3 - Đăng nhập vào Gmail, gõ địa chỉ e-mail có đính kèm tệp vào ô tìm kiếm.

4 - Đăng nhập vào Gmail, gõ tên e-mail có đính kèm tệp vào ô tìm kiếm.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 96:** - Làm thế nào để bạn có thể lọc ra những thư điện tử chưa đọc trong Gmail ?

1 - Đăng nhập vào Gmail, nhấp chuột mũi tên của ô tìm kiếm, chọn "ReadMail".

2 - Đăng nhập vào Gmail, gõ vào ô tìm kiếm: "Thư chưa đọc".

3 - Đăng nhập vào Gmail, gõ địa chỉ e-mail chưa đọc vào ô tìm kiếm.

4 - Đăng nhập vào Gmail, nhấp chuột mũi tên của ô tìm kiếm, chọn "UnReadMail".

Đáp án: 4

**Câu hỏi 97:** - Bạn đang mở hộp thư Gmail. Làm sao để xem các thư điện tử đã gửi đi ?

1 - Nhấp chọn nút lệnh "Sent Mail".

2 - Nhấp chọn nút lệnh "Draft".

3 - Nhấp chọn nút lệnh "Compose".

4 - Nhấp chọn nút lệnh "Send".

Đáp án: 1

**Câu hỏi 98:** - Bạn đang sử dụng hộp thư Gmail. Làm thế nào để tìm kiếm một thư điện tử đã có trong hộp thư ?

1 - Gõ địa chỉ mail hoặc nội dung tìm kiếm vào thanh tìm kiếm trong hộp thư.

2 - Gõ địa chỉ mail hoặc nội dung tìm kiếm vào trường "To" trong hộp thư.

3 - Gõ địa chỉ mail hoặc nội dung tìm kiếm vào trường "Cc" trong hộp thư.

4 - Gõ địa chỉ mail hoặc nội dung tìm kiếm vào trường "Cc" trong hộp thư.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 99:** - Bạn hãy nêu thứ tự các bước để di chuyển một hoặc nhiều thư điện tử đến một thư mục của hộp thư ? (1. Chọn một hoặc nhiều thư điện tử, 2. Chọn thư mục thư, 3. Chọn di chuyển tới)

1 - Thứ tự các bước là: 1, 2, 3.

2 - Thứ tự các bước là: 1, 3, 2.

3 - Thứ tự các bước là: 2, 1, 3.

4 - Thứ tự các bước là: 3, 2, 1.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 100:** - Bạn hãy nêu thứ tự các bước để phục hồi một thư điện tử ra khỏi mục Spam ? (1. Chọn thư cần phục hồi ra khỏi mục Spam, 2. Đăng nhập vào hộp thư, 3. Nhấp chuột vào mục Spam, 4. Nhấp chuột vào nút lệnh "Not spam")

1 - Thứ tự các bước là: 1, 2, 3, 4.

2 - Thứ tự các bước là: 2, 1, 3, 4.

3 - Thứ tự các bước là: 1, 3, 2, 4.



4 - Thứ tự các bước là: 2, 3, 1, 4.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 101:** - Bạn hãy nêu thứ tự các bước để phục hồi một thư đã bị xóa vào thùng rác ? (1. Nhấp phải chuột vào thư cần phục hồi ra khỏi mục thùng rác, chọn Move to Inbox, 2. Nháy chuột vào mục Trash, 3. Đăng nhập vào hộp thư, 4. Gõ địa chỉ trang web)

1 - Thứ tự các bước là: 1, 2, 3, 4.

2 - Thứ tự các bước là: 2, 1, 3, 4.

3 - Thứ tự các bước là: 4, 3, 2, 1.

4 - Thứ tự các bước là: 3, 4, 1, 2.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 102:** - Phát biểu nào sau đây mô tả đúng khái niệm "Dịch vụ tin nhắn tức thời" (IM) ?

1 - IM (viết tắt của Instant Messaging), là một dịch vụ cho phép hai người trở lên nói chuyện trực tuyến với nhau qua một mạng máy tính.

2 - IM là Internet Message, dịch vụ nhắn tin Internet.

3 - IM là Intel Message, dịch vụ nhắn tin của hãng máy tính Intel.

4 - IM là dịch vụ để các mạng máy tính nói chuyện với nhau.

Đáp án: 1

**Câu hỏi 103:** - Hai phát biểu nào là đúng với khái niệm "Dịch vụ tin nhắn tức thời" (IM) ? (Chọn 2)

1 - Bất kỳ người sử dụng nào cũng có thể truy cập vào nhóm mà không cần phải được mời.

2 - Dịch vụ này cho phép gửi các tập tin như tài liệu, hình ảnh, video clip, và âm thanh.

3 - Các liên hệ có thể có các trạng thái khác nhau và tên của mỗi trạng thái có thể thay đổi tùy thuộc vào dịch vụ nhắn tin được sử dụng.

4 - Các thông báo trạng thái được hiển thị duy nhất khi người dùng đang trực tuyến.

Đáp án: 2,3

**Câu hỏi 104:** - Truyền thông giọng nói qua giao thức internet "VoIP" là công nghệ dùng trong loại hình truyền thông nào ?

1 - Phát thanh.

2 - Truyền hình.

3 - Điện thoại.

4 - Nhắn tin văn bản (SMS).

Đáp án: 3

**Câu hỏi 105:** - Điều nào sau đây là đúng liên quan đến hệ thống truyền giọng nói trên giao thức IP (VoIP) ?

1 - Một dịch vụ miễn phí cho các kết nối Internet.

2 - Dịch vụ chỉ khả dụng trên các hệ thống máy tính cá nhân.

3 - Phụ thuộc vào loại phần cứng được sử dụng

4 - Không yêu cầu một đường dây điện thoại truyền thống

5 - Chuyên dụng trong các môi trường kinh doanh

Đáp án: 4

**Câu hỏi 106:** - Đây là ứng dụng web có hỗ trợ các cuộc thảo luận và ý kiến trực tuyến, cho phép người sử dụng thể hiện ý tưởng hoặc ý kiến của họ về một chủ đề. Phát biểu này liên quan đến khái niệm nào ?

- 1 - Diễn đàn (Forums).
- 2 - Trò chuyện (Chats).
- 3 - Các bài viết (Articles).
- 4 - Bảng hình ảnh (Image boards).

Đáp án: 1

**Câu hỏi 107:** - Một trang thông tin điện tử do cá nhân thiết lập hoặc thiết lập thông qua việc sử dụng dịch vụ mạng xã hội để cung cấp, trao đổi thông tin của chính cá nhân đó, không đại diện cho tổ chức hoặc cá nhân khác và không cung cấp thông tin tổng hợp. Đây là đặc trưng của loại hình nào ?

- 1 - Cổng thông tin điện tử - Web Portal.
- 2 - Trang thông tin điện tử tổng hợp.
- 3 - Trang thông tin điện tử nội bộ.
- 4 - Trang thông tin điện tử cá nhân.

Đáp án: 4

**Câu hỏi 108:** - Lựa chọn nào sau đây góp phần giảm thiểu rủi ro khi mua hàng trực tuyến?

- 1 - Mua hàng chỉ trong giờ làm việc.
- 2 - Đảm bảo cung cấp thông tin thẻ tín dụng của bạn qua điện thoại.
- 3 - Hãy chắc chắn rằng trang web này là an toàn và địa chỉ URL hiển thị https.
- 4 - Gửi thông tin thẻ tín dụng chỉ bằng e-mail.

Đáp án: 3

**Câu hỏi 109:** - Mô tả nào sau đây là đúng nhất cho khái niệm ngân hàng điện tử ?

- 1 - Đây là phần cứng cho phép đăng nhập, sử dụng các dịch vụ: gửi tiền, rút tiền, chuyển khoản, thanh toán hóa đơn.
- 2 - Đây là phần mềm cho phép đăng nhập, sử dụng các dịch vụ: gửi tiền, rút tiền, chuyển khoản, thanh toán hóa đơn.
- 3 - Đây là phần mềm cho phép đăng nhập để tham khảo các thông tin sản phẩm.
- 4 - Đây là phần mềm trò chơi cài đặt sẵn trên máy tính dùng để mô phỏng các giao dịch ngân hàng.

Đáp án: 2

**Câu hỏi 110:** - Khi tên tài khoản và mật khẩu đăng nhập trực tuyến của bạn bị xâm nhập, những thông tin cá nhân nào khác của bạn có nguy cơ bị thu thập nhiều nhất ? (Chọn 2)

- 1 - Bài viết và hình ảnh của bạn trên trang cá nhân.
- 2 - Thông tin về thẻ tín dụng.
- 3 - Các giao dịch tài chính.
- 4 - Những sở thích hoặc thông tin về địa chỉ của bạn.

Đáp án: 2, 3

**Câu hỏi 111 :** Một đơn vị cung cấp một trang báo điện tử để cho người sử dụng có thể đọc trên mạng Internet thì có thể coi đơn vị đó là gì?

- 1- Một IAP.
- 2 - Một ISP.

3 - Một công ty phần mềm.

4 - Một ICP.

Đáp án: 2

**Câu 112 :** DNS là viết tắt của cụm từ tiếng Anh nào?

1- Domain Network System.

2- Dynamic Network System.

3- Dynamic Name System.

4- Domain Name System.

Đáp án: 4

**Câu 113 :** Các thành phần của tên miền được phân cách bằng ký tự gì?

1- Dấu “.”.

2 - Dấu “;”.

3 - Dấu “#”.

4 - Dấu “@”.

Đáp án: 1

**Câu 114 :** Địa chỉ IP được chia thành bao nhiêu phần, ngăn cách các phần bằng ký tự gì?

1- 4 phần, ngăn cách bằng dấu “;”.

2 - 5 phần, ngăn cách bằng dấu “;”.

3 - 4 phần, ngăn cách bằng dấu “.”.

4- 5 phần, ngăn cách bằng dấu “.”.

Đáp án: 3

**Câu 115 :** Địa chỉ IP nào dưới đây là hợp lệ?

1 - 10.16.200.300

2 - 192.168.10.132

3 - 400.20.1.255

4 172.193.2.3.0

Đáp án: 2